TỈNH ỦY SÓC TRĂNG
BAN TUYÊN GIÁO
*

TÀI LIỆU
BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN CHÍNH TRỊ HÈ NĂM 2021

(Lưu hành nội bộ)

Sóc Trăng, tháng 8-2021

MỤC LỤC

- Chuyên đề 1: Những nội dung cốt lõi, những vấn đề mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng và Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. 5

- Chuyên đề 2: Tình hình thế giới, trong nước trong thời gian gần đây. 23

- Chuyên đề 3: Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 2021. 76

- Chuyên đề 4: Chuyên đề toàn khóa năm 2021 "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc". 103

- Chuyên đề 5: Những vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ từ thực tiễn giảng dạy chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị biên soạn mới thực hiện Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.107 123

- Chuyên đề 6: Nhiệm vụ năm học 2021-2022 của ngành Giáo dục tỉnh Sóc Trăng. 136

- Chuyên đề 7: Xây dựng văn hóa ứng xử trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025 tỉnh Sóc Trăng. 144

Chuyên đề 1

NHỮNG NỘI DUNG CỐT LÕI, NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI TRONG CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA TỈNH ỦY THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

Phần thứ nhất

Những điểm mới và điểm nhấn nổi bật trong các Văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng

1. Về chủ đề Đại hội XIII của Đảng

Các thành tố trong chủ đề Đại hội XIII của Đảng so với Đại hội XII có một số điểm mới, đáng chú ý là: (1) Bổ sung xây dựng hệ thống chính trị vào nội dung xây dựng Đảng thành "Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh"; (2) Nêu "khát vọng phát triển đất nước"; (3) Xác định mục tiêu "đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Chủ đề Đại hội nêu "khát vọng đất nước" và được thể hiện đầy đủ trong văn kiện là "khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc". Đây là một điểm nhấn trong chủ đề Đại hội XIII.

2. Dự báo tình hình thế giới và trong nước

Về dự báo tình hình thế giới, so với Đại hội XII, Văn kiện Đại hội XIII nêu những dự báo mới: Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và gay gắt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang bị thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn.

Cục diện thế giới tiếp tục biến đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm; các nước lớn vẫn hợp tác, thỏa hiệp, nhưng đấu tranh kiềm chế lẫn nhau gay gắt hơn. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng trong quan hệ quốc tế gia tăng. Các nước đang phát triển, nhất

là các nước nhỏ đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới.

Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng và có thể còn kéo dài do tác động của đại dịch Covid-19. Các quốc gia, nhất là các nước lớn điều chỉnh lại chiến lược phát triển, giảm bớt sự phụ thuộc vào bên ngoài, làm thay đổi các chuỗi cung ứng. Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, tranh giành thị trường, các nguồn tài nguyên, công nghệ, nhân lực chất lượng cao, thu hút đầu tư nước ngoài giữa các nước ngày càng quyết liệt, tác động mạnh đến chuỗi sản xuất và phân phối toàn cầu.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc.

Về khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á, Văn kiện Đại hội XIII nêu những dự báo mới: Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn. Hòa bình, ổn định, tự do, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. ASEAN có vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác khu vực nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn.

Về tình hình trong nước, Văn kiện Đại hội XIII nêu những dự báo mới: Sau 35 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm năm tới, Việt Nam hội nhập quốc tế sâu, rộng hơn và sẽ thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết khi tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều hạn chế, yếu kém, đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới do tác động của đại dịch Covid-19 và khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra. So với Đại hội XII, Đại hội XIII nhấn mạnh một số dự báo: Xu hướng già hóa dân số nhanh; tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa tăng mạnh; biến đổi khí hậu gay gắt, phức tạp... ngày càng tác động mạnh đến sự phát triển của đất nước.

3. Hệ quan điểm chỉ đạo

So với các đại hội trước, Báo cáo chính trị Đại hội XIII có mục nêu hệ quan điểm chỉ đạo. Đây là một trong những điểm mới và điểm nhấn nổi bật. Báo cáo chính trị nêu: Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trong giai đoạn tới đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải quán triệt trong nhận thức và hoạt động thực tiễn các quan điểm cơ bản sau:

- *Quan điểm 1 nêu những vấn đề có tính nguyên tắc trong công cuộc đổi mới*: Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư

tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. So với các đại hội trước, Đại hội XIII bổ sung *"kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng"*. Đây là những quan điểm có tính nguyên tắc, bất di, bất dịch.

- *Quan điểm 2 nêu chiến lược tổng thể phát triển đất nước nhanh, bền vững*: Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng - an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

- *Quan điểm 3 nêu động lực phát triển*: Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước.

- *Quan điểm 4 nêu nguồn lực phát triển*: Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

- *Quan điểm 5 nêu những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc*: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

4. Cách tiếp cận xác định mục tiêu

Mục tiêu tổng quát: Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn

vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, *nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*.

So với Đại hội XII, Đại hội XIII bổ sung *"năng lực cầm quyền"* vào nội dung "nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng"; bổ sung *"hệ thống chính trị"*, *" toàn diện"*, *"tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa"*; xác định *"đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"*.

Mục tiêu cụ thể:

- *Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước*: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- *Đến năm 2030*, *kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng*: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- *Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Việc xác định mục tiêu như trên theo cách tiếp cận mới: Trình độ phát triển, trình độ công nghiệp và thu nhập bình quân đầu người. Đây là tổng hợp cách tiếp cận của Đảng ta trong 35 năm đổi mới và phù hợp với cách tiếp cận của thế giới.

Điểm mới trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030

Báo cáo chính trị nêu định hướng phát triển đất nước 10 năm tới:

(1) Định hướng về xây dựng, hoàn thiện thể chế: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường...; tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Điểm mới và cũng là điểm nhấn là *"hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển"*.

(2) Định hướng về phát triển kinh tế: Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô

thị; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Điểm nhấn là *"đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số"*.

(3) Định hướng về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ: Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

(4) Định hướng phát triển con người và xây dựng nền văn hóa: Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước.

(5) Định hướng về quản lý phát triển xã hội: Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hoá, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Điểm nhấn là *"quan tâm đến mọi người dân"*.

(6) Định hướng về thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường: Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường. Điểm nhấn là *"bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái"*.

(7) Định hướng về bảo vệ Tổ quốc: Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh con người, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương. Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những nhân tố bất lợi, nhất là những nhân tố có thể gây đột biến; đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

(8) Định hướng về đối ngoại: Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

(9) Định hướng về đại đoàn kết toàn dân tộc: Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò tự quản của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

(10) Định hướng về xây dựng Nhà nước: Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội.

(11) Định hướng về xây dựng Đảng: Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện; tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; làm tốt công tác tư tưởng, lý luận; chú trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật và dân vận của Đảng. Điểm nhấn là *"xây dựng và chỉnh đốn Đảng toàn diện"*.

(12) Về các mối quan hệ lớn: Tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các quan hệ lớn: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng

bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: Trong nhận thức và giải quyết các quan hệ lớn, cần chú trọng hơn đến bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp; phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữ vững độc lập, tự chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Trên cơ sở định hướng phát triển đất nước nêu trong Báo cáo chính trị, Báo cáo xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã xác định cụ thể hơn, đầy đủ hơn.

6. Định hướng nhiệm vụ, giải pháp trên các lĩnh vực chủ yếu 5 năm 2021-2025

Một là, trên lĩnh vực kinh tế

Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh. Thực hiện tốt hơn phát triển bền vững kinh tế biển. Xây dựng chiến lược, hoàn thiện thể chế phát triển đô thị và kinh tế đô thị. Thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

Hai là, lĩnh vực văn hóa, xã hội

Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước. Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển giáo dục Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, lấy chất lượng và hiệu quả đầu ra làm thước đo.

Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, chuyển giao ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ thể chế, chính

sách ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ.

Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị và thành tựu của văn hóa, khoa học, kỹ thuật công nghệ của thế giới.

Quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. Xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội bền vững, hài hòa. Xây dựng và thực thi có hiệu quả chính sách dân số và phát triển, phát huy lợi thế thời kỳ dân số vàng, đồng thời chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm mức tăng dân số hợp lý và cân bằng giới tính khi sinh.

Quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng chiến lược, hoàn thiện hệ thống thể chế quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, trọng tâm là đất đai.

Ba là, trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh, đối ngoại

Tăng cường quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Đến năm 2025, cơ bản xây dựng quân đội, công an tinh, gọn, mạnh. Đến năm 2030, xây dựng một số quân chủng, binh chủng, lực lượng hiện đại; phấn đấu từ năm 2030 xây dựng quân đội, công an hiện đại, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp trên các vùng, miền trên biển.

Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường, hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước. Điểm nhấn và xác định *"phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định"*.

Bốn là, trên lĩnh vực xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân. Thực hiện tốt, có hiệu quả phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Điểm nhấn là bổ sung *"dân giám sát, dân thụ hưởng"*.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.

Trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát kỷ luật Đảng; thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ, triệt để hơn, hiệu quả hơn; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới. Điểm nhấn là xác định *"xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ"*.

7. Nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược

Về những nhiệm vụ trọng tâm

Đại hội XII xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm, Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII cũng nêu 6 nhiệm vụ trọng tâm. So với Đại hội XII, Báo cáo chính trị có 2 điểm mới" (1) Về cơ cấu: Đại hội XII dành nhiệm vụ 1 và 2 về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ; Báo cáo chính trị Đại hội XIII dành nhiệm vụ thứ nhất về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, thêm nhiệm vụ về tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu; (2) Nội dung từng nhiệm vụ trọng tâm có những nội dung mới. Cụ thể như sau:

(1) *Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị,* Báo cáo chính trị bổ sung yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm", những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", nhấn mạnh củng cố lòng tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

(2) *Về phát triển kinh tế,* Báo cáo chính trị bổ sung, nhấn mạnh xây dựng hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kiết giữa các khu vực, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số,

nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

(3) *Về quốc phòng - an ninh, đối ngoại,* Báo cáo chính trị nhấn mạnh: Giữ vững độc lập, tự chủ, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

(4) *Về văn hóa, xã hội,* Báo cáo chính trị bổ sung, nhấn mạnh: Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam.

(5) *Về dân chủ xã hội chủ nghĩa, đại đoàn kết toàn dân tộc,* Báo cáo chính trị bổ sung và nhấn mạnh: Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là sự gương mẫu tuân theo pháp luật, kỷ cương, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên, tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc.

(6) *Về tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu,* Báo cáo chính trị nêu: Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

Báo cáo về kinh tế và xây dựng Đảng đã cụ thể hóa nhiệm vụ trọng tâm nêu trong Báo cáo chính trị.

Về các đột phá chiến lược

Ba đột phá chiến lược do Đại hội lần thứ XI, XII của Đảng xác định có ý nghĩa, giá trị lâu dài, vẫn còn nguyên giá trị và sẽ được cụ thể hóa phù hợp với từng giai đoạn phát triển. So với Đại hội XII, Báo cáo chính trị bổ sung, nhấn mạnh những nội dung sau:

(1) *Về thể chế,* Báo cáo chính trị mở rộng phạm vi thành thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo;

huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng những biện pháp hữu hiệu.

(2) *Về nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao,* Báo cáo chính trị bổ sung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(3) *Về hệ thống kết cấu hạ tầng,* Báo cáo chính trị nhấn mạnh yêu cầu xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội theo hai hướng ưu tiên: *Một là,* phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu. *Hai là,* chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

Sự cụ thể hóa 3 khâu đột phá chiến lược của Đại hội XI, XII vào giai đoạn 5 năm 2021-2025 là một điểm mới của Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII của Đảng. Báo cáo về kinh tế và xây dựng Đảng đã cụ thể hóa các đột phá chiến lược được xác định trong Báo cáo chính trị.

Phần thứ hai

Chương trình của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

Quán triệt quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chỉ thị số 01-CT/TW, ngày 09/3/2021 của Bộ Chính trị về việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Tỉnh uỷ ban hành Chương trình thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhằm thống nhất về nhận thức và hành động, kịp thời cụ thể hoá và tổ

chức thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và các đột phá chiến lược Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2. Các cấp uỷ, tổ chức đảng xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị; tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, nỗ lực phấn đấu cao nhất, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối và những chủ trương nêu trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

II- CÔNG TÁC TRIỂN KHAI VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Công tác triển khai, quán triệt Nghị quyết

Công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Chương trình của Tỉnh uỷ là nhiệm vụ rất quan trọng, phải được triển khai thực hiện một cách thường xuyên, nghiêm túc, bài bản, khoa học trong suốt nhiệm kỳ 2020-2025.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh uỷ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 09-KH/TU, ngày 22/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng gắn với nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và Chương trình này trong toàn Đảng bộ và nhân dân, nhằm giúp cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân trong tỉnh nắm vững quan điểm chỉ đạo, định hướng và các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá được nêu trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Chương trình của Tỉnh uỷ, tạo sự chuyển biến về nhận thức, thống nhất ý chí và hành động của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và sự đồng thuận của nhân dân.

2. Định hướng phát triển tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025

2.1. Tiếp tục đổi mới tư duy, góp phần cùng cả nước xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường,... kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững.

2.2. Tập trung nâng cao chất lượng hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, góp phần xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đồng bộ, khả thi, minh bạch, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, nhằm tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh; cùng với cả nước bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô

hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hoà, hiệu quả thị trường trong nước và thế giới.

2.3. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Tăng cường công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, đặc biệt là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất và đời sống phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.4. Phát triển toàn diện con người Việt Nam, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người dân đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hoá dân tộc; tăng cường đầu tư, khai thác và phát huy tối đa các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực văn hoá, du lịch đi đôi với đổi mới nội dung, phương thức quản lý, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả; có cơ chế, chính sách, giải pháp để xây dựng môi trường văn hoá thật sự trong sạch, lành mạnh, cải thiện điều kiện hưởng thụ văn hoá của nhân dân; phát huy ý thức tự giác của toàn dân xây dựng và thực hiện các chế tài, quy định, quy ước xã hội, bảo đảm công bằng về cơ hội và thụ hưởng văn hoá; khơi dậy tài năng, trí tuệ, phẩm chất của nhân dân làm trung tâm, mục tiêu và động lực quan trọng để phát triển trong thời gian tới.

2.5. Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người; triển khai đồng bộ, toàn diện các mục tiêu kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường.Trên cơ sở đó, đổi mới phân bổ nguồn lực hợp lý để nâng cao hiệu quả phát triển xã hội; xây dựng môi trường văn hoá, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt an sinh xã hội; không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

2.6. Chủ động rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh một cách có hiệu quả; quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết

kiệm, bền vững tài nguyên nước, đất đai, khoáng sản,… lấy bảo vệ môi trường sống và sức khoẻ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

2.7. Củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương; tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; chủ động nắm tình hình, xử lý tốt các tình huống về quốc phòng - an ninh, không để bị động, bất ngờ; triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ; củng cố, nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2.8. Mở rộng quan hệ hợp tác về kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường… với các tổ chức trong và ngoài nước; coi trọng phát triển quan hệ có chiều sâu với bạn bè, đối tác tài trợ truyền thống, phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của từng đối tác. Chủ động làm tốt công tác thu hút, vận động các nguồn lực và nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài (NGO), quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ và phát triển chính thức (ODA), thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế, bảo đảm kết hợp hài hoà giữa lợi ích của các bên.

2.9. Thực hiện có hiệu quả cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" và phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"; kiên quyết đấu tranh chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo, dân tộc chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy sức mạnh to lớn của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh; chú trọng đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo đối với công tác dân vận trong tình hình mới; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phong trào "Dân vận khéo" và kịp thời biểu dương, khen thưởng và nhân rộng mô hình "Dân vận khéo" trong hệ thống chính trị.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác nắm tình hình, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân; quan tâm chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng đoàn viên, hội viên và nhân dân. Thực hiện tốt công tác giám sát và phản biện xã hội; phát huy vai trò của nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở các loại hình.

2.10. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả hơn theo phương châm kết hợp chặt chẽ giữa chủ động phòng ngừa với phát hiện sớm, xử lý kịp thời, nghiêm minh, không có vùng cấm, không có ngoại lệ.

2.11. Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện; đẩy mạnh xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức và cán bộ; thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII và Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TWcủa Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý đủ phẩm chất, có bản lĩnh, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng; kịp thời thẩm tra, xác minh, kết luận lịch sử chính trị và chính trị hiện nay, góp phần làm trong sạch nội bộ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng; kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát theo chuyên đề, kiểm tra đột xuất và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, góp phần răn đe tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

2.12. Tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các quan hệ lớn: Quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội; giữ vững độc lập, tự chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

3. Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

3.1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm", những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu

cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Củng cố lòng tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

3.2. Tiếp tục cùng với cả nước tập trung kiểm soát đại dịch Covid-19; tổ chức tiêm chủng vắc-xin Covid-19 cho cộng đồng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả mục tiêu kép, vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khoẻ nhân dân, vừa thực hiện nhiệm vụ ổn định, phát triển kinh tế - xã hội; đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình, dự án. Khai thác lợi thế hành lang kinh tế ven sông Hậu kết nối khu vực kinh tế biển; kêu gọi đầu tư các dự án năng lượng, cảng biển, khu logistics, phát triển các khu, cụm công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch; đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

3.3. Triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, chống phá của các thế lực thù địch, tổ chức phản động và các loại tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

3.4. Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá gắn với phát triển du lịch. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

3.5. Triển khai đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là sự gương mẫu tuân theo pháp luật, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên; tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc.

3.6. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu.

4. Triển khai các đột phá chiến lược theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

4.1.Tiếp tục góp phần cùng cả nước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương; ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả

Nghị quyết của Tỉnh uỷ về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025 gắn với xây dựng chính quyền điện tử hướng đến xây dựng chính phủ số, kinh tế số; đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo sự chuyển biến rõ nét trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, thúc đẩy khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính tín dụng, hợp tác công - tư; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát thực thi pháp luật nghiêm minh.

4.2. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh uỷ về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; phát triển toàn diện nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo nhằm đáp ứng từng bước yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

4.3. Tập trung đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm về hạ tầng giao thông, thuỷ lợi thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư năng lượng, cảng biển, khu logistics, khu, cụm công nghiệp, các đô thị, hạ tầng du lịch, hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, phát triển kinh tế số. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh uỷ về xây dựng thành phố Sóc Trăng phát triển bền vững theo tiêu chí đô thị loại II, hướng đến đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025; Đề án hoàn chỉnh các tiêu chí đô thị loại III đối với khu vực các phường thuộc thị xã Vĩnh Châu và thị xã Ngã Năm.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tham mưu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát các cấp uỷ, tổ chức đảng thực hiện Chương trình này, nhằm góp phần bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

2. Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh khẩn trương lãnh đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình này theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phân công lãnh đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn lực, kinh phí thực hiện, bảo đảm đạt chất lượng, hiệu quả và đúng tiến độ của Chương trình; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng các điển hình tiêu biểu nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng,

an ninh hằng năm và cả nhiệm kỳ.

3. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình này theo chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm đạt chất lượng, hiệu quả và đúng tiến độ.

Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ hướng dẫn việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Chương trình của Tỉnh uỷ.

Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng trên địa bàn tỉnh.

Ban Dân vận Tỉnh uỷ xây dựng kế hoạch, phát động các phong trào thi đua với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, sát với tình hình thực tế của các địa phương, đơn vị, từng đối tượng và phù hợp với từng nội dung cụ thể được nêu trong Chương trình này; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận xã hội; phát huy sức mạnh của đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia thực hiện có hiệu quả Chương trình này.

4. Cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp căn cứ vào Chương trình này xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án phù hợp với đặc điểm, tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị để tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm tính khả thi, thiết thực và hiệu quả.

Chuyên đề 2
TÌNH HÌNH THẾ GIỚI, TRONG NƯỚC THỜI GIAN GẦN ĐÂY

Phần thứ nhất

Một số kết quả nổi bật của công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021

Sáu tháng đầu năm 2021 gắn với những sự kiện trọng đại của đất nước. Trong đó, nổi bật nhất là Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng - sự kiện đánh dấu 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới và xác định tầm nhìn phát triển trong giai đoạn chiến lược sắp tới của đất nước. Đây cũng là thời điểm Việt Nam đảm nhiệm trọng trách Chủ tịch Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc trong tháng 4 và tiếp tục cùng các nước ASEAN hiện thực hóa tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025.

Trong những tháng đầu tiên triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIII, tình hình thế giới, khu vực nổi lên nhiều diễn biến phức tạp, mau lẹ và khó lường. Trong bối cảnh đó, công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta 6 tháng qua đã được triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả, linh hoạt, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho phát triển và bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh quốc gia; bước đầu tạo ra những xung lực mới góp phần thực hiện "mục tiêu kép" vừa phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao vị thế đất nước.

I. Một số nét chính của tình hình thế giới, khu vực trong 6 tháng đầu năm 2021:

Tình hình thế giới, khu vực trong 6 tháng qua chịu ảnh hưởng lớn của đại dịch Covid-19, các thách thức phi truyền thống và cạnh tranh chiến lược quyết liệt giữa các nước lớn. Các điểm nóng trên khắp thế giới và nhất là ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động trực tiếp và toàn diện đến an ninh và phát triển của đất nước ta.

1. Tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến theo chiều hướng đáng lo ngại khi tâm dịch Covid-19 đã chuyển về Châu Á với việc nhiều nước Nam Á và Đông Nam Á phải ứng phó với làn sóng lây nhiễm mới với những biến thể vi-rút có tốc độ lây lan nhanh hơn. Thành công trong bào chế và đưa vào sử dụng của nhiều loại vắc-xin đã mở ra hy vọng, song thế giới vẫn chưa thể chiến thắng được đại dịch, nhất là khi việc tiếp cận vắc-xin của các nước đang

phát triển, các nước nghèo vẫn còn gặp nhiều khó khăn (các nước thu nhập thấp nhất chỉ chiếm 0,3% số liều vắc-xin được tiêm trên thế giới). Cơ chế COVAX dù rất nỗ lực song mới chỉ đáp ứng được 20% nhu cầu toàn cầu. Bên cạnh đó, các vấn đề an ninh phi truyền thống khác cũng ngày càng được cộng đồng quốc tế quan tâm, nhất là biến đổi khí hậu, môi trường, các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc[1].

2. Kinh tế thế giới được dự báo phục hồi khả quan, song còn bấp bênh và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Theo Ngân hàng thế giới (WB), kinh tế thế giới có thể tăng trưởng 5,6% trong năm 2021, cao nhất sau các đợt suy thoái trong vòng 80 năm qua với động lực chính xuất phát từ sự phục hồi của các nền kinh tế lớn[2]. Tuy nhiên, xu hướng phục hồi "không đồng đều, đa tốc độ" giữa các nước ngày càng rõ nét do bất bình đẳng trong tiếp cận vắc-xin Covid-19 và triển khai tiêm chủng. Theo WB và IMF, nếu như không tính Trung Quốc thì nhóm các nền kinh tế đang phát triển có thể chỉ tăng trưởng 4,4% trong năm 2021, thấp hơn mức tăng trưởng trung bình của các nền kinh tế phát triển (5,1%). Đây là xu thế đáng lo ngại, lần đầu tiên xảy ra trong nhiều năm qua, cho thấy các nước đang phát triển đang đối diện với nguy cơ mất đà tăng trưởng nếu không kiểm soát được dịch bệnh. Bên cạnh đó, nguy cơ lạm phát, nợ công tăng, gián đoạn chuỗi cung ứng, căng thẳng địa chính trị… tiếp tục đe dọa sự ổn định của kinh tế thế giới.

Xu hướng liên kết kinh tế tiếp tục được thúc đẩy, trong đó các nội dung về kết nối số ngày càng trở nên rõ nét. Nhiều nước bày tỏ mong muốn gia nhập CPTPP trong khi một số nước đã hoàn thành phê chuẩn RCEP; tiến hành đàm phán, ký kết và đi vào triển khai các FTA song phương và đa phương mới[3]. Xu hướng chuyển đổi số trong các FTA được đẩy nhanh, nhất là tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: trong các FTA được nâng cấp của Trung Quốc với một số nước như New Zealand, Singapore… đều có các nội dung về kinh tế số; Hiệp định về kinh tế số khu vực Châu Á - Thái Bình Dương được tích cực trao đổi trong APEC… Bên cạnh đó, việc xây dựng luật chơi về số tiếp tục được đẩy mạnh: G7 đạt thỏa thuận lịch sử về mức thuế doanh nghiệp toàn cầu tối thiểu ở mức 15% nhằm quản lý việc thu thuế

---

(1) Nhiều hội nghị quốc tế về phát triển bền vững được tổ chức, nổi bật là Hội nghị Thượng đỉnh về khí hậu do Mỹ đề xuất, Hội nghị thượng đỉnh Đối tác vì tăng trưởng xanh và mục tiêu toàn cầu (P4G). Nhiều nước ban hành các chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh: Nhật Bản và EU thành lập "Liên minh xanh Nhật Bản - EU" (27/5); EU thông qua Đạo luật về môi trường…

(2) Trong đó nổi bật là Mỹ và Trung Quốc với mức tăng trưởng quý I lần lượt là 6,4%và 18,3%

(3) Trong đó nổi bật có FTA EU - Anh (29/4), Anh - Ấn Độ (4/5), Hàn Quốc - I-xra-en (12/5)…

của các tập đoàn công nghệ; OECD thúc đẩy thỏa thuận về thuế dịch vụ số đầu tiên trên toàn cầu…

3. Mâu thuẫn, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiếp tục căng thẳng, chi phối cục diện quốc tế, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của các nước vừa và nhỏ. Tuy nhiên, mặt can dự và hợp tác giữa các nước lớn cũng đang dần rõ nét. Quan hệ Mỹ - Trung vận động theo hướng cạnh tranh chiến lược, song các kênh đối thoại đã được nối lại dù còn nhiều khó khăn, trở lực. Quan hệ giữa Mỹ, EU với Nga tiếp tục căng thẳng, song Mỹ và Nga đã tiến hành Hội nghị thượng đỉnh ngày 16/6. Mặt cọ xát trong quan hệ EU - Trung Quốc, Trung Quốc - Ô-xtrây-li-a gia tăng; trong khi quan hệ Trung - Nhật vẫn chưa có tiến triển dù các kênh đối thoại vẫn được duy trì. Quan hệ Trung - Nga được lãnh đạo hai nước tuyên bố là "đang tốt đẹp nhất trong lịch sử".

4. Chủ nghĩa đa phương được củng cố; chính sách của Mỹ dưới chính quyền Tổng thống Biden được điều chỉnh theo hướng gia tăng sự quan tâm và nguồn lực, nhất là đối với một số tổ chức quốc tế mà Mỹ có lợi ích lớn. Hợp tác đa phương được đẩy mạnh để ứng phó với các thách thức toàn cầu như kêu gọi được các nước phát triển cùng giảm khí phát thải, cùng cam kết tài trợ vắc-xin cho các nước đang phát triển... Các cơ chế đa phương, đặc biệt là Liên hợp quốc tuy vẫn gặp khó khăn, song phát huy vai trò trong ứng phó với đại dịch và xử lý các vấn đề toàn cầu. WHO, GAVI, COVAX kiên định nguyên tắc bảo đảm tiếp cận công bằng với thuốc điều trị và vắc-xin ngừa Covid-19. Các cơ chế hợp tác "tiểu nhóm" như Bộ Tứ, Sáng kiến "Chuỗi cung ứng bền vững" (SCRI) của Nhật Bản, Ấn Độ và Ô-xtrây-li-a được thúc đẩy.

5. Khu vực Châu Á- Thái Bình Dương tiếp tục phát triển năng động, song trở thành tâm điểm cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Đến nay, nhiều nước lớn đều có những chiến lược/chính sách ưu tiên đối với khu vực. Điều này một mặt mở ra thêm cơ hội hợp tác, nhưng cũng lẩn khuất những nhân tố phức tạp liên quan đến cạnh tranh chiến lược nước lớn. Môi trường an ninh khu vực vẫn có nhiều bất ổn, nhất là vấn đề Biển Đông, Đài Loan, tình hình Myanmar, bán đảo Triều Tiên... Trong bối cảnh đó, ASEAN đã tỏ rõ bản lĩnh và sự tự cường, chứng minh được vai trò trong xử lý các vấn đề khu vực và vị trí trung tâm trong cấu trúc khu vực đang định hình, hướng đến việc xây dựng một Cộng đồng gắn kết và chủ động thích ứng. Các nước coi trọng vai trò trung tâm của ASEAN trong xử lý các vấn đề khu vực, trong đó có vấn đề Mi-an-ma; nhiều nước bày tỏ mong muốn tăng cường hợp tác và nâng cấp quan hệ với ASEAN. Tuy nhiên, sự gia tăng của cạnh tranh trong khu vực cũng khiến các lực kéo, lực đẩy từ bên ngoài đối với ASEAN trở nên rất phức tạp.

II. Những kết quả và dấu ấn đối ngoại quan trọng:

Trong 6 tháng đầu năm 2021, công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta đã được triển khai đồng bộ, kịp thời, linh hoạt, hiệu quả trên tất cả các trụ cột; từng bước cụ thể hóa và đưa đường lối đối ngoại Đại hội XIII đi vào cuộc sống; khẩn trương triển khai hiệu quả các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo cấp cao khóa mới; chủ động, tích cực thúc đẩy hợp tác quốc tế phục vụ "mục tiêu kép" của Chính phủ; xử lý các vấn đề nảy sinh trong quan hệ với các đối tác chủ chốt; tích cực phát huy vai trò trong ASEAN và Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (HĐBA/LHQ). Những kết quả nổi bật là:

1. Thắt chặt hơn nữa quan hệ giữa ta với các nước và các chính đảng trên thế giới trong dịp Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; tiếp tục củng cố và đưa vào chiều sâu quan hệ song phương của ta với các đối tác:

Trong dịp Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta đã nhận được **368** thư, điện mừng của các chính đảng, Nhà nước, tổ chức và bạn bè quốc tế từ **93** quốc gia, tăng gần **50%** so với kỳ Đại hội trước. Nhân dịp đồng chí Nguyễn Phú Trọng tiếp tục được bầu giữ chức Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, nguyên thủ, lãnh đạo nhiều nước đã gửi điện chúc mừng. Sau kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa XIV kiện toàn các chức danh lãnh đạo Nhà nước và Chính phủ, lãnh đạo cấp cao ta đã nhận **hơn 200** thư/ điện mừng từ lãnh đạo các nước trên thế giới. Những con số thể hiện rõ sự coi trọng của các nước lớn, bạn bè quốc tế đối với Việt Nam và vai trò lãnh đạo đất nước của Đảng ta. Trong 6 tháng đầu năm 2021, Lãnh đạo cấp cao đã có **25** cuộc điện đàm, trao đổi trực tuyến song phương với lãnh đạo các nước lớn, các đối tác quan trọng và các nước láng giềng, bạn bè truyền thống[4]; tham dự và phát biểu trực tuyến tại nhiều hội nghị, diễn đàn đa phương[5], qua đó xây dựng quan hệ với lãnh đạo các nước, đẩy mạnh đà quan hệ, phát huy hiệu quả các cơ chế hợp tác và trao đổi về những vấn đề quốc tế và khu vực cùng quan tâm.

Ta củng cố, tăng cường quan hệ đối tác đặc biệt với **Lào**, quan hệ láng giềng hữu nghị với **Campuchia**; thúc đẩy cơ chế hợp tác giữa ba nước (Hội

---

(4) Gồm Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Pháp, Canada, Australia, Lào, Campuchia, Singapore, Thái Lan, Chile, Cuba.

(5) Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc chủ trì phiên thảo luận mở cấp cao của Hội đồng Bảo an với chủ đề "Tăng cường hợp tác giữa Liên hợp quốc với các tổ chức khu vực nhằm thúc đẩy xây dựng lòng tin và đối thoại trong ngăn ngừa và giải quyết xung đột" (19/4); tham dự Diễn đàn châu Á Bác Ngao (20/4); phát biểu về chủ đề "Các lợi ích kinh tế của Hành động khí hậu" tại Hội nghị Thượng đỉnh về Khí hậu (22/4). Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tham dự phiên Thảo luận mở Cấp cao trực tuyến của Hội đồng Bảo an LHQ (23/02); Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tham dự Hội nghị quốc tế về Tương lai Châu Á lần thứ 26 (20-21/5), Diễn đàn cấp cao Đối tác về tăng trưởng xanh và mục tiêu toàn cầu đến năm 2030 (P4G) (31/5).

đàm trực tuyến 3 Thủ tướng Việt Nam - Lào - Campuchia tháng 3/2021). Tất cả các lãnh đạo cấp cao của ta đều đã điện đàm với lãnh đạo Lào và Cam-pu-chia nhân dịp Đại hội XIII và Quốc hội phê chuẩn các chức danh lãnh đạo mới. Đặc biệt, mức độ đan xen lợi ích, nhất là lợi ích kinh tế ngày càng gia tăng. Trong 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch thương mại song phương với Lào tăng 25%; với Campuchia tăng 122% so với cùng kỳ năm 2020. Trong thời điểm Lào và Campuchia đối mặt với tình hình dịch bệnh phức tạp, Đảng và Chính phủ ta cũng đã kịp thời hỗ trợ vật tư y tế và tài chính để Bạn vượt qua khó khăn.

Quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện với **Trung Quốc** tiếp tục được củng cố; không khí hữu nghị và hợp tác được duy trì và thúc đẩy trên tất cả các kênh Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và giao lưu nhân dân. Mật độ tiếp xúc, trao đổi giữa lãnh đạo cấp cao hai nước được duy trì ở mức cao[6]. Hợp tác kinh tế thương mại tiếp tục là điểm sáng với tăng trưởng 42,2% trong kim ngạch thương mại song phương 4 tháng đầu năm. Trung Quốc khẳng định mong muốn cùng nhau kiểm soát và giải quyết tốt các bất đồng, tiếp tục thúc đẩy và làm sâu sắc quan hệ hợp tác hữu nghị, đối tác hợp tác chiến lược toàn diện giữa hai nước.

Quan hệ với **Mỹ** duy trì được đà phát triển tích cực. Ta chủ động thúc đẩy quan hệ với chính quyền mới của Tổng thống Biden. Mỹ tái khẳng định tôn trọng thể chế chính trị của Việt Nam, đánh giá cao vai trò của Việt Nam trong khu vực. Hợp tác kinh tế - thương mại đạt nhiều tiến triển tích cực, xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2021 của ta sang Mỹ đạt mức kỷ lục gần 30 tỷ USD, tăng 48% so với cùng kỳ. Đặc biệt, ta đã xử lý thành công việc Mỹ đưa Việt Nam ra khỏi danh sách các nước bị Mỹ cho là "thao túng tiền tệ"; hai bên tiếp tục trao đổi để vượt qua những khác biệt trong một số vấn đề thương mại, sở hữu trí tuệ, dân chủ nhân quyền, tôn giáo…

Quan hệ với các đối tác quan trọng và bạn bè truyền thống khác tiếp tục được củng cố và phát triển. Quan hệ với **EU** phát triển thực chất; ngay sau khi EVFTA có hiệu lực, xuất khẩu của ta vào thị trường EU đã tăng 22,7% trong 5 tháng đầu năm 2021. Quan hệ với **Nhật Bản** phát triển tốt đẹp, toàn diện với

---

(6) Tổng Bí thư, Chủ tịch Nguyễn Phú Trọng điện đàm với Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình (08/02); Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tiếp Bộ trưởng Công an Trung Quốc Triệu Khắc Chí (19/2). Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tiếp Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc Ngụy Phượng Hòa (ngày 26/4). Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc điện đàm với Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình (24/5). Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính điện đàm với Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường (04/6). Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn điện đàm với Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị (16/4); hai bên hội đàm tại Trùng Khánh, Trung Quốc (08/6).

sự tin cậy chính trị cao; hai bên duy trì trao đổi cấp cao, các cấp[7]; thúc đẩy hợp tác, giao lưu giữa chính đảng, Quốc hội, quốc phòng - an ninh và đạt kết quả thực chất; hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư được tăng cường[8]. Quan hệ với **Hàn Quốc** duy trì đà hợp tác; Hàn Quốc tiếp tục dẫn đầu trong tổng số 140 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Quan hệ với với **Nga** tiếp tục phát triển ổn định; hai bên phối hợp chặt chẽ trong tổ chức các hoạt động Năm chéo Việt - Nga 2019-2020 trong năm 2021; hợp tác an ninh, quân sự, dầu khí tiếp tục là trụ cột quan trọng trong quan hệ hai nước. Quan hệ với **Cu-ba, các nước Mỹ La-tinh và bạn bè truyền thống khá**c tiếp tục được củng cố với nhiều hoạt động tiếp xúc, trao đổi ở các cấp và hợp tác toàn diện trên nhiều lĩnh vực.

2. Đối ngoại đã đóng góp tích cực vào công tác kiểm soát dịch Covid-19 trong nước và thúc đẩy chiến lược vắc-xin

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và chủ trương của Chính phủ về đặt ưu tiên cao cho việc mua và vận động tiếp cận vắc-xin Covid-19, ta đã đẩy mạnh chiến dịch vận động ở cấp cao và các cấp: lồng ghép nội dung hợp tác về vắc-xin trong các cuộc điện đàm của Lãnh đạo cấp cao và ở cấp Bộ trưởng Ngoại giao, Bộ trưởng Y tế…; nêu đậm nhu cầu hợp tác về vắc-xin tại các diễn đàn đa phương; vận động các nước hỗ trợ ta tiếp cận vắc-xin. Các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chủ động, tích cực vận động chính phủ và các hãng sản xuất vắc-xin sở tại cung cấp vắc-xin và chuyển giao công nghệ sản xuất vắc-xin cho Việt Nam, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đến nay, đã có nhiều nước quyết định hỗ trợ vắc-xin cho Việt Nam: Trung Quốc hỗ trợ 500.000 liều vắc-xin; Nhật Bản hỗ trợ 2 triệu liều; Mỹ cam kết hỗ trợ vắc-xin cho Việt Nam, thúc đẩy để hãng Pfizer đạt thỏa thuận cung cấp cho Việt Nam 31 triệu liều vắc-xin, hỗ trợ quá trình đàm phán để có thêm vắc-xin của Moderna (5 triệu liều). Nga đồng ý chuyển giao công nghệ sản xuất vắc-xin Covid-19 cho Việt Nam. Bên cạnh đó, ta đã vận động các cơ quan Liên

(7) Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng điện đàm với Chủ tịch Đảng Dân chủ Tự do, Thủ tướng Nhật Bản Suga Yoshihide (22/3); Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc (11/5), Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính (17/5) điện đàm với Thủ tướng Nhật Bản Suga; Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc tiếp Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam Yamada Takio (03/6); Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ tiếp Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam Yamada Takio (14/5); Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Phan Văn Giang hội đàm trực tuyến với Bộ trưởng Quốc phòng Nhật Bản Nobuo Kishi (03/6); Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn điện đàm với Bộ trưởng Ngoại giao Nhật Bản Motegi Toshimitsu (27/4), tiếp Đại sứ Nhật Bản Yamada Takio (26/4 và 02/6); Trưởng Ban Nội chính Trung ương Phan Đình Trạc và Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Trương Thị Mai tiếp Đại sứ Nhật Bản Yamada Takio (27/4 và 28/4).

(8) Tổng kim ngạch thương mại song phương 4 tháng đầu năm đạt 13,7 tỷ USD, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2020. Nhật Bản đứng thứ 2 về đầu tư trực tiếp vào Việt Nam với tổng vốn đầu tư hơn 2,5 tỷ USD.

hợp quốc để đẩy nhanh việc tiếp nhận vắc-xin của cơ chế Tiếp cận toàn cầu với vắc-xin ngừa Covid-19 (COVAX): đến nay ta đã tiếp nhận thêm gần 1,7 triệu liều (trong tổng số 38,9 triệu liều) và đăng ký mua thêm 10 triệu liều theo cơ chế chia sẻ chi phí của COVAX.

Trong bối cảnh tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại nhiều quốc gia, trong đó có một số quốc gia có đường biên giới chung, các bộ, ngành, địa phương đã triển khai các biện pháp kịp thời và quyết liệt để ứng phó và ngăn chặn dịch bệnh xâm nhập vào Việt Nam, cũng như phối hợp tốt với các đối tác để giải quyết các khía cạnh phức tạp trong quan hệ đối ngoại, quản lý xuất nhập cảnh… Ta đã kịp thời hỗ trợ Lào, Cam-pu-chia, Ấn Độ, Nê-pan[9]… khắc phục khó khăn do làn sóng bùng phát dịch mới, thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế và quan hệ hữu nghị của ta với các nước, được các nước đánh giá rất cao. Đồng thời, ta tiếp tục tạo điều kiện cho chuyên gia, nhà đầu tư nước ngoài đến Việt Nam, tranh thủ dòng chuyển dịch vốn đầu tư; chuẩn bị sẵn sàng các phương án, biện pháp để khôi phục kinh tế - xã hội. Việt Nam tiếp tục được đánh giá là điểm đến an toàn, hấp dẫn và với tiềm năng phát triển mạnh mẽ.

3. Công tác Hội nhập kinh tế quốc tế và Ngoại giao kinh tế tiếp tục được triển khai hiệu quả, toàn diện, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Công tác ngoại giao kinh tế tiếp tục góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp, địa phương mở rộng thị trường, giải quyết các tranh chấp thương mại, bảo đảm lợi ích chính đáng của các doanh nghiệp Việt Nam. Hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục được thúc đẩy, nhất là việc triển khai hiệu quả các FTA đã ký kết. Đối ngoại đã bám sát, hỗ trợ đắc lực thực hiện Kế hoạch hành động của Chính phủ về thực hiện Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA); vận động thành công 07 Nghị viện thành viên EU phê chuẩn Hiệp định Bảo hộ đầu tư (EVIPA); sẵn sàng triển khai hiệu quả Hiệp định kinh tế toàn diện khu vực (RCEP). Có thể thấy, với mạng lưới 17 FTA đang thực thi và đàm phán, Việt Nam đã trở thành trung tâm của các dòng chảy thương mại, đầu tư toàn cầu. Bên cạnh đó, công tác ngoại giao kinh tế tiếp tục được triển khai hiệu quả, góp phần kết nối các doanh nghiệp Việt Nam với các đối tác nước ngoài, đặc biệt trong những ngành chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 (nông sản, dệt may, da giày, điện tử…).

Những nỗ lực không mệt mỏi của chúng ta trong tiến trình hội nhập quốc tế đã góp phần nâng cao thế và lực của đất nước. Xét từ góc độ kinh tế, trong 6

(9) Ta đã hỗ trợ Lào và Cam-pu-chia mỗi nước 500 nghìn USD cùng nhiều vật tư y tế để phòng chống Covid-19; ủng hộ Nepal 30 nghìn USD cùng 2000 bộ xét nghiệm Covid-19; Hội hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ tặng 100 máy thở, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tặng 100 máy thở và 50 máy tạo ô-xi cho nhân dân Ấn Độ.

tháng đầu năm 2021, tốc độ tăng trưởng của Việt Nam đạt 5,8%, cao hơn mức trung bình trong ASEAN. Ta đã tranh thủ được nguồn lực quốc tế để phục vụ thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Nhìn rộng hơn, quá trình đó đã tiếp tục góp phần định vị Việt Nam vững chắc hơn trong bàn cờ chiến lược khu vực và quốc tế.

4. Đối ngoại đa phương để lại những dấu ấn nổi bật

Sáu tháng đầu năm 2021 cũng ghi nhận nhiều hoạt động đối ngoại đa phương sôi động. Lãnh đạo cấp cao ta tham dự nhiều sự kiện đối ngoại đa phương quan trọng, thể hiện tầm nhìn của Việt Nam về các vấn đề phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, bao trùm, đồng thời lồng ghép những vấn đề thuộc lợi ích của ta như Hội nghị Thượng đỉnh trực tuyến về khí hậu, Diễn đàn Châu Á Bác Ngao; Hội nghị Tương lai Châu Á, Diễn đàn hợp tác cấp cao vì mục tiêu xanh toàn cầu 2030; Đại hội đồng lần thứ 142 Liên minh Nghị viện thế giới (IPU). Tại Liên hợp quốc, ta đã tiếp tục đảm nhiệm tốt vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (HĐBA/LHQ), nhất là vai trò Chủ tịch HĐBA/LHQ tháng 4/2021 với 3 sự kiện điểm nhấn với các chủ đề ưu tiên là ngăn ngừa xung đột, giải quyết hậu quả bom mìn và tái thiết hậu xung đột. Đối với ASEM, ta triển khai sáng kiến về Đối thoại chính sách cao cấp ASEM dịp kỷ niệm 25 năm thành lập Diễn đàn, được các thành viên đánh giá cao. Các sự kiện, hoạt động Việt Nam tổ chức đều được các nước ủng hộ mạnh mẽ[10].

Ở phạm vi khu vực, chúng ta là một trong những nước đi đầu trong việc xây dựng Cộng đồng ASEAN và Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN đến năm 2025; thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự tham gia chủ động, đóng góp tích cực của Việt Nam gắn kết giữa các sáng kiến ta đã đưa ra năm 2020 với các ưu tiên của nước Chủ tịch Bru-nây năm 2021, nhất là trong các vấn đề liên quan đến phòng chống dịch Covid-19, phục hồi kinh tế, phát triển tiểu vùng Mê Công, các sáng kiến hợp tác biển…; khẳng định ưu tiên của Việt Nam thắt chặt và củng cố đoàn kết, tương trợ với các nước ASEAN, góp phần nâng cao vai trò trung tâm và vị thế của ASEAN trong giải quyết các thách thức nổi lên cũng như khẳng định vị thế của Việt Nam ở khu vực. Trong vấn đề Myanmar, ta phát huy vai trò chủ động, tích cực, xây dựng, có trách nhiệm cả trong ASEAN và LHQ, qua đó góp phần thúc đẩy vai trò của ASEAN, tạo điều kiện thúc đẩy đối thoại, hợp tác, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao.

---

(10) Nghị quyết về bảo vệ cơ sở hạ tầng thiết yếu đối với sự sống của người dân do Việt Nam chủ trì xây dựng và thương lượng được 65 nước thành viên Liên hợp quốc đồng bảo trợ và 15/15 thành viên HĐBA bỏ phiếu thuận. Phiên khai mạc Đối thoại chính sách cao cấp ASEM dịp kỷ niệm 25 năm thành lập do Việt Nam tổ chức có 8 đại diện cấp Bộ trưởng, trong đó Bộ trưởng Ngoại giao Anh, Hàn Quốc và Singapore tham dự trực tiếp ở Việt Nam.

5. Đối ngoại đi đầu trong kiến tạo hòa bình, thúc đẩy các lợi ích quốc gia, dân tộc

Ta đã xử lý khéo léo quan hệ với các nước, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược và khác biệt giữa các nước lớn gia tăng. Điều này được thể hiện rõ thông qua các hoạt động của Việt Nam tại Hội đồng bảo an Liên hợp quốc và việc xử lý thỏa đáng các vấn đề nảy sinh trong quan hệ với các nước. Đường biên giới hòa bình, hữu nghị giữa Việt Nam và các nước láng giềng tiếp tục có thêm nhiều tiến triển. Chúng ta đã cùng Lào triển khai công tác tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới, sơ kết thí điểm mô hình "một cửa, một lần dừng" tại một số cặp cửa khẩu quốc tế, tập huấn sử dụng địa hình biên giới Việt - Lào dạng số. Với Campuchia, ta đã trao đổi và đã thống nhất về kế hoạch đo đạc, thống kê diện tích và thông tin địa chính các khu vực quản lý vượt quá đường biên giới đã phân giới cắm mốc và thời hạn bàn giao các khu vực quản lý thực tế vượt quá đường biên giới (30/9/2021). Với Trung Quốc, ta tiếp tục triển khai kết nối giao thông, phát triển hạ tầng khu vực biên giới, trong đó có mở lối thông quan, kết nối vận tải quốc tế giữa các tỉnh biên giới.

Trước những diễn biến phức tạp trên Biển Đông, chúng ta đã kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp hòa bình, duy trì và triển khai hiệu quả các kênh đối thoại và tiếp xúc cả song phương và đa phương với các bên liên quan, khẳng định lập trường chính nghĩa của ta tại các diễn đàn khu vực và quốc tế. Nhờ đó, chúng ta tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế trong việc giữ gìn hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông. Các lợi ích chính đáng của Việt Nam ở Biển Đông cũng như môi trường hòa bình, ổn định và quan hệ hữu nghị hợp tác với các đối tác tiếp tục được giữ vững.

6. Công tác bảo hộ công dân và công tác người Việt Nam ở nước ngoài tiếp tục được coi trọng; công tác thông tin đối ngoại được triển khai hiệu quả. Trong 6 tháng qua, Chính phủ đã tổ chức 168 chuyến bay, đưa về nước 40.718 công dân[11] thuộc các đối tượng ưu tiên đang kẹt tại các nước do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19; kịp thời xử lý 15 vụ việc liên quan đến 44 tàu và 348 ngư dân ta; tiến hành bảo hộ đối với 650 công dân ta gặp khó khăn ở nước ngoài. Công tác bảo hộ công dân và doanh nghiệp ta ở Mi-an-ma sau khi xảy ra chính biến được quan tâm, chỉ đạo sát sao; ta đã kịp thời đưa ra các khuyến cáo, cảnh báo nhằm đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản và lợi ích của công dân và doanh nghiệp ta tại Mi-an-ma. Đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, nhiều chương trình lớn tổ chức cho kiều bào xa Tổ quốc hướng về cội nguồn, chung tay xây dựng quê hương. Chương trình Xuân Quê hương

(11) Tính đến ngày 18/6/2021

- Tân Sửu 2021 cho kiều bào được tổ chức chu đáo. Các Cơ quan đại diện ta tiếp tục giữ liên hệ chặt chẽ với cộng đồng ta ở sở tại, hỗ trợ bà con khi tình hình xuất hiện bất ổn: dành các khoản hỗ trợ khẩn cấp để hỗ trợ bà con vượt qua khó khăn, yên tâm ở lại sở tại, phòng chống dịch bệnh, xử lý thỏa đáng những vấn đề phát sinh liên quan đến người gốc Việt tại Cam-pu-chia.

Công tác thông tin, truyền thông tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, bài bản, truyền thông trên nền tảng số được phát huy tối đa trong các dịp Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa XIV và các hoạt động đối ngoại đầu tiên của Lãnh đạo Cấp cao khóa mới. Bên cạnh đó, ta làm tốt công tác phát ngôn, cung cấp thông tin, đấu tranh dư luận và định hướng báo chí, nhất là trong các vấn đề nhạy cảm. Ta kịp thời cung cấp thông tin về công tác hỗ trợ người dân về nước, tránh việc một số phần tử cơ hội chính trị xuyên tạc, bóp méo các hoạt động, chính sách của ta. Ta đã dịch bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam" ra nhiều thứ tiếng để giới thiệu tới bạn bè quốc tế, được dư luận quốc tế đánh giá cao.

Về ngoại giao văn hóa, Đề án "Tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất ở nước ngoài" tiếp tục được triển khai tốt. Trong đó ta đã vận động thành công chính quyền thành phố Mác-xây (Pháp) đồng ý gắn biển tưởng nhiệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại tòa trụ sở báo Mác-xây; tiến hành thiết kế tượng Bác tại Xanh Pê-téc-bua (Nga). Đồng thời, ta đã đệ trình Ban Thư ký Trung tâm di sản UNESCO các hồ sơ đề cử di sản của ta (gồm Vịnh Hạ Long - Cát Bà, Quần thể di tích danh thắng Yên Tử).

7. Đối ngoại đảng, đối ngoại nhân dân, đối ngoại quốc phòng, an ninh được triển khai đồng bộ, hiệu quả

Đối ngoại đảng tiếp tục được triển khai chủ động, linh hoạt. Ta tổ chức các Hội nghị trực tuyến thông báo kết quả Đại hội XIII cho các chính đảng và đối tác quốc tế; tiếp tục tham gia tích cực tại các diễn đa đa phương chính đảng, qua đó tạo sự hiểu biết và ủng hộ của các nước đối với đường lối, chính sách của ta. Các nước ngày càng nhận thức đầy đủ và coi trọng vai trò lãnh đạo của đảng ta, coi trọng thúc đẩy song phương thông qua kênh đảng, coi đây là một hướng quan trọng trong phát triển quan hệ với nước ta. *Đối ngoại nhân dân* tiếp tục được triển khai tích cực, phát huy tính sáng tạo của các đoàn thể, tổ chức quần chúng, góp phần thắt chặt quan hệ gắn bó, tương trợ với nhân dân các nước.

Đối ngoại quốc phòng được triển khai toàn diện, hiệu quả, xử lý tốt quan hệ quốc phòng với các nước, nhất là các nước láng giềng, các nước lớn bảo đảm thận trọng, chặt chẽ; triển khai các mặt hợp tác quốc phòng song phương,

đa phương chủ động, linh hoạt, sáng tạo và thực chất. *Đối ngoại công an* tăng cường các hoạt động hợp tác, trao đổi thông tin, đối thoại an ninh với các đối tác, góp phần quan trọng bảo đảm an ninh, trật tự chung giữa Việt Nam với các nước láng giềng khu vực, các đối tác quan trọng, thu hẹp các khác biệt, đấu tranh có hiệu quả chống lại các thế lực thù địch chống phá Việt Nam; tham gia chủ động, tích cực tại các diễn đàn an ninh đa phương như ASEANAPOL, INTERPOL...

III. Một số phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của công tác đối ngoại trong 6 tháng cuối năm 2021:

Thời gian tới, môi trường đối ngoại của đất nước sẽ tiếp tục diễn biến nhanh, khó lường, tác động nhiều chiều tới an ninh và phát triển của đất nước. Trong bối cảnh đó, công tác đối ngoại sẽ tiếp tục phát huy "vai trò tiên phong" trong việc "tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước". Theo đó, phương hướng, nhiệm vụ của công tác đối ngoại trong 6 tháng cuối năm 2021 tập trung vào một số nội dung sau:

Một là, Triển khai chủ động, tích cực, linh hoạt (kết hợp trực tiếp và trực tuyến) các hoạt động đối ngoại, đặc biệt là hoạt động đối ngoại của lãnh đạo cấp cao, góp phần đưa quan hệ với các nước và các đối tác đi vào chiều sâu, ổn định, hiệu quả. Trong đó, chú trọng quan hệ với các nước láng giềng chung biên giới như Lào, Campuchia, Trung Quốc, quan hệ với các nước lớn, các đối tác quan trọng, các nước bạn bè truyền thống; xử lý tốt quan hệ với các nước lớn, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung gia tăng; xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh; tranh thủ sự hỗ trợ và thúc đẩy hợp tác những lĩnh vực ta quan tâm và các đối tác có thế mạnh.

Hai là, đẩy mạnh hợp tác quốc tế để ứng phó với dịch bệnh Covid-19, trong đó: *(i)* Quyết liệt thúc đẩy việc tìm kiếm, đàm phán, mua và nhận vắc-xin viện trợ từ các nước, tận dụng nguồn lực quốc tế cho nghiên cứu, bào chế và sản xuất vắc-xin theo chủ trương của Nghị quyết 21 của Chính phủ; *(ii)* Tiếp tục quản lý chặt chẽ đường biên giới, đường mòn, lối mở, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hoạt động nhập cảnh trái phép; *(iii)* Tăng cường nghiên cứu, tham mưu các biện pháp mở cửa kinh tế an toàn, hiệu quả trên cơ sở kinh nghiệm của các nước, trong đó có vấn đề "hộ chiếu vắc-xin", "bong bóng du lịch", nối lại đường bay thương mại và mức độ áp dụng phù hợp với Việt Nam.

Ba là, nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác tham mưu, nghiên cứu và dự báo chiến lược về điều chỉnh trong chính sách đối nội và đối ngoại của các nước lớn, các diễn biến, xu hướng mới, các nguy cơ an ninh để có phản ứng kịp thời, bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa"; tiếp tục xử lý hài hòa quan hệ đối

ngoại trên cơ sở đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; đồng thời không để lỡ các cơ hội hợp tác.

Bốn là, tiếp tục đảm nhiệm tốt vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc trong năm 2021; thúc đẩy các ưu tiên trong khuôn khổ Liên hợp quốc, ASEAN. Đồng thời, tham gia tích cực, chủ động, có trách nhiệm trên các diễn đàn quốc tế, khu vực khác (APEC, ASEM…), chủ động, tích cực tham gia đóng góp, xây dựng, định hình các cơ chế đa phương theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII và Chỉ thị 25-CT/TW về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương.

Năm là, không để bị động, bất ngờ; kiên quyết, kiên trì, bình tĩnh, sáng suốt bảo vệ chủ quyền và lợi ích của ta ở Biển Đông, đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và phát triển; thúc đẩy đàm phán COC hiệu quả, thực chất, phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) 1982. Thực hiện tốt công tác quản lý biên giới trên bộ với Trung Quốc, Lào, Campuchia theo các văn kiện pháp lý đã được ký kết.

Sáu là, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó chú trọng thực hiện hiệu quả CPTPP, EVFTA, RCEP, UKVFTA; theo dõi, đánh giá xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng, dịch chuyển đầu tư; tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế theo hướng thực chất, vì người dân, doanh nghiệp và địa phương, thu hút vốn đầu tư, tranh thủ những cơ hội do Cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ số, dịch chuyển đầu tư mang lại, góp phần duy trì đà tăng trưởng, phục vụ tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng.

Bảy là, làm tốt hơn nữa công tác thông tin đối ngoại, ngoại giao văn hóa; đẩy mạnh nhiệm vụ bảo hộ công dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế, công dân tại khu vực có dịch, ngư dân, tàu cá; nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật cho ngư dân ta. Đồng thời, tiếp tục theo dõi và bảo vệ quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp và công dân Việt Nam tại Mi-an-ma.

Tám là, tăng cường hiệu quả phối hợp giữa ngoại giao Nhà nước với đối ngoại đảng, đối ngoại Quốc hội và đối ngoại nhân dân, giữa đối ngoại, quốc phòng, an ninh và công tác ngoại vụ địa phương trong các hoạt động đối ngoại phục vụ an ninh và phát triển trong tình hình mới.

Với thế và lực mới của đất nước sau 35 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo toàn diện và sáng suốt của Đảng và với sự phối hợp chặt chẽ của của các binh chủng đối ngoại, công tác đối ngoại sẽ tiếp tục giành thêm nhiều thắng lợi mới, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội Đảng XIII và hiện thực hóa các mục tiêu phát triển của đất nước trong giai đoạn chiến lược mới.

Phần thứ hai

Tình hình kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2021

Kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2021 của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới dần phục hồi, một số quốc gia đẩy mạnh việc tiêm vắc-xin phòng dịch Covid-19 và đã đạt được những kết quả ban đầu, các nước phát triển dần mở cửa trở lại. Quỹ tiền tệ thế giới (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB) và các tổ chức quốc tế khác đã đưa ra dự báo khả quan về triển vọng kinh tế toàn cầu[12]. Các nền kinh tế lớn trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, EU dự báo đạt mức tăng trưởng khá nhờ nỗ lực tiêm vắc-xin và ban hành những gói cứu trợ nền kinh tế[13]. Thương mại toàn cầu tiếp tục phục hồi[14], giá cả hàng hóa thế giới có xu hướng tăng, lạm phát, rủi ro tài chính gia tăng ở một số nền kinh tế lớn, ảnh hưởng đến đầu tư, sản xuất và xuất nhập khẩu. Trong nước, tiếp đà những kết quả quan trọng, ấn tượng đã đạt được của năm 2020, kinh tế vĩ mô nước ta tiếp tục ổn định, thời tiết những tháng đầu năm tương đối thuận lợi, sản xuất kinh doanh những tháng đầu năm đạt được những kết quả khá. Tuy nhiên, làn sóng dịch Covid-19 thứ tư bùng phát từ cuối tháng Tư, đặc biệt tại các tỉnh kinh tế trọng điểm như Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Bắc Giang, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và hiện vẫn diễn biến phức tạp đã đặt ra không ít thách thức trong công tác quản lý, điều hành để phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội.

Trước bối cảnh thuận lợi và khó khăn đan xen, nhiệm vụ thực hiện "mục tiêu kép" được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt. Các giải pháp phòng chống dịch Covid-19 được các bộ, ngành, địa phương đồng thuận thực hiện mạnh mẽ, đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả, với mục tiêu hàng đầu là

---

(12) Ngân hàng Thế giới (Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu phát hành ngày 8/6/2021) và Liên minh Châu Âu (Báo cáo Dự báo kinh tế châu Âu mùa xuân 2021, tháng 5/2021) đều dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt 5,6% trong năm 2021. Quỹ Tiền tệ Quốc tế nhận định, nền kinh tế toàn cầu sau khi tăng trưởng âm 3,5% vào năm 2020, dự kiến sẽ tăng 6% vào năm 2021 (Báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới, phát hành tháng 4/2021). Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), dự báo GDP toàn cầu tăng 5,8% trong năm 2021 (Báo cáo Triển vọng kinh tế OECD, ngày 31/5/2021). Tổ chức kinh tế tài chính tư nhân Fitch Ratings dự báo GDP toàn cầu năm 2021 tăng 6,3%, cao hơn mức dự báo 6,1% đưa ra trong tháng 3/2021 (Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 5/2021).

(13) Mỹ triển khai gói cứu trợ giảm tác động tiêu cực của dịch Covid-19, kích thích nền kinh tế trị giá 1.900 tỷ USD. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) giữ nguyên lãi suất cơ bản ở mức 0%-0,25% và duy trì chương trình mua trái phiếu ở mức ít nhất 120 tỷ USD/tháng để hỗ trợ tiến trình phục hồi kinh tế Mỹ. FED dự báo, lạm phát toàn phần năm 2021 lên mức 3,4%, cao hơn 1% so với mức dự báo vào tháng 3/2021.

(14) Theo WTO, thương mại toàn cầu dự báo sẽ tăng 8,3% trong năm nay và 6,3% vào năm 2022 (Thước đo thương mại hàng hóa ngày 28/5/2021).

chăm lo, bảo vệ sức khỏe và sinh mệnh của người dân, nỗ lực phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. Kết quả đạt được của các ngành, lĩnh vực trong quý II và 6 tháng đầu năm 2021 như sau:

I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II/2021 ước tính tăng 6,61% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 0,39% của quý II/2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng 6,73% của quý II các năm 2018 và 2019; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,11%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,28%; khu vực dịch vụ tăng 4,30%. Về sử dụng GDP quý II/2021, tiêu dùng cuối cùng tăng 3,18% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 6,05%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 29,81%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 28,53%.

GDP 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,64%, cao hơn tốc độ tăng 1,82% của 6 tháng đầu năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng 7,05% và 6,77% của cùng kỳ năm 2018 và 2019. Dịch Covid-19 bùng phát tại một số địa phương trên cả nước từ cuối tháng Tư với những diễn biến phức tạp, khó lường đã đặt ra nhiều thách thức, rủi ro cho nước ta trong việc thực hiện mục tiêu kép "vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế". Kết quả tăng trưởng 6 tháng đầu năm cho thấy sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự chung sức, đồng lòng của hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân cả nước và lực lượng tuyến đầu chống dịch để kiểm soát dịch bệnh, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,82%, đóng góp 8,17%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,36%, đóng góp 59,05%; khu vực dịch vụ tăng 3,96%, đóng góp 32,78%.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm 2021 tăng khá so với cùng kỳ năm trước do năng suất lúa đông xuân tăng cao, ngành chăn nuôi và thủy sản phát triển ổn định, các sản phẩm nông nghiệp và thủy sản chủ yếu đều tăng khá. Trong đó, ngành nông nghiệp tăng 3,69%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 4,24% của 6 tháng đầu năm 2011 trong giai đoạn 2011-2021[15], đóng góp 0,34 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,98% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 4,25%, cao hơn mức tăng 2,42%

(15) Tốc độ tăng/giảm giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ các năm 2011-2021 lần lượt là: 4,24%; 2,69%; 1,87%; 2,15%; 1,72%; -0,78%; 2,13%; 3,07%; 1,15%; 0,88%; 3,69%.

của 6 tháng đầu năm 2020, đóng góp 0,11 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm 2021 tăng 8,91% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn tốc độ tăng 9,13% của 6 tháng đầu năm 2019 nhưng cao hơn tốc độ tăng 2,91% của 6 tháng đầu năm 2020, đóng góp 3,01 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 11,42%, thấp hơn mức tăng của cùng kỳ các năm 2011 và 2018 trong giai đoạn 2011-2021[16], đóng góp 2,9 điểm phần trăm. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8,16%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm. Ngành khai khoáng giảm 6,61%, làm giảm 0,25 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế do sản lượng dầu thô khai thác giảm 7,3% và khí đốt tự nhiên giảm 12,5%. Ngành xây dựng tăng 5,59%, chỉ cao hơn tốc độ tăng 4,54% của cùng kỳ năm 2020 trong giai đoạn 2014-2021[17], đóng góp 0,37 điểm phần trăm.

Trong khu vực dịch vụ, hệ thống nhà hàng và cơ sở dịch vụ ăn uống tại chỗ, vận tải hành khách gặp nhiều khó khăn do thực hiện giãn cách xã hội tại một số địa phương để phòng chống dịch bệnh. Tăng trưởng của khu vực dịch vụ trong 6 tháng đầu năm 2021 chỉ cao hơn tốc độ tăng 0,48% của cùng kỳ năm 2020 trong giai đoạn 2011-2021[18]. Đóng góp của một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của 6 tháng đầu năm 2021 như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 5,63% so với cùng kỳ năm trước, là ngành đóng góp lớn nhất của khu vực dịch vụ vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế với 0,57 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,27%, đóng góp 0,49 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi giảm 0,39%, làm giảm 0,02 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 5,02%, làm giảm 0,12 điểm phần trăm.

Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 12,15%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,61%; khu vực dịch vụ chiếm 41,13%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,11% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2020 là: 14,16%; 33,51%; 41,99%; 10,34%).

---

(16) Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ các năm 2011-2021 lần lượt là: 13,37%; 8,96%; 5,61%; 6,61%; 10,0%; 10,5%; 10,52%; 12,87%; 11,18%; 5,06%; 11,42%.

(17) Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành xây dựng 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ các năm 2014-2021 lần lượt là: 6,11%; 7,66%; 9,30%; 8,50%; 7,93%; 7,85%; 4,54%; 5,59%.

(18) Tốc độ tăng giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ các năm 2011-2021 lần lượt là: 6,91%; 6,11%; 6,13%; 5,82%; 5,86%; 6,47%; 6,89%; 6,89%; 6,69%; 0,48%; 3,96%.

Về sử dụng GDP 6 tháng đầu năm 2021, tiêu dùng cuối cùng tăng 3,56% so với cùng kỳ năm 2020; tích lũy tài sản tăng 5,67%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 24,05%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 22,76%.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm 2021 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, năng suất cây trồng đạt khá, đặc biệt là lúa đông xuân đạt năng suất cao nhất từ trước đến nay ở mức 68,3 tạ/ha; chăn nuôi lợn phục hồi và chăn nuôi gia cầm phát triển tốt, tổng đàn lợn và gia cầm thời điểm cuối tháng Sáu ước tăng lần lượt 11,6% và 5,4% so với cùng thời điểm năm trước. Xuất khẩu thủy sản có dấu hiệu hồi phục, nhu cầu nhập khẩu cá tra tại các thị trường nước ngoài tăng trở lại, sản lượng tôm thẻ chân trắng 6 tháng đầu năm tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước.

a) Nông nghiệp

Diện tích gieo cấy lúa đông xuân cả nước năm nay đạt 3.006,7 nghìn ha, bằng 99,4% vụ đông xuân năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 1.086,6 nghìn ha, bằng 99%; các địa phương phía Nam đạt 1.920,1 nghìn ha, bằng 99,7%. Diện tích lúa đông xuân năm nay giảm 17 nghìn ha so với vụ đông xuân năm trước, trong đó, các địa phương phía Bắc giảm 11 nghìn ha, các địa phương phía Nam giảm 6 nghìn ha. Diện tích lúa đông xuân giảm do 4,7 nghìn ha chuyển sang đất phi nông nghiệp phục vụ quá trình đô thị hóa; 17,2 nghìn ha chuyển sang trồng cây lâu năm; 6,3 nghìn ha chuyển sang nuôi trồng thủy sản; 7,3 nghìn ha giảm do không chủ động được nguồn nước tưới, thiếu lao động. Bên cạnh đó, một số tỉnh diện tích lúa đông xuân tăng do có hơn 3,5 nghìn ha diện tích trồng cây hoa màu năm nay chuyển sang trồng lúa và 15 nghìn ha lúa được trồng lại trên diện tích năm trước bị hạn hán, nhiễm mặn không gieo trồng.

Theo báo cáo sơ bộ, năng suất lúa đông xuân của cả nước ước tính đạt 68,3 tạ/ha, tăng 2,6 tạ/ha so với vụ đông xuân năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 64,3 tạ/ha, tăng 1,7 tạ/ha; các địa phương phía Nam đạt 70,6 tạ/ha, tăng 3,1 tạ/ha (Đồng bằng sông Cửu Long đạt 72 tạ/ha). Một số địa phương có năng suất lúa đông xuân đạt cao: Hậu Giang đạt 78,2 tạ/ha; Phú Yên đạt 77,9 tạ/ha; Bạc Liêu đạt 77,3 tạ/ha; Kiên Giang đạt 76,2 tạ/ha; An Giang đạt 74,7 tạ/ha; Đồng Tháp đạt 73,2 tạ/ha; Thái Bình đạt 71 tạ/ha. Năng suất lúa đông xuân năm nay đạt cao nhất từ trước đến nay ngoài yếu tố thời tiết thuận lợi cho cây lúa sinh trưởng và phát triển còn là kết quả của việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao chất lượng hiệu quả, đưa vào sản xuất bộ giống lúa đi kèm với quy trình canh tác đa dạng, phù hợp, nhất là các giống lúa ngắn ngày, có khả năng thích nghi, chống chịu tốt hơn

với điều kiện hạn mặn ở mức độ tương đối cho năng suất cao, chất lượng tốt, các biện pháp kỹ thuật làm đất, bón phân, phòng trừ sâu bệnh được người dân chủ động triển khai kịp thời, khoa học cùng với sự chỉ đạo sát sao của ngành nông nghiệp. Sản lượng lúa đông xuân cả nước ước tính đạt 20,55 triệu tấn, tăng 673,1 nghìn tấn so với vụ đông xuân năm 2020, trong đó, miền Bắc đạt 6,98 triệu tấn, tăng 107,6 nghìn tấn; miền Nam đạt 13,57 triệu tấn, tăng 565,5 nghìn tấn, (riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 10,94 triệu tấn, tăng 365,5 nghìn tấn). Một số địa phương có sản lượng lúa đông xuân tăng so với vụ đông xuân năm trước: An Giang tăng 74,9 nghìn tấn, Kiên Giang tăng 43,8 nghìn tấn, Long An tăng 28,4 nghìn tấn, Cà Mau tăng 24,1 nghìn tấn, Hà Tĩnh tăng 23,9 nghìn tấn, Thanh Hóa tăng 21,7 nghìn tấn.

Cùng với việc thu hoạch vụ đông xuân, tính đến trung tuần tháng 6, các địa phương trên cả nước đã xuống giống được 1.846,2 nghìn ha lúa hè thu, bằng 105,6% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.448,7 nghìn ha, bằng 104,7%. Lúa hè thu các địa phương phía Bắc đang ở giai đoạn đẻ nhánh đến chắc xanh, lúa hè thu chính vụ ở các địa phương phía Nam vào giai đoạn đẻ nhánh, làm đòng đến trổ chín, cây lúa sinh trưởng và phát triển tốt, trong đó có 147,7 nghìn ha diện tích lúa hè thu sớm tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã cho thu hoạch, chiếm 10,2% diện tích xuống giống. Do đặc điểm lúa hè thu sinh trưởng trong điều kiện nắng nóng, nền nhiệt cao, có thể thiếu nước ở đầu vụ nhưng thu hoạch vào thời điểm có mưa đầu mùa, nên ngành Nông nghiệp cần theo dõi sát sao diễn biến thời tiết để có biện pháp xử lý kịp thời khi thời tiết bất lợi xảy ra nhằm bảo vệ lúa hè thu cho kết quả tốt.

Đến giữa tháng Sáu, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 558,5 nghìn ha ngô, bằng 99,1% cùng kỳ năm trước; 73,1 nghìn ha khoai lang, bằng 100,3%; 19,4 nghìn ha đậu tương, bằng 87%; 131,7 nghìn ha lạc, bằng 96,9%; 731,2 nghìn ha rau, đậu, bằng 100,9%.

Tổng diện tích cây lâu năm hiện có ước tính đạt 3.614,3 nghìn ha, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó nhóm cây công nghiệp đạt 2.185,3 nghìn ha, tăng 0,2%; nhóm cây ăn quả đạt 1.132,7 nghìn ha, tăng 3,2% chủ yếu ở nhóm cây có múi và nhóm cây có giá trị cao, thị trường tiêu thụ ổn định như xoài, sầu riêng, mít, ổi, bơ; nhóm cây lấy quả chứa dầu đạt 183,6 nghìn ha, tăng 2,9%; nhóm cây gia vị, dược liệu đạt 53,9 nghìn ha, tăng 2,9%; nhóm cây lâu năm khác đạt 58,8 nghìn ha, tăng 0,2%. Sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm 6 tháng đầu năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm trước: Chè búp đạt 488,7 nghìn tấn, tăng 2,3%; cao su đạt 390,6 nghìn tấn, tăng 3%; điều đạt 342,8 nghìn tấn, tăng 4,6%; hồ tiêu đạt 271,7 nghìn tấn, tăng 3,1%. Sản lượng một số cây ăn quả đạt khá: Thanh long đạt 671,7 nghìn tấn, tăng 7,4% so với

cùng kỳ năm trước; xoài đạt 568,2 nghìn tấn, tăng 3,3%; cam đạt 326,1 nghìn tấn, tăng 3,1%; bưởi đạt 258,5 nghìn tấn, tăng 10,7%; vải đạt 154,2 nghìn tấn, tăng 7,9%, nhãn đạt 179,9 nghìn tấn, tăng 3,4%.

Chăn nuôi trâu, bò trong 6 tháng đầu năm 2021 bị ảnh hưởng bởi dịch viêm da nổi cục xảy ra tại nhiều địa phương. Để công tác kiểm soát dịch bệnh được kịp thời, hiệu quả, giảm thiệt hại đến mức thấp nhất cho người chăn nuôi, chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên ngành cần triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh. Ước tính tổng số trâu của cả nước tính đến thời điểm cuối tháng 6/2021 giảm 3,1% so với cùng thời điểm năm 2020; tổng số bò tăng 2,5%. Ước tính 6 tháng đầu năm 2021, sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt 60,9 nghìn tấn, giảm 0,1% so với cùng kỳ năm 2020 (quý II đạt 27,4 nghìn tấn, giảm 1%); sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 231 nghìn tấn, tăng 4,2% (quý II đạt 106,4 nghìn tấn, tăng 4,6%); sản lượng sữa bò tươi đạt 561,1 nghìn tấn, tăng 11,2% (quý II đạt 285,5 nghìn tấn, tăng 12,8%).

Trong 6 tháng đầu năm 2021, dịch tả lợn Châu Phi tiếp tục được kiểm soát, chỉ còn phát sinh những ổ dịch nhỏ lẻ, đàn gia cầm phát triển tốt. Tuy nhiên, giá thức ăn chăn nuôi tăng cao gây khó khăn cho chăn nuôi, đặc biệt là hộ chăn nuôi nhỏ. Ước tính đến cuối tháng Sáu, tổng số lợn của cả nước tăng 11,6% so với cùng thời điểm năm trước; tổng số gia cầm tăng 5,4%. Ước tính 6 tháng, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 2.002,2 nghìn tấn, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2020 (quý II đạt 1.003,7 nghìn tấn, tăng 8,6%), sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 932,2 nghìn tấn, tăng 6,1% (quý II ước đạt 450,5 nghìn tấn, tăng 6,1%); sản lượng trứng gia cầm đạt 8,4 tỷ quả, tăng 5% (quý II ước đạt 4 tỷ quả, tăng 5,6%).

Tính đến ngày 21/6/2021, cả nước không còn dịch tai xanh ở lợn; dịch cúm gia cầm còn ở Hà Nội, Cao Bằng, Hòa Bình, Tiền Giang, Đồng Tháp; dịch lở mồm long móng còn ở Sơn La, Hà Tĩnh; dịch tả lợn Châu Phi còn ở 30 địa phương[19] và dịch viêm da nổi cục còn ở 32 địa phương[20] chưa qua 21 ngày.

---

(19) Hà Nội, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Đắk Lắk, Đắk Nông, Kon Tum, Khánh Hòa, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Tháp, Cà Mau.

(20) Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Phú Yên, Đồng Nai.

b) Lâm nghiệp

Trong quý II/2021, diện tích rừng trồng mới tập trung của cả nước ước tính đạt 77,2 nghìn ha, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 20,1 triệu cây, tăng 2,6%; sản lượng gỗ khai thác đạt 4.909,7 nghìn m^3, tăng 5,9%; sản lượng củi khai thác đạt 5,4 triệu ste, bằng cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, diện tích rừng trồng mới tập trung ước tính đạt 110,4 nghìn ha, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 46,5 triệu cây, tăng 2,2%; sản lượng gỗ khai thác đạt 7.945,6 nghìn m^3, tăng 5,7%; sản lượng củi khai thác đạt 9,9 triệu ste, giảm 0,1%.

Cả nước có 598,6 ha rừng bị thiệt hại trong quý II/2021, tăng 67,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm diện tích rừng bị cháy là 168,2 ha, tăng 40,7%; diện tích rừng bị chặt, phá là 430,4 ha, tăng 80,4%. Diện tích rừng bị thiệt hại trong tháng Sáu cao nhất 6 tháng đầu năm 2021, trong đó diện tích rừng bị cháy tháng Sáu tăng 70,1% so với cùng kỳ năm trước, tập trung chủ yếu tại các tỉnh miền Trung do thời tiết nắng nóng gay gắt, hạn hán trên diện rộng kết hợp với gió Tây Nam khô nóng. Ước tính 6 tháng đầu năm 2021, diện tích rừng bị thiệt hại là 955,6 ha, tăng 31,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm diện tích rừng bị cháy là 283,2 ha, tăng 1,0%; diện tích rừng bị chặt, phá là 672,4 ha, tăng 49,9%.

c) Thủy sản

Sản lượng thủy sản quý II/2021 ước tính đạt 2.269,6 nghìn tấn, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm cá đạt 1.642,1 nghìn tấn, tăng 1,8%; tôm đạt 294,4 nghìn tấn, tăng 10,7%; thủy sản khác đạt 333,1 nghìn tấn, tăng 4,7%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, sản lượng thủy sản ước tính đạt 4.096,3 nghìn tấn, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm cá đạt 3.003,6 nghìn tấn, tăng 1,5%; tôm đạt 465,2 nghìn tấn, tăng 8,8%; thủy sản khác đạt 627,5 nghìn tấn, tăng 4,7%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng quý II/2021 ước tính đạt 1.164,5 nghìn tấn, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 771,4 nghìn tấn, tăng 1,5%; tôm đạt 254,6 nghìn tấn, tăng 13,1%. Sản lượng thủy sản nuôi trồng 6 tháng đầu năm 2021 ước tính đạt 2.104,8 nghìn tấn, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 1.456,7 nghìn tấn, tăng 1,7%; tôm đạt 392,9 nghìn tấn, tăng 10,7%. Xuất khẩu cá tra 6 tháng đầu năm 2021 có dấu hiệu tích cực[21] do nhu cầu nhập khẩu cá tra tại các thị trường nước ngoài bắt đầu tăng trở lại. Tuy nhiên, trong năm 2019 và 2020 việc thua lỗ do giá thấp, chi phí thức ăn

(21) Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), kim ngạch xuất khẩu cá tra 5 tháng đầu năm 2021 đạt 623 triệu USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước.

liên tục tăng và ở mức cao khiến người nuôi thả nuôi dè chừng, do đó nguồn cung cá tra đáp ứng cho xuất khẩu trong thời gian tới có khả năng bị thiếu hụt. Giá cá tra tăng so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn ở mức thấp[22], sản lượng cá tra quý II ước tính đạt 383,3 nghìn tấn, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính 6 tháng đầu năm 2021, sản lượng cá tra đạt 705,1 nghìn tấn, tăng 1,0% so với cùng kỳ năm trước. Giá tôm thẻ chân trắng liên tục tăng trong quý I và cuối quý II[23], dự báo giá tôm sẽ tiếp tục tăng và tăng mạnh từ tháng Tám đến tháng Mười do đây là các tháng cao điểm chế biến cho xuất khẩu phục vụ mùa Giáng sinh. Xuất khẩu tôm nước ta có cơ hội mở rộng thị trường do Ấn Độ là nước xuất khẩu tôm lớn nhất thế giới đang bị ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19. Nuôi tôm thẻ chân trắng vẫn tiếp tục chuyển đổi từ mô hình thâm canh sang siêu thâm canh hoặc nuôi thâm canh với mật độ cao hơn. Sản lượng tôm thẻ chân trắng quý II/2021 ước tính đạt 175,7 nghìn tấn, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm sú đạt 65,7 nghìn tấn, tăng 2,7%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, sản lượng tôm thẻ chân trắng đạt 254,6 nghìn tấn, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm sú đạt 113,1 nghìn tấn, tăng 1,9%.

Sản lượng thủy sản khai thác quý II/2021 ước tính đạt 1.105,1 nghìn tấn, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 870,7 nghìn tấn, tăng 2,0%; tôm đạt 39,8 nghìn tấn, giảm 2,7%. Sản lượng thủy sản khai thác biển trong Quý ước tính đạt 1.056,2 nghìn tấn, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm, sản lượng thủy sản khai thác ước tính đạt 1.991,5 nghìn tấn, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 1.546,9 nghìn tấn, tăng 1,3%; tôm đạt 72,3 nghìn tấn, giảm 0,4%. Sản lượng thủy sản khai thác biển 6 tháng ước tính đạt 1.902,7 nghìn tấn, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm trước.

3. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp trong quý II/2021 tăng trưởng khá do hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được duy trì và đang dần phục hồi, tốc độ tăng giá trị tăng thêm đạt 11,45% so với cùng kỳ năm trước[24]. Tính chung 6

(22) Giá cá tra quý I dao động trong khoảng 19-21.8 nghìn đồng/kg, quý II dao động trong khoảng 21-22 nghìn đồng/kg. (Nguồn: http://agromonitor.vn/group/48/280/giam-sat-gia)

(23) Giá tôm thẻ chân trắng tại Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng từ đầu năm đến trung tuần tháng Ba liên tục tăng, cao nhất vào tuần ba tháng Một với mức giá trung bình loại 80 con/kg là 115 nghìn đồng/kg, tăng 15 nghìn đồng/kg so với cùng kỳ năm trước. Từ tuần cuối tháng Ba đến tuần cuối tháng Năm, giá tôm thẻ chân trắng tuy giảm nhưng vẫn cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Tuần cuối tháng Năm, giá tôm thẻ chân trắng là 92,5 nghìn đồng/kg, cao hơn 2,5 nghìn đồng/kg so với cùng kỳ năm trước. (Nguồn: http://agromonitor.vn/group/47/272/giam-sat-gia).

(24) Giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp quý II/2020 chỉ tăng 1,1%.

tháng đầu năm 2021, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 8,91%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,42%, cao hơn tốc độ tăng 5,06% của cùng kỳ năm 2020.

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm 2021 ước tính tăng 8,91% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 6,29%; quý II tăng 11,45%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,42% (quý I tăng 8,9%; quý II tăng 13,84%), đóng góp 2,9 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8,16%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,75%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 6,61% (do sản lượng khai thác dầu thô giảm 7,3% và khí đốt tự nhiên dạng khí giảm 12,5%) làm giảm 0,25 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Theo công dụng sản phẩm công nghiệp, chỉ số sản xuất sản phẩm trung gian (phục vụ cho quá trình sản xuất) 6 tháng đầu năm 2021 tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước; sản phẩm phục vụ cho sử dụng cuối cùng tăng 8,7% (trong đó sản phẩm phục vụ cho tiêu dùng của dân cư tăng 5,7%).

Chỉ số sản xuất 6 tháng đầu năm 2021 của một số ngành trọng điểm thuộc ngành công nghiệp cấp II tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất kim loại tăng 37%; sản xuất xe có động cơ tăng 33,1%; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng tăng 29,4%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 17,2%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 15,3%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 12,9%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 12,7%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu tăng 12,6%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 11,2%; sản xuất mô tô, xe máy tăng 10,6%; sản xuất thiết bị điện tăng 10,1%. Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số giảm: Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 10,1%; khai thác than cứng và than non giảm 4,4%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 3,9%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 2,3%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị giảm 1,8%; thoát nước và xử lý nước thải giảm 1,5%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong 6 tháng đầu năm 2021 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Thép cán tăng 61,6%; ô tô tăng 50%; linh kiện điện thoại tăng 38,8%; phân hỗn hợp NPK và điện thoại di động cùng tăng 18,1%; sắt, thép thô tăng 16,6%; sữa bột tăng 15,9%; vải dệt từ sợi nhân tạo tăng 11,7%; xe máy tăng 11,5%; giày, dép da tăng 11,4%; sơn hóa học tăng 11%; thức ăn cho gia súc tăng 10,8%. Một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước: Khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 12,5%; đường kính giảm 8,4%; phân u rê giảm 8,1%; dầu mỏ thô khai thác giảm 7,3%; bột ngọt giảm 5,4%; than sạch giảm 4,3%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 6/2021 tăng 4,9% so với tháng trước và tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao: Sản xuất xe có động cơ tăng 29,8%; sản xuất kim loại tăng 25,3%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 24,1%; sản xuất mô tô, xe máy tăng 16,1%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 15,9%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 12,1%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 11,7%; sản xuất thiết bị điện tăng 10,9%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 16,9%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 14,4%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 14%; sản xuất than cốc, dầu mỏ tinh chế giảm 3,9%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/6/2021 tăng 24,3% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm 2020 tăng 26,7%), trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho tăng thấp hơn mức tăng chung hoặc giảm: Sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 15,9%; sản xuất trang phục tăng 15,8%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 12,7%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 6,3%; sản xuất kim loại tăng 4,3%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 4%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 0,4%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 14,2%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 15,1%. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với cùng thời điểm năm trước: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 44,4%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 39,9%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 38,6%; sản xuất xe có động cơ tăng 36,4%; sản xuất thiết bị điện tăng 29,9%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 28,1%; sản xuất mô tô, xe máy tăng 26,3%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 25,3%.

Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân 6 tháng đầu năm 2021 đạt 75,2% (cùng kỳ năm trước là 81,5%), trong đó một số ngành có tỷ lệ tồn kho cao: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic 124,5%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa 119,2%; dệt 117,8%; sản xuất chế biến thực phẩm 108,1%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất 105,3%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) 104%; sản xuất thiết bị điện 102,5%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/6/2021 giảm 1,4% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 1% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 0,1% và giảm 2,3%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 0,4% và

tăng 0,6%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 2,1% và giảm 1,4%. Theo ngành hoạt động, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng không đổi so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 2,5% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo giảm 1,5% và giảm 1%; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 0,1% và tăng 0,3%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải không đổi và giảm 0,4%.

4. Hoạt động của doanh nghiệp

Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 67,1 nghìn doanh nghiệp[25], tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước và tăng 34,3% về vốn đăng ký. Sự gia tăng về số lượng và vốn của doanh nghiệp đăng ký thành lập mới cho thấy sự nỗ lực và tinh thần khởi nghiệp của cộng đồng doanh nghiệp trong bối cảnh dịch bệnh đang diễn biến phức tạp. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động đạt 93,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm 2020; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 14,1 tỷ đồng, tăng 24,2%. Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý II/2021 vẫn ghi nhận đánh giá tích cực khi có 68,2% số doanh nghiệp nhận định hoạt động sản xuất kinh doanh quý II/2021 so với quý I/2021 tốt lên và giữ ổn định.

a) Tình hình đăng ký doanh nghiệp[26]

Trong tháng 6/2021, cả nước có 11,3 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 164,3 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký gần 71,9 nghìn người, giảm 2,5% về số doanh nghiệp, tăng 9,1% về vốn đăng ký và giảm 0,4% về số lao động so với tháng 05/2021[27]. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 14,5 tỷ đồng, tăng 11,9% so với tháng trước và tăng 43,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng, cả nước có 4.867 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 0,5% so với tháng trước và giảm 2,6% so với cùng kỳ năm trước; 3.867 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 13,7% và tăng 20,2%; 5.238 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 23,7% và tăng 36,3%; 1.919 doanh

---

(25) Đây là số doanh nghiệp thành lập mới cao nhất trong 6 tháng đầu năm trong giai đoạn 2016-2021. Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới 6 tháng đầu năm các năm 2016-2021 lần lượt là: 54,5 nghìn doanh nghiệp; 61,3 nghìn doanh nghiệp; 64,5 nghìn doanh nghiệp; 67 nghìn doanh nghiệp; 62 nghìn doanh nghiệp và 67,1 nghìn doanh nghiệp.

(26) Nguồn: Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo nhận ngày 25/6/2021).

(27) So với cùng kỳ năm trước, số doanh nghiệp giảm 17,6%; số vốn đăng ký tăng 18,1%; số lao động đăng ký giảm 28,2%.

nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 50% và tăng 40,3%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, cả nước có gần 67,1 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 942,6 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 484,3 nghìn lao động, tăng 8,1% về số doanh nghiệp, tăng 34,3% về vốn đăng ký và giảm 4,5% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 6 tháng đạt 14,1 tỷ đồng, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả 1.152,5 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 23,7 nghìn doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 6 tháng đầu năm 2021 là 2.095,1 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, còn có 26,1 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2021 lên 93,2 nghìn doanh nghiệp, trung bình mỗi tháng có 15,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Theo khu vực kinh tế, trong 6 tháng đầu năm nay có 1.090 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2020; gần 18,2 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 1,6%; 47,8 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 11%. Một số lĩnh vực hoạt động có số doanh nghiệp thành lập mới tăng: Kinh doanh bất động sản tăng 44,8% so với cùng kỳ năm trước; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 22,6%; giáo dục và đào tạo tăng 21,9%; vận tải kho bãi tăng 21,1%; thông tin và truyền thông tăng 16,3%; tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 11,5%; khai khoáng tăng 10,6%; nghệ thuật, vui chơi giải trí tăng 9,7%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,6%; khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác tăng 9,1%; bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy tăng 7,6%; xây dựng tăng 2,9%. Có 3 lĩnh vực có số doanh nghiệp thành lập mới giảm so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Sản xuất phân phối điện, nước, gas giảm 49,1%; dịch vụ lưu trú ăn uống giảm 2,8%; dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác giảm 2,4%.

Cũng trong 6 tháng đầu năm nay, có 70,2 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 24,9% so với cùng kỳ năm 2020, bao gồm: 35,6 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 22,1% so với cùng kỳ năm trước; 24,7 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 25,7%; 9,9 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 33,8%, trong đó có 8.883 doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, tăng 34,2%; 105 doanh nghiệp có vốn trên 100 tỷ đồng, giảm 2,8%. Doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực: Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa

ô tô, xe máy có 3.715 doanh nghiệp; công nghiệp chế biến, chế tạo có 1.138 doanh nghiệp; xây dựng có 881 doanh nghiệp; khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác có 619 doanh nghiệp; dịch vụ lưu trú và ăn uống có 563 doanh nghiệp; kinh doanh bất động sản có 497 doanh nghiệp; dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng, các dịch vụ hỗ trợ khác có 495 doanh nghiệp; vận tải, kho bãi có 445 doanh nghiệp; giáo dục, đào tạo có 333 doanh nghiệp; thông tin và truyền thông có 317 doanh nghiệp; sản xuất phân phối điện, nước, gas 201 doanh nghiệp. Trung bình mỗi tháng có 11,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

b) Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý II/2021 cho thấy: Có 30,5% số doanh nghiệp đánh giá tốt hơn so với quý I/2021; 37,7% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 31,8% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn[28]. Dự kiến quý III/2021, có 39,2% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên so với quý II/2021; 22,2% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn và 38,6% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định. Trong đó, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lạc quan nhất với 81,5% số doanh nghiệp dự báo tình hình sản xuất kinh doanh quý III/2021 tốt hơn và giữ ổn định so với quý II/2021; tỷ lệ này ở khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước và doanh nghiệp Nhà nước lần lượt là 76,4% và 75,9%.

Trong các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp quý II/2021, có 52,7% số doanh nghiệp cho rằng khả năng cạnh tranh cao của hàng hóa trong nước là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; 49,3% số doanh nghiệp cho rằng do nhu cầu thị trường trong nước thấp; 32,1% số doanh nghiệp cho rằng gặp khó khăn về tài chính; 27,3% số doanh nghiệp cho rằng thiếu nguyên, nhiên, vật liệu; 26,7% số doanh nghiệp cho rằng không tuyển được lao động theo yêu cầu; 25,8% số doanh nghiệp cho rằng nhu cầu thị trường quốc tế thấp; 22,2% số doanh nghiệp cho rằng lãi suất vay vốn cao; 19,5% số doanh nghiệp cho rằng tính cạnh tranh của hàng nhập khẩu cao; 19% số doanh nghiệp cho rằng thiết bị công nghệ lạc hậu.

Về khối lượng sản xuất, có 34,1% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất của doanh nghiệp quý II/2021 tăng so với quý I/2021; 35,7% số doanh nghiệp cho rằng ổn định và 30,2% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng

(28) Chỉ số tương ứng của quý I/2021: Có 29,6% số doanh nghiệp đánh giá tốt hơn quý trước; 39% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 31,4% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn.

sản xuất giảm[29]. Xu hướng quý III/2021 so với quý II/2021, có 40% số doanh nghiệp dự báo khối lượng sản xuất tăng; 20,8% số doanh nghiệp dự báo giảm và 39,2% số doanh nghiệp dự báo ổn định.

Về đơn đặt hàng, có 29,6% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng quý II/2021 cao hơn quý I/2021; 40,4% số doanh nghiệp có số đơn đặt hàng ổn định và 30% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng giảm[30]. Xu hướng quý III/2021 so với quý II/2021, có 37,1% số doanh nghiệp dự kiến có đơn hàng tăng lên; 21% số doanh nghiệp dự kiến đơn hàng giảm và 41,9% số doanh nghiệp dự kiến có đơn hàng ổn định.

Về đơn đặt hàng xuất khẩu, quý II/2021 so với quý I/2021, có 27% số doanh nghiệp khẳng định số đơn hàng xuất khẩu mới cao hơn; 43,7% số doanh nghiệp có đơn hàng xuất khẩu mới ổn định và 29,3% số doanh nghiệp có đơn hàng xuất khẩu mới giảm. Xu hướng quý III/2021 so với quý II/2021, có 32,8% số doanh nghiệp dự kiến tăng đơn hàng xuất khẩu mới; 20,6% số doanh nghiệp dự kiến giảm và 46,6% số doanh nghiệp dự kiến ổn định.

5. Hoạt động dịch vụ

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tuy một số địa phương thực hiện giãn cách theo các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ nhưng có trọng tâm, trọng điểm, tập trung những khu vực phát sinh dịch nên tính chung 6 tháng đầu năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 4,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 giảm 1,1%).

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Sáu ước tính đạt 381,9 nghìn tỷ đồng, giảm 2% so với tháng trước và giảm 6,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý II/2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 1.177,6 nghìn tỷ đồng, giảm 8,4% so với quý trước và tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 956,8 nghìn tỷ đồng, giảm 7% và tăng 6%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 101,1 nghìn tỷ đồng, giảm 17,8% và giảm 1,4%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 1,4 nghìn tỷ đồng, giảm 55,4% và giảm 5,7%; doanh thu dịch vụ khác đạt 118,3 nghìn tỷ đồng, giảm 10,1% và tăng 4,2%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh

---

(29) Chỉ số tương ứng của quý I/2021: Có 31% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất tăng so với quý trước; 37% số doanh nghiệp cho rằng ổn định và 32% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất giảm.

(30) Chỉ số tương ứng của quý I/2021: Có 27,8% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng cao hơn quý trước; 41,7% số doanh nghiệp có số đơn đặt hàng ổn định và 30,5% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng giảm.

thu dịch vụ tiêu dùng đạt 2.463,8 nghìn tỷ đồng, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 3,55% (cùng kỳ năm 2020 giảm 5,77%).

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 6 tháng đạt 1.985,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 80,6% tổng mức và tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước[31]. Trong đó, lương thực, thực phẩm tăng 7,8%; phương tiện đi lại tăng 6,4%; may mặc tăng 5,5%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 3,5%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 0,2%. Một số địa phương có mức doanh thu bán lẻ hàng hóa 6 tháng tăng so với cùng kỳ năm trước: Đà Nẵng tăng 7,4%; Cần Thơ tăng 6,9%; Hải Phòng tăng 5,9%; Hà Nội tăng 2,1%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 1,7%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 6 tháng đầu năm nay ước tính đạt 224 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,1% tổng mức và giảm 2,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 giảm 20,3%). Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 6 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương: Hải Phòng tăng 4,9%; Cần Thơ tăng 2,5%; Đà Nẵng tăng 1,3%; Hà Nội giảm 2,3%; Thành phố Hồ Chí Minh giảm 3,3%; Bắc Ninh giảm 4,2%; Quảng Ninh giảm 5,5%.

Doanh thu du lịch lữ hành 6 tháng ước tính đạt 4,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,2% tổng mức và giảm 51,8% so với cùng kỳ năm trước do Việt Nam chưa mở cửa du lịch quốc tế để khống chế dịch Covid-19, đồng thời một số địa phương thực hiện giãn cách xã hội nên du lịch nội địa kém sôi động. Một số địa phương có doanh thu du lịch lữ hành 6 tháng giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước: Bắc Ninh giảm 61,8%; Thành phố Hồ Chí Minh giảm 53,6%; Hải Phòng giảm 46,5%; Hà Nội giảm 44,3%; Đà Nẵng giảm 43,5%; Quảng Ninh giảm 36,6%; Cần Thơ giảm 20,3%.

Doanh thu dịch vụ khác 6 tháng ước tính đạt 249,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng mức và tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó doanh thu của Cần Thơ tăng 17,1%; Đà Nẵng tăng 12,3%; Hải Phòng tăng 9,9%; Hà Nội tăng 3,9%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 1,1%; Bắc Ninh giảm 6,5%; Thái Bình giảm 5,6%.

b) Vận tải và viễn thông

Trong tháng 6/2021, hoạt động vận tải hành khách tiếp tục gặp khó khăn khi nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội tại các địa bàn có sự bùng phát của dịch Covid-19. So với cùng kỳ năm trước, vận tải hành khách tháng Sáu giảm 20,3% về lượng hành khách vận chuyển và giảm 25,2% về lượng hành khách luân chuyển; tính chung 6 tháng đầu năm 2021, vận chuyển hành khách giảm 0,7%, luân chuyển hành khách giảm 5,7% so với cùng kỳ năm

(31) Tháng Tư năm 2020, cả nước thực hiện giãn cách xã hội làm hoạt động mua sắm hàng hóa, chi tiêu của người tiêu dùng giảm nên doanh thu bán lẻ hàng hóa 6 tháng đầu năm 2020 đạt thấp.

trước. Vận tải hàng hóa được duy trì khi các hoạt động sản xuất, kinh doanh nỗ lực thực hiện để đạt "mục tiêu kép" của Chính phủ. So với cùng kỳ năm trước, vận tải hàng hóa tháng Sáu tăng 8,6% về sản lượng vận chuyển và tăng 9,4% về sản lượng luân chuyển; tính chung 6 tháng đầu năm, vận chuyển hàng hóa tăng 11,5%, luân chuyển hàng hóa tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước.

Vận tải hành khách tháng Sáu ước tính đạt 235,5 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 20,3% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 10,4 tỷ lượt khách.km, giảm 25,2%; quý II năm nay ước tính đạt 844,4 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 24,3% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển đạt 37,5 tỷ lượt khách.km, tăng 23,7%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, vận tải hành khách đạt 1.813,5 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 giảm 26,8%) và luân chuyển 78,8 tỷ lượt khách. km, giảm 5,7% (cùng kỳ năm trước giảm 31,7%), trong đó vận tải trong nước đạt 1.813,4 triệu lượt khách, giảm 0,6% và 78,3 tỷ lượt khách.km, tăng 5,6%; vận tải ngoài nước đạt 94,9 nghìn lượt khách, giảm 96,5% và 480,3 triệu lượt khách.km, giảm 94,9%. Xét theo ngành vận tải, vận tải hành khách đường bộ 6 tháng đạt 1.675,9 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 1,3% so với cùng kỳ năm trước và 61,8 tỷ lượt khách.km luân chuyển, tăng 0,8%; đường thủy nội địa đạt 116,7 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 9% và 2,2 tỷ lượt khách.km luân chuyển, tăng 10,7%; hàng không đạt 16,2 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 1,9% và 14,1 tỷ lượt khách.km luân chuyển, giảm 26,8%; đường biển đạt 3,5 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 6,4% và 217,1 triệu lượt khách.km luân chuyển, tăng 19,4%; đường sắt đạt 1,2 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 41,4% và 497,9 triệu lượt khách.km luân chuyển, giảm 45,3%. Nếu so với cùng kỳ năm 2019, năm chưa ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, sản lượng vận chuyển 6 tháng đầu năm 2021 giảm 27,3% và luân chuyển giảm 35,6%, trong đó hàng không là một trong những ngành chịu thiệt hại rất lớn với sản lượng vận chuyển giảm 40,2% và luân chuyển giảm 62,2%.

Vận tải hàng hóa tháng Sáu ước tính đạt 153,8 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 31,1 tỷ tấn.km, tăng 9,4%; quý II năm nay ước tính đạt 439,6 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 91,3 tỷ tấn.km, tăng 18%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, vận tải hàng hóa đạt 903,5 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 giảm 7,8%) và luân chuyển 178 tỷ tấn.km, tăng 11,3% (cùng kỳ năm trước giảm 7%), trong đó vận tải trong nước đạt 888 triệu tấn vận chuyển, tăng 12% và 105 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 27,7%; vận tải ngoài nước đạt 15,5 triệu tấn vận chuyển, giảm 12,8% và 73 tỷ tấn.km luân chuyển, giảm 6%. Xét theo ngành vận tải, vận tải hàng hóa đường bộ 6 tháng đạt 690,9 triệu tấn vận

chuyển, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước và 49,6 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 13,7%; đường thủy nội địa đạt 167,6 triệu tấn vận chuyển, tăng 16,7% và 39,3 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 25,4%; đường biển đạt 42 triệu tấn vận chuyển, tăng 9,5% và 85,4 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 5,3%; đường sắt đạt 2,8 triệu tấn vận chuyển, tăng 14,5% và 1,9 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 7,8%; đường hàng không đạt 153,6 nghìn tấn vận chuyển, tăng 7,4% và 1,8 tỷ tấn.km luân chuyển, giảm 13%. Nhìn chung vận tải hàng hóa đã khôi phục hoạt động với mức sản lượng của hầu hết các ngành đường 6 tháng đầu năm 2021 đều cao hơn cùng kỳ năm 2019 (năm chưa ảnh hưởng bởi dịch Covid-19), trong đó vận chuyển hàng hóa đường bộ tăng 1,1% và luân chuyển tăng 1,3%; đường thủy nội địa tăng 9,7% và tăng 18,8%; đường biển tăng 4% và tăng 1,2%; đường sắt tăng 9,2% và tăng 4,8%; riêng đường hàng không vẫn gặp nhiều khó khăn với sản lượng vận chuyển giảm 26% và luân chuyển giảm 51,8% so với 6 tháng năm 2019.

Doanh thu hoạt động viễn thông quý II/2021 ước tính đạt 78,3 nghìn tỷ đồng, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 3%). Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, doanh thu đạt 158 nghìn tỷ đồng, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 3,3%). Tổng số thuê bao điện thoại tại thời điểm cuối tháng 6/2021 ước tính đạt 126,7 triệu thuê bao, tăng 0,3% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó thuê bao di động đạt 123,3 triệu thuê bao, tăng 0,4%. Số thuê bao truy nhập Internet băng rộng cố định tại thời điểm cuối tháng Sáu ước tính đạt 17,9 triệu thuê bao, tăng 13,1% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó thuê bao truy nhập qua hệ thống cáp quang (FTTH) và qua hệ thống cáp truyền hình (CATV) tăng nhanh, thuê bao truy nhập qua hình thức xDSL tiếp tục giảm.

c) Khách quốc tế đến Việt Nam

Khách quốc tế đến nước ta trong quý II/2021 đạt 40,1 nghìn lượt người, giảm 30,4% so với cùng kỳ năm trước do Việt Nam tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, chưa mở cửa du lịch quốc tế nên lượng khách đến chủ yếu là chuyên gia, lao động kỹ thuật nước ngoài làm việc tại các dự án ở Việt Nam. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, khách quốc tế đến nước ta đạt 88,2 nghìn lượt người, giảm 97,6% so với cùng kỳ năm trước.

Khách quốc tế đến nước ta trong tháng Sáu ước tính đạt 7,2 nghìn lượt người, giảm 46,5% so với tháng trước và giảm 18% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 88,2 nghìn lượt người, giảm 97,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 55,7 nghìn lượt người, chiếm 63,2% lượng khách quốc tế đến Việt Nam, giảm 98,2%; bằng đường bộ đạt 32,3 nghìn lượt người, chiếm 36,6% và giảm 94,2%; bằng đường biển đạt 216 lượt người, chiếm

0,2% và giảm 99,9%.

Trong 6 tháng đầu năm nay, khách đến từ châu Á đạt 77,6 nghìn lượt người, chiếm 88% tổng số khách quốc tế đến nước ta, giảm 97,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khách đến từ tất cả các thị trường đều giảm mạnh: Trung Quốc đạt gần 36,7 nghìn lượt người, giảm 96% so với cùng kỳ năm trước; Hàn Quốc 18,4 nghìn lượt người, giảm 97,8%; Đài Loan 6,8 nghìn lượt người, giảm 96,5%; Nhật Bản 4,8 nghìn lượt người, giảm 97,6%; Lào 4,6 nghìn lượt người, giảm 87,8%. Khách đến từ châu Âu trong 6 tháng ước tính đạt 6,9 nghìn lượt người, giảm 99% so với cùng kỳ năm trước; khách đến từ châu Mỹ đạt 2,4 nghìn lượt người, giảm 99%; khách đến từ châu Úc đạt 648 lượt người, giảm 99,4%; khách đến từ Châu Phi đạt 666 lượt người, giảm 94,5%.

II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, KIỂM SOÁT LẠM PHÁT

1. Hoạt động ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán[32]

Hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế từng bước được phục hồi, nhu cầu tín dụng của doanh nghiệp và người dân có xu hướng tăng khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện các đợt giảm lãi suất trong năm 2020. Tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế tính đến thời điểm 21/6/2021 đạt 5,47% so với cuối năm 2020. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm tăng trưởng tích cực, doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường 6 tháng đầu năm 2021 tăng 17% so với cùng kỳ năm trước; thị trường chứng khoán tăng mạnh với tổng mức huy động vốn cho nền kinh tế tăng 68%.

Tính đến thời điểm 21/6/2021, tổng phương tiện thanh toán tăng 3,48% so với cuối năm 2020 (cùng thời điểm năm 2020 tăng 4,59%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 3,13% (cùng thời điểm năm 2020 tăng 4,35%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 5,47% (cùng thời điểm năm 2020 tăng 2,45%).

So với thời điểm cuối năm 2020, lãi suất trong 6 tháng đầu năm 2021 tương đối ổn định sau khi giảm mạnh trong năm 2020. Lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam ở mức 0,1%-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,1% - 3,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,0% - 5,9%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 5,6% - 6,7%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam đối với một số ngành, lĩnh vực ở mức 4,5%/năm; cho vay bằng đô la Mỹ bình quân ở mức 3,0%-6,0%/năm. Cơ cấu tín dụng tiếp tục hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu

(32) Số liệu chứng khoán theo Công văn 3151/UBCK-CNTT ngày 25/5/2021 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

tiên theo chỉ đạo của Chính phủ; kiểm soát chặt chẽ tín dụng trong lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản, các dự án BOT, BT giao thông, chứng khoán.

Tỷ giá trung tâm được điều hành linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường và mục tiêu chính sách tiền tệ. Nhờ đó, tỷ giá và thị trường ngoại tệ nhìn chung ổn định. Hoạt động thanh toán trong nền kinh tế diễn ra an toàn, hiệu quả, thông suốt; khuôn khổ pháp lý cho hoạt động thanh toán tiếp tục được hoàn thiện, thanh toán không dùng tiền mặt được đẩy mạnh.

Doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường 6 tháng đầu năm 2021 ước tính tăng 17% so với cùng kỳ năm trước (quý II/2020 ước tính tăng 11%), trong đó doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực nhân thọ tăng 22%; lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tăng 7%. Các doanh nghiệp Bảo hiểm nhân thọ đã nỗ lực giới thiệu những sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm bảo hiểm trực tuyến nhằm giúp khách hàng bảo vệ sức khỏe và quản lý tài sản trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, số ca lây nhiễm ngày càng tăng.

Tính đến hết tháng 5/2021, doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế ước tính đạt 512,9 nghìn tỷ đồng, tăng 26,7% so với cùng kỳ năm 2020; tổng tài sản của toàn thị trường bảo hiểm đạt 628,4 nghìn tỷ đồng, tăng 23,2%.

Cùng với xu hướng chung của thị trường chứng khoán thế giới, thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều dấu hiệu phục hồi tăng trưởng nhờ chính sách tiền tệ nới lỏng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tính đến hết tháng Năm, tổng mức huy động vốn cho nền kinh tế của thị trường chứng khoán ước tính đạt 116,4 nghìn tỷ đồng, tăng 68% so với cùng kỳ năm trước. Số lượng tài khoản giao dịch đăng ký mới trên thị trường chứng khoán lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 đạt 482,8 nghìn tài khoản, gấp 3,7 lần cùng kỳ năm 2020.

Trên thị trường cổ phiếu, tại thời điểm ngày 20/6/2021, chỉ số VNIndex[33] đạt 1.377,8 điểm, tăng 3,7% so với cuối tháng trước và tăng 24,8% so với cuối năm trước; mức vốn hóa thị trường đạt 6.699,5 nghìn tỷ đồng, tăng 64,5% so với cùng thời điểm năm trước. Giá trị giao dịch bình quân trong tháng Sáu (đến ngày 20/6) đạt 32.013 tỷ đồng/phiên, tăng 265,3% so với cùng kỳ năm 2020; tính chung 6 tháng đầu năm 2021, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường đạt 22.428 tỷ đồng/phiên, tăng 302,3%. Tính đến cuối tháng 5/2021, thị trường có 758 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết; 922 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM với tổng giá trị niêm yết và đăng ký giao dịch đạt gần 1.564 nghìn tỷ đồng, tăng 3% so với cuối năm 2020.

Trên thị trường trái phiếu, tính đến cuối tháng 5/2021 có 456 mã trái phiếu niêm yết với giá trị niêm yết đạt 1.381 nghìn tỷ đồng, giảm 0,5% so với

(33) Tính đến 14h ngày 28/6/2021, chỉ số VNIndex đạt 1.403,5 điểm, tăng 5,7% so với cuối tháng trước và tăng 27,2% so với cuối năm 2020.

cùng kỳ năm 2020. Giá trị giao dịch bình quân trên thị trường đến 20/6/2021 đạt 11.434 tỷ đồng/phiên, tăng 46,6% so với cùng kỳ năm trước; tính chung 6 tháng, giá trị giao dịch bình quân đạt 11.622 tỷ đồng/phiên, tăng 17,2%.

Trong lĩnh vực chứng khoán phái sinh và các sản phẩm khác, quy mô giao dịch bình quân đến ngày 20/6/2021 đạt 34.121 tỷ đồng/phiên, tăng 137,8% so với cùng kỳ năm trước; lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 đạt 24.041 tỷ đồng/phiên, tăng 90,9%; số lượng tài khoản giao dịch phái sinh (tính đến tháng 5/2021) đạt 330.2 nghìn tài khoản, tăng 182,4%.

Tính đến tháng 5/2021, các nhà đầu tư nước ngoài đang nắm giữ 20.881 triệu cổ phiếu, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước; 632 triệu trái phiếu, tăng 0,9%; 1.076 chứng khoán khác[34], tăng 89,4%.

2. Đầu tư phát triển

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 6 tháng đầu năm 2021 theo giá hiện hành ước đạt 1.169,7 nghìn tỷ đồng, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn nhiều mức tăng 3% của năm 2020. Mức tăng này phản ánh kết quả của các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với cộng đồng doanh nghiệp, cũng như xu thế đón đầu dòng vốn FDI đang chuyển dịch vào Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19 được kiểm soát.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý II/2021 theo giá hiện hành ước tính đạt 661,1 nghìn tỷ đồng, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn khu vực Nhà nước tăng 7%; khu vực ngoài Nhà nước tăng 8,5%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 6,9%.

Ước tính 6 tháng đầu năm 2021, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành đạt 1.169,7 nghìn tỷ đồng, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 295,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 25,3% tổng vốn và tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 660,1 nghìn tỷ đồng, bằng 56,4% và tăng 7,4%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 214,4 nghìn tỷ đồng, bằng 18,3% và tăng 6,7%.

(34) Bao gồm chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm, chứng khoán phái sinh…

Tốc độ phát triển và cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện 6 tháng đầu năm giai đoạn 2017-2021 *(Theo giá hiện hành)*

%

	Tổng số	Khu vực Nhà nước	Khu vực ngoài Nhà nước	Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
Tốc độ phát triển				
Năm 2017	112,0	103,8	117,2	111,6
Năm 2018	109,8	101,0	115,0	109,0
Năm 2019	109,7	101,4	113,7	109,7
Năm 2020	103,0	107,3	103,5	96,2
Năm 2021	107,2	107,3	107,4	106,7
Cơ cấu				
Năm 2017	100,0	28,5	51,7	19,8
Năm 2018	100,0	26,2	54,1	19,7
Năm 2019	100,0	24,2	56,1	19,7
Năm 2020	100,0	25,2	56,4	18,4
Năm 2021	100,0	25,3	56,4	18,3

Trong vốn đầu tư của khu vực Nhà nước, vốn từ ngân sách Nhà nước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 ước tính đạt 171,9 nghìn tỷ đồng, bằng 36,8% kế hoạch năm và tăng 10,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 bằng 30,5% và tăng 20,5%[35]), gồm có: Vốn trung ương quản lý đạt 27,5 nghìn tỷ đồng, bằng 35,1% kế hoạch năm và tăng 17,1% so với cùng kỳ năm trước; vốn địa phương quản lý đạt 144,4 nghìn tỷ đồng, bằng 37,2% và tăng 9%, trong

(35) Trong năm 2020, Chính phủ thực hiện quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của cả nước, kế hoạch vốn thực hiện từ nguồn NSNN năm 2020 đạt 512 nghìn tỷ đồng, gấp 1,3 lần so với năm 2019.

đó vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 98,1 nghìn tỷ đồng, bằng 35,9% và tăng 11,9%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 39,2 nghìn tỷ đồng, bằng 38,6% và tăng 4,4%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 7,1 nghìn tỷ đồng, bằng 51,1% và giảm 2,9%.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/6/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 15,27 tỷ USD, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó có 804 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt gần 9,55 tỷ USD, giảm 43,3% về số dự án và tăng 13,2% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; có 460 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 4,12 tỷ USD, tăng 10,6%; có 1.855 lượt góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn 1,60 tỷ USD, giảm 54,3%. Trong tổng số lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 624 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị góp vốn là 772,7 triệu USD và 1.231 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 832,9 triệu USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 ước tính đạt 9,24 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 6,65 tỷ USD, chiếm 72% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,28 tỷ USD, chiếm 13,8%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 691,1 triệu USD, chiếm 7,5%.

Trong 6 tháng đầu năm nay, ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt gần 5 tỷ USD, chiếm 52,3% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 3,1 tỷ USD, chiếm 32,4%; các ngành còn lại đạt 1,46 tỷ USD, chiếm 15,3%. Nếu tính cả vốn đăng ký điều chỉnh của các dự án đã cấp phép từ các năm trước thì vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt gần 6,49 tỷ USD, chiếm 47,5% tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 5,25 tỷ USD[36], chiếm 38,4%; các ngành còn lại đạt 1,93 tỷ USD, chiếm 14,1%. Đối với hình thức góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt gần 489 triệu USD, chiếm 30,4% giá trị góp vốn; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 290,7 triệu USD, chiếm 18,1%; hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ đạt 256,3 triệu USD, chiếm 16%; các ngành còn lại 569,6 triệu USD, chiếm 35,5%.

---

(36) Trong tháng 6/2021, dự án điện gió Sunpro Bến Tre đăng ký điều chỉnh vốn giảm 91,6 triệu USD.

Trong số 55 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 6 tháng đầu năm, Xin-ga-po là nhà đầu tư lớn nhất với 4,74 tỷ USD, chiếm 49,6% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Nhật Bản 1,66 tỷ USD, chiếm 17,4%; Đặc khu hành chính Hồng Công (TQ) 856,4 triệu USD, chiếm 9%; Trung Quốc 678,1 triệu USD, chiếm 7,1%; Hàn Quốc 573 triệu USD, chiếm 6%; Hoa Kỳ 300,6 triệu USD, chiếm 3,1%.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2021 có 24 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 143,8 triệu USD, bằng 77,6% so với cùng kỳ[37]; có 9 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn tăng thêm 403,2 triệu USD, tăng 10,8 lần so với cùng kỳ[38]. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) đạt 547 triệu USD, tăng gần 2,5 lần so với cùng kỳ năm trước, trong đó hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ đạt 270,8 triệu USD, chiếm 49,5% tổng vốn đầu tư; lĩnh vực bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác đạt 148,6 triệu USD, chiếm 27,2%; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 76,9 triệu USD, chiếm 14,1%. Trong 6 tháng đầu năm có 15 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó Hoa Kỳ là nước dẫn đầu với 302,8 triệu USD, chiếm 55,4% tổng vốn đầu tư; Cam-pu-chia 89,2 triệu USD, chiếm 16,3%; Ca-na-da 32,1 triệu USD, chiếm 5,9%; Pháp, Đức, Hà Lan cùng đạt 32 triệu USD, cùng chiếm 5,8%.

3. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tiến độ thu ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2021 đạt khá trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ước tính đạt 57,7% dự toán năm. Chi ngân sách được thực hiện theo dự toán và tiến độ triển khai nhiệm vụ chuyên môn của các đơn vị sử dụng ngân sách, ưu tiên chi cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19.

Tổng thu ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2021 ước tính đạt 775 nghìn tỷ đồng, bằng 57,7% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 633,1 nghìn tỷ đồng, bằng 55,9%; thu từ dầu thô 18,5 nghìn tỷ đồng, bằng 79,8%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 122,8 nghìn tỷ đồng, bằng 68,8%. Trong thu nội địa, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước bằng 52,9% dự toán năm; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) bằng

(37) Vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài cho các dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư mới trong 6 tháng giảm so với cùng kỳ sau khi tăng mạnh ở các tháng trước do trong tháng 6/2020 có dự án Công ty TNHH Vonfram Masan (Đức) được cấp GCNĐKĐTRNN với tổng vốn 91,5 triệu USD.

(38) Vốn đầu tư điều chỉnh tăng mạnh do có dự án của Vingroup tại Hoa Kỳ điều chỉnh tăng 300 triệu USD; dự án Công ty TNHH Đầu tư và phát triển cao su Đông Dương tại Campuchia tăng 76 triệu USD và 01 dự án của Vinfast tại Đức tăng 32 triệu USD.

57,1%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài Nhà nước bằng 58,7%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2021 ước tính đạt 694,4 nghìn tỷ đồng, bằng 41,2% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 501 nghìn tỷ đồng, bằng 48,3%; chi đầu tư phát triển 133,9 nghìn tỷ đồng, bằng 28,1%; chi trả nợ lãi 56,8 nghìn tỷ đồng, bằng 51,6%.

4. Xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ

a) Xuất nhập khẩu hàng hóa[39]

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 tiếp tục có những diễn biến phức tạp, lan rộng ra nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước, đã tác động đến hoạt động sản xuất của một số doanh nghiệp trong khu công nghiệp, kim ngạch xuất, nhập khẩu tháng 6 giảm nhẹ so với tháng trước, tuy nhiên vẫn đạt tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 6/2021 ước tính đạt 54 tỷ USD, tăng 25% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm nay, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 316,73 tỷ USD, tăng 32,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 157,63 tỷ USD, tăng 28,4%; nhập khẩu đạt 159,1 tỷ USD, tăng 36,1%[40]*. Cán cân thương mại 6 tháng đầu năm 2021 ước tính nhập siêu 1,47 tỷ USD.*

Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa thực hiện tháng 5/2021 đạt 26,19 tỷ USD, cao hơn 193 triệu USD so với số ước tính.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 6/2021 ước tính đạt 26,5 tỷ USD, tăng 1,2% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 7,58 tỷ USD, tăng 5,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 18,92 tỷ USD, giảm 0,3%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Sáu tăng 17,3%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 14,2%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 18,6%.

Trong quý II/2021, kim ngạch xuất khẩu đạt 79,23 tỷ USD, tăng 33,5% so với cùng kỳ năm trước và tăng 1,1% so với quý I năm nay. Trong quý II có 12 mặt hàng đạt giá trị xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 75,3% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó mặt hàng điện tử máy tính và linh kiện dẫn đầu với

---

(39) Số liệu tháng 6/2021 do Tổ liên ngành gồm Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng cục Hải quan và Tổng cục Thống kê họp ước tính căn cứ trên số liệu kim ngạch xuất, nhập khẩu tính đến ngày 27/6/2021 của Tổng cục Hải quan kết hợp với thông tin thị trường, tỷ trọng và xu hướng xuất, nhập khẩu các mặt hàng. Tổng cục Thống kê nhận được và cập nhật báo cáo vào chiều ngày 28/6/2021.

(40) Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2020 đạt 239,67 tỷ USD, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 122,77 tỷ USD, tăng 0,2%; nhập khẩu đạt 116,9 tỷ USD, giảm 3,3%.

11,8 tỷ USD, chiếm 14,9% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 14% so với cùng kỳ năm trước; điện thoại và linh kiện đạt 10,7 tỷ USD, tăng 17,9%; hàng dệt may đạt 8 tỷ USD, tăng 30,6%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 7,9 tỷ USD, tăng 50%; giày, dép đạt 5,6 tỷ USD, tăng 41,6%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 157,63 tỷ USD, tăng 28,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 40,89 tỷ USD, tăng 16,8%, chiếm 25,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 116,74 tỷ USD, tăng 33%, chiếm 74,1%.

Trong 6 tháng đầu năm 2021 có 25 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 88,9% tổng kim ngạch xuất khẩu (5 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 58%), trong đó điện thoại và linh kiện có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, đạt 25,1 tỷ USD, chiếm 15,9% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 23,7 tỷ USD, tăng 22,1%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 17 tỷ USD, tăng 63,4%; hàng dệt may đạt 15,2 tỷ USD, tăng 14,9%; giày dép đạt 10,4 tỷ USD, tăng 27,8%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 8,1 tỷ USD, tăng 61,1%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 5,4 tỷ USD, tăng 42,8%. Nhìn chung, tỷ trọng xuất khẩu của một số mặt hàng chủ lực vẫn thuộc về khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong đó: Điện thoại và linh kiện chiếm 99,2%; điện tử, máy tính và linh kiện chiếm 98,1%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 92,6%; giày dép chiếm 82,4%; hàng dệt may 63,5%. Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng một số mặt hàng nông, thủy sản tăng so với cùng kỳ năm trước: Thủy sản đạt 4,1 tỷ USD, tăng 12,5%; rau quả đạt 2,1 tỷ USD, tăng 17,7%; hạt điều đạt 1,7 tỷ USD, tăng 11,1% (lượng tăng 22,2%); cao su đạt 1,1 tỷ USD, tăng 80% (lượng tăng 41,3%); sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 614 triệu USD, tăng 30,5% (lượng tăng 16,3%); hạt tiêu đạt 499 triệu USD, tăng 40,5% (mặc dù lượng giảm 6,7% nhưng giá trị xuất khẩu vẫn tăng do giá xuất khẩu tăng); chè đạt 95 triệu USD, tăng 4,5% (lượng tăng 0,1%). Riêng mặt hàng gạo đạt 1,6 tỷ USD, giảm 4,7% (lượng giảm 14,8%); cà phê đạt 1,5 tỷ USD, giảm 4,5% (lượng giảm 12,3%).

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 6 tháng, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản ước tính đạt 84 tỷ USD, tăng 29,3% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 53,3% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu (tăng 0,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước). Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp ước tính đạt 58 tỷ USD, tăng 31,2% và chiếm 36,8% (tăng 0,8 điểm phần trăm). Nhóm hàng nông, lâm sản đạt 11,58 tỷ USD, tăng 15,8% và chiếm 7,3% (giảm 0,8 điểm phần trăm). Nhóm hàng thủy sản đạt 4,05 tỷ USD, tăng 12,4% và chiếm 2,6% (giảm 0,4 điểm phần trăm).

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 44,9 tỷ USD, tăng 42,6% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là Trung Quốc đạt 24,4 tỷ USD, tăng 24%. Thị trường EU đạt 19,3 tỷ USD, tăng 17,4%. Thị trường ASEAN đạt 13,8 tỷ USD, tăng 26%. Hàn Quốc đạt 10,5 tỷ USD, tăng 14,7%. Nhật Bản đạt 9,9 tỷ USD, tăng 6,9%.

Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa thực hiện tháng 5/2021 đạt 28,27 tỷ USD, cao hơn 267 triệu USD so với số ước tính.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 6/2021 ước tính đạt 27,5 tỷ USD, giảm 2,7% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 9,9 tỷ USD, giảm 3,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 17,6 tỷ USD, giảm 2,3%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Sáu tăng 33,5%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 27,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 37,2%.

Trong quý II/2021, kim ngạch nhập khẩu đạt 83,5 tỷ USD, tăng 45,7% so với cùng kỳ năm trước và tăng 10,4% so với quý I năm nay. Trong quý II có 18 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 76,1% tổng trị giá nhập khẩu, trong đó: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt giá trị cao nhất với 16,8 tỷ USD (chiếm 20,1% tổng giá trị kim ngạch nhập khẩu), tăng 25,6% so với quý cùng kỳ năm trước; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 12,1 tỷ USD, tăng 43,4%; vải đạt 4,3 tỷ USD, tăng 50,4%; điện thoại và linh kiện đạt 4,1 tỷ USD, tăng 51,1%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 159,1 tỷ USD, tăng 36,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 55,9 tỷ USD, tăng 30,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 103,2 tỷ USD, tăng 39,5%.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, có 31 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 87,4% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 33,3 tỷ USD (chiếm 20,9% tổng kim ngạch nhập khẩu), tăng 22,9% so với cùng kỳ năm trước; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 22,9 tỷ USD, tăng 37,3%; điện thoại và linh kiện đạt 8,9 tỷ USD, tăng 48,7%; vải đạt 7,3 tỷ USD, tăng 32,3%; chất dẻo đạt 6,1 tỷ USD, tăng 54,9%; sắt thép đạt 5,7 tỷ USD, tăng 40,8%; kim loại thường đạt 4,5 tỷ USD, tăng 59,9%; ô tô đạt 4,5 tỷ USD, tăng 78,4%; sản phẩm chất dẻo đạt 4 tỷ USD, tăng 22%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2021, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 149,32 tỷ USD, tăng 36,7% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 93,9% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu (tăng 0,4 điểm

phần trăm so với cùng kỳ năm trước), trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 72 tỷ USD, tăng 33% và chiếm 45,2% (giảm 1 điểm phần trăm); nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu đạt 77,35 tỷ USD, tăng 40,2% và chiếm 48,6% (tăng 1,4 điểm phần trăm). Nhóm hàng tiêu dùng ước tính đạt 9,78 tỷ USD, tăng 28% và chiếm 6,1% (giảm 0,4 điểm phần trăm).

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2021, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 53,4 tỷ USD, tăng 53% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là thị trường Hàn Quốc đạt 25,2 tỷ USD, tăng 21,1%. Thị trường ASEAN đạt 20,9 tỷ USD, tăng 47,7%. Nhật Bản đạt 10,6 tỷ USD, tăng 12,3%. Thị trường EU đạt 8,1 tỷ USD, tăng 16,3%. Hoa Kỳ đạt 7,7 tỷ USD, tăng 9,5%.

Cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng Năm nhập siêu 2,07 tỷ USD[41]; 5 tháng nhập siêu 0,47 tỷ USD; tháng Sáu ước tính nhập siêu 1 tỷ USD. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 1,47 tỷ USD[42] (cùng kỳ năm trước xuất siêu 5,86 tỷ USD), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 15,01 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 13,54 tỷ USD.

b) Xuất, nhập khẩu dịch vụ

Trong quý II/2021, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ đạt 891 triệu USD, giảm 18,6% so với cùng kỳ năm trước (quý I giảm 80,6%); kim ngạch nhập khẩu dịch vụ đạt 4,8 tỷ USD, tăng 18,3% (quý I giảm 3,4%).

Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước tính đạt 1,77 tỷ USD, giảm 68,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ du lịch đạt 82 triệu USD (chiếm 4,6% tổng kim ngạch), giảm 97,4%; dịch vụ vận tải đạt 147 triệu USD (chiếm 8,3%), giảm 80,8%. Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ 6 tháng đầu năm nay ước tính đạt 9,47 tỷ USD, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ vận tải đạt 4,8 tỷ USD (chiếm 50,2% tổng kim ngạch), tăng 32,7%; dịch vụ du lịch đạt 1,8 tỷ USD (chiếm 19%), giảm 25,9%. Nhập siêu dịch vụ trong 6 tháng đầu năm 2021 là 7,7 tỷ USD.

5. Chỉ số giá

Giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào tăng theo giá thế giới; giá điện, nước sinh hoạt tăng theo nhu cầu tiêu dùng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2021 tăng 0,19% so với tháng trước, tăng 1,62% so với tháng 12/2020 và tăng 2,41% so với tháng 6/2020. Bình quân 6 tháng

(41) Ước tính tháng Năm nhập siêu 2 tỷ USD.

(42) Trong đó, 6 tháng đầu năm 2021 xuất siêu sang EU đạt 11,2 tỷ USD, tăng 18,2% so với cùng kỳ năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 29 tỷ USD, tăng 90,3%; nhập siêu từ Hàn Quốc 14,7 tỷ USD, tăng 26,2%; nhập siêu từ ASEAN 7,1 tỷ USD, tăng 122,2%.

đầu năm 2021, CPI tăng 1,47% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016[43]; lạm phát cơ bản 6 tháng tăng 0,87%.

a) Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2021 tăng 0,19% so với tháng trước, trong đó: 8 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, 2 nhóm có chỉ số giá giảm và 1 nhóm giữ giá ổn định. Nhóm giao thông có mức tăng cao nhất với 1,07% (làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm) do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng, dầu vào ngày 12/5/2021, ngày 11/6/2021 và ngày 26/6/2021 làm chỉ số giá xăng tăng 3,45%, dầu diezen tăng 4,71%. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,63% (làm CPI chung tăng 0,12 điểm phần trăm) chủ yếu do các đợt nắng nóng trong tháng làm chỉ số giá điện, nước sinh hoạt lần lượt tăng 1% và tăng 0,26%, bên cạnh đó giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 1,26% theo giá nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào[44]; giá gas tăng 3,85% do giá gas trong nước điều chỉnh; giá dầu hỏa tăng 4,95%. Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,11% và nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,1% chủ yếu do thời tiết khi vào hè làm nhu cầu tiêu dùng đồ uống giải khát và sử dụng các mặt hàng như tủ lạnh, máy điều hòa nhiệt độ, quạt điện tăng cao. Nhóm giáo dục tăng 0,03%, trong đó giá văn phòng phẩm tăng 0,2%. Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,02% do thời tiết nắng nóng, người dân dễ mắc bệnh hô hấp và cảm cúm nên nhu cầu mua các loại thuốc tăng cường hệ miễn dịch tăng làm giá thuốc các loại tăng 0,05%. Nhóm bưu chính viễn thông tăng 0,01%. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,06%. Hai nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm gồm: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,13% (làm CPI chung giảm 0,04 điểm phần trăm) do giá lương thực, thực phẩm giảm khi nguồn cung dồi dào, trong đó: Lương thực giảm 0,28%[45]; thực phẩm giảm 0,19%[46]; riêng

---

(43) Tốc độ tăng CPI bình quân 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2021 lần lượt là: tăng 1,72%; tăng 4,15%; tăng 3,29%; tăng 2,64%; tăng 4,19%; tăng 1,47%.

(44) Trong nhóm nguyên nhiên vật liệu dùng cho xây dựng, sản phẩm nguyên liệu từ gang, sắt, thép tháng 6/2021 tăng 3,78% so với tháng trước và tăng 15,28% so với tháng 6/2020, bình quân 6 tháng đầu năm 2021 tăng 9,61% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng tiêu dùng của mặt hàng sắt thép chiếm 19,58% trong tổng chi tiêu dùng của nhóm hàng vật liệu bảo dưỡng nhà ở và chiếm 0,4% trong tổng chi tiêu dùng của dân cư, theo đó giá sắt thép tháng 6/2021 tăng so với tháng trước làm CPI chung tăng 0,017 điểm phần trăm.

(45) Giá gạo giảm 0,36% do các địa phương trên cả nước cơ bản đã thu hoạch xong lúa vụ đông xuân.

(46) Giá thịt lợn giảm 2% (làm CPI chung giảm 0,07 điểm phần trăm) do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, nhiều nhà hàng, quán ăn, trường học phải đóng cửa làm cho mức tiêu thụ mặt hàng thịt lợn giảm trong khi nguồn cung thịt lợn tăng; giá các sản phẩm chế biến từ thịt lợn giảm (giá thịt quay, giò, chả giảm 0,48%; thịt chế biến khác giảm 0,01%; mỡ động vật giảm 3,62%); giá thịt gà giảm 0,03%; giá thủy sản tươi sống giảm 0,31%; giá quả tươi và chế biến giảm 3% . Riêng giá các loại rau tươi, khô và chế biến tăng 3,69%.

ăn uống ngoài gia đình tăng 0,07%[47]. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 giảm 0,08% do giá dịch vụ du lịch trọn gói giảm 0,05%, giá cây, hoa cảnh giảm 2,91%. Riêng nhóm may mặc, mũ nón, giày dép không đổi.

Tính chung quý II/2021, CPI tăng 0,45% so với quý trước và tăng 2,67% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó giao thông tăng 18,12% so với cùng kỳ năm trước; giáo dục tăng 4,09%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 3,24%; đồ uống và thuốc lá tăng 1,63%; may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,98%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,55%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,17%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,15%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,7%. Có 2 nhóm có chỉ số giá giảm so với cùng kỳ năm trước là bưu chính viễn thông giảm 0,82%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,58%.

CPI tháng 6/2021 tăng 1,62% so với tháng 12/2020 và tăng 2,41% so với cùng kỳ năm 2020. CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2021 tăng 1,47% so với bình quân cùng kỳ năm 2020. CPI 6 tháng đầu năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước do một số nguyên nhân chủ yếu sau: (i) Giá xăng dầu trong nước tăng 17,01% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 0,61 điểm phần trăm), giá gas tăng 16,51% (làm CPI chung tăng 0,24 điểm phần trăm); (ii) Giá dịch vụ giáo dục tăng 4,47% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 0,24 điểm phần trăm) do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; (iii) Giá gạo tăng 6,97% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 0,18 điểm phần trăm) do giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết Nguyên đán tăng cao; (iv) Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 5,03% so với cùng kỳ năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào (làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm).

Bên cạnh đó, có một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI 6 tháng đầu năm 2021: (i) Giá các mặt hàng thực phẩm giảm 0,39% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung giảm 0,08 điểm phần trăm); (ii) Chính phủ triển khai các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch Covid-19 như gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng trong quý II (bắt đầu giảm từ tháng 5/2020) và quý IV năm 2020 (được thực hiện vào tháng 1/2021) nên giá điện sinh hoạt bình quân 6 tháng đầu năm 2021 giảm 3,06% so với cùng kỳ năm 2020 (làm CPI chung giảm 0,1 điểm phần trăm); (iii) Nhu cầu đi lại, du lịch của người dân giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm giá của nhóm du lịch trọn gói

(47) Ăn ngoài gia đình tăng 0,03%; uống ngoài gia đình tăng 0,52% do thời tiết nắng nóng nên nhu cầu đồ uống tăng cao.

giảm 2,85% so với cùng kỳ năm trước; giá cước vận tải của các loại phương tiện như tàu hỏa, máy bay giảm[48]; (iv) Các cấp, các ngành tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để ngăn chặn diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 và ổn định giá cả thị trường.

Lạm phát cơ bản tháng 6/2021 tăng 0,07% so với tháng trước và tăng 1,14% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng đầu năm 2021 tăng 0,87% so với bình quân cùng kỳ năm 2020.

b) Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Giá vàng trong nước biến động trái chiều với giá vàng thế giới. Giá vàng thế giới giảm sau khi Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) đưa ra thông tin có khả năng điều chỉnh lãi suất sớm hơn trong năm 2023 thay vì tăng từ năm 2024. Bình quân giá vàng thế giới đến ngày 25/6/2021 giảm 0,67% so với tháng 5/2021. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 6/2021 tăng 1,12% so với tháng trước; tăng 0,23% so với tháng 12/2020 và tăng 12,37% so với cùng kỳ năm 2020.

Đồng đô la Mỹ trên thị trường thế giới tiếp tục đà phục hồi sau khi FED phát đi tín hiệu sẽ sớm thực hiện việc điều chỉnh chính sách tiền tệ nới lỏng. Trong nước, lượng dự trữ ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dồi dào đáp ứng nhu cầu về ngoại tệ của các doanh nghiệp nhập khẩu. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 6/2021 giảm 0,3% so với tháng trước; giảm 0,32% so với tháng 12/2020 và giảm 0,87% so với cùng kỳ năm 2020.

c) Chỉ số giá sản xuất

Kinh tế thế giới bước vào giai đoạn phục hồi; Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và các nước đồng minh tiếp tục duy trì mức sản lượng khai thác dầu dưới mức nhu cầu sử dụng của thế giới là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá sản xuất hàng hóa và dịch vụ, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất, chỉ số giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa trong 6 tháng đầu năm 2021 đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Tỷ giá thương mại hàng hóa 6 tháng đầu năm giảm 0,99% so với cùng kỳ năm 2020 phản ánh giá xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ra nước ngoài không thuận lợi so với giá nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản quý II/2021 tăng 0,24% so với quý trước và tăng 3,87% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp tăng 0,18% và tăng 4,47%; lâm nghiệp tăng 0,55% và tăng 0,73%; thủy sản tăng 0,41% và tăng 2,4%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm

(48) Giá vé tàu hỏa giảm 3,41%; giá vé máy bay giảm 17,05%.

nghiệp và thủy sản tăng 4,23% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp tăng 5,63%; lâm nghiệp tăng 0,3%; thủy sản tăng 0,48%.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp quý II/2021 tăng 1,4% so với quý trước và tăng 3,39% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng tăng 4,97% và tăng 25,01%; sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,14% và tăng 2,7%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 2,79% và tăng 2,81%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,82% và tăng 1,53%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp tăng 1,82% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng tăng 9,98%; sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,64%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 0,52%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,54%.

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý II/2021 tăng 0,01% so với quý trước và tăng 2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá sản xuất dịch vụ của một số ngành như sau: Dịch vụ vận tải, kho bãi giảm 0,38% và tăng 3,09%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 0,22% và tăng 1,27%; thông tin và truyền thông tăng 0,1% và tăng 0,9%; giáo dục và đào tạo tăng 0,04% và tăng 3,29%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 0,22% và tăng 0,42%; nghệ thuật vui chơi, giải trí tăng 0,15% và tăng 0,54%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 0,89% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 0,21%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 0,66%; thông tin và truyền thông giảm 0,59%; giáo dục và đào tạo tăng 3,23%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 0,33%; nghệ thuật vui chơi, giải trí tăng 0,48%.

d) Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất

Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất quý II/2021 tăng 1,58% so với quý trước và tăng 4,96% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,29% và tăng 7,25%; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,56% và tăng 4,84%; dùng cho xây dựng tăng 2,12% và tăng 6,42%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất tăng 4,79% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 6,83%; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,97%; dùng cho xây dựng tăng 3,91%.

e) Chỉ số giá xuất, nhập khẩu hàng hóa

Chỉ số giá xuất khẩu hàng hoá quý II/2021 tăng 1,29% so với quý trước và tăng 2,77% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 0,93% và tăng 3,66%; nhóm nhiên liệu tăng 9,5% và tăng 27,29%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 1,04% và tăng 1,79%. Chỉ số giá xuất khẩu quý II so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước của một số mặt hàng như sau: Sắt thép tăng 13,8% và tăng 26,01%; dầu thô tăng 11,13% và tăng 29,99%; xăng, dầu các loại tăng 7,66% và tăng 28,57%; phân bón tăng 5,25% và tăng 11,58%; máy ảnh, máy quay phim và linh kiện giảm 1,41% và tăng 0,3%; hạt điều giảm 0,18% và tăng 3,95%; gạo giảm 0,02% và tăng 8,98%. Tính chung 6 tháng đầu năm nay, chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa tăng 1,22% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 2,1%; nhóm nhiên liệu tăng 1,31%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 1,09%. Chỉ số giá xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2021 của một số mặt hàng: Sắt thép tăng 14,88%; gạo tăng 10,24%; hàng may mặc tăng 9,23%; phân bón tăng 7,1%; xăng, dầu các loại tăng 6,81%; điện thoại di động và linh kiện giảm 2,52%; hàng thủy sản giảm 1,57%; dây và cáp điện giảm 0,4%.

Chỉ số giá nhập khẩu hàng hoá quý II/2021 tăng 1,3% so với quý trước và tăng 3,28% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá nhập khẩu của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 1,9% và tăng 2,85%; nhóm nhiên liệu tăng 5,08% và tăng 31,2%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 1,09% và tăng 2,12%. Chỉ số giá nhập khẩu quý II của một số mặt hàng như sau: Cao su nguyên liệu tăng 7,19% so với quý trước và tăng 12,44% so với cùng kỳ năm trước; lúa mỳ tăng 7,04% và tăng 9,93%; sắt thép tăng 6,2% và tăng 10,99%; xăng dầu các loại tăng 5,42% và tăng 35,95%; ô tô nguyên chiếc các loại giảm 0,49% và giảm 1,46%; phân bón các loại giảm 0,47% và giảm 1,07%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 0,33% và tăng 1,49%. Tính chung 6 tháng đầu năm nay, chỉ số giá nhập khẩu hàng hoá tăng 2,24% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 2,33%; nhóm nhiên liệu tăng 20,95%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 1,4%. Chỉ số giá nhập khẩu 6 tháng của một số mặt hàng: Xăng dầu các loại tăng 25,11%; khí đốt hóa lỏng tăng 21,35%; thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng 8,71%; cao su nguyên liệu tăng 8,69%; sắt thép tăng 7,65%; hóa chất tăng 5,18%; linh kiện, phụ tùng ô tô giảm 2,88%; sản phẩm từ cao su giảm 2,51%; ô tô nguyên chiếc các loại giảm 2,37%.

Tỷ giá thương mại hàng hóa[49] quý II/2021 giảm 0,01% so với quý trước và giảm 0,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021,

(49) Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa so với chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa.

tỷ giá thương mại hàng hoá giảm 0,99% so với cùng kỳ năm trước, trong đó tỷ giá thương mại hàng hóa của mặt hàng xăng dầu các loại giảm 14,62%; hóa chất giảm 4,93%; cao su giảm 3,82%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 1,34%; hàng thủy sản giảm 1,06%; hàng rau quả giảm 0,86%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 0,98%; sắt, thép tăng 6,71%.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Lao động, việc làm

Do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ở một số địa phương nên tình hình lao động, việc làm quý II/2021 chịu ảnh hưởng, lao động đang làm việc trong nền kinh tế giảm so với quý trước, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động đều tăng[50]. Tuy nhiên, tính chung 6 tháng đầu năm 2021, lao động đang làm việc trong nền kinh tế vẫn tăng so với cùng kỳ năm trước, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động giảm và thu nhập của người làm công hưởng lương tăng[51].

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước quý II/2021 ước tính là 51,1 triệu người, tăng 44,7 nghìn người so với quý trước và tăng 1,7 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 51 triệu người, tăng 737,7 nghìn người so với cùng kỳ năm 2020. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động 6 tháng đầu năm 2021 ước tính đạt 68,6%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động quý II/2021 ước tính là 45,1 triệu người, giảm 50,2 nghìn người so với quý trước và tăng 823,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Lao động nam 24,9 triệu người, chiếm 55,2% tổng số và lao động nữ 20,2 triệu người, chiếm 44,8%; lao động khu vực thành thị là 16,9 triệu người, chiếm 37,6% và khu vực nông thôn là 28,2 triệu người, chiếm 62,4%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, lực lượng lao động trong độ tuổi lao động là 45,2 triệu người, giảm 90,8 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc quý II/2021 ước tính 49,8 triệu người, bao gồm 13,8 triệu người đang làm việc ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 27,6% tổng số; khu vực công nghiệp và xây dựng 16,6 triệu người, chiếm 33,4%; khu vực dịch vụ 19,4 triệu người, chiếm 39%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc là

(50) Lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc quý II/2021 giảm 65 nghìn người so với quý trước; tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động tăng 0,2 điểm phần trăm; tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động tăng 0,4 điểm phần trăm.

(51) Lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc 6 tháng đầu năm 2021 tăng 788,7 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động giảm 0,07 điểm phần trăm; thu nhập của lao động làm công hưởng lương tăng 281,7 nghìn đồng.

49,9 triệu người, bao gồm 13,9 triệu người đang làm việc ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 27,9% tổng số, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng 16,4 triệu người, chiếm 32,8%, tăng 0,5%; khu vực dịch vụ 19,6 triệu người, chiếm 39,3%, tăng 2,4%.

Tỷ lệ thất nghiệp chung cả nước 6 tháng đầu năm ước tính là 2,30% (quý I là 2,19%; quý II là 2,40%), trong đó tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 3,07%; khu vực nông thôn là 1,86%[52]. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi 6 tháng đầu năm ước tính là 2,52% (quý I là 2,42%; quý II là 2,62%), trong đó tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 3,28%; khu vực nông thôn là 2,07%[53]. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) 6 tháng ước tính là 7,45%, trong đó khu vực thành thị là 9,97%; khu vực nông thôn là 6,22%.

Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi quý I/2021 là 2,20%; quý II là 2,60%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ước tính là 2,58%, trong đó tỷ lệ thiếu việc làm khu vực thành thị là 2,64%; tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn là 2,54% (tỷ lệ thiếu việc làm 6 tháng đầu năm 2020 tương ứng là 2,33%; 1,70%; 2,65%).

Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức ngoài hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản[54] quý I/2021 là 57,1%; quý II ước tính là 57,4%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức ngoài hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản ước tính là 57,2%. Tỷ lệ này tính riêng trong khu vực thành thị 6 tháng đầu năm 2021 là 48,5% và trong khu vực nông thôn là 64,5% (6 tháng đầu năm 2020 tương ứng là 55,5%; 47,3%; 62,1%).

Thu nhập bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương trong quý II/2021 là 6,8 triệu đồng/tháng, giảm 410,8 nghìn đồng so với quý trước và tăng 454,6 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước, trong đó thu nhập của lao động nam là 7,3 triệu đồng/tháng, lao động nữ là 6,2 triệu đồng/tháng. Tính chung 6 tháng đầu năm, thu nhập bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương là 7 triệu đồng/tháng, tăng 281,7 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước.

---

(52) Tỷ lệ thất nghiệp chung 6 tháng đầu năm 2020 là 2,43%, trong đó khu vực thành thị là 3,52%; nông thôn 1,84%.

(53) Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi 6 tháng đầu năm 2020 là 2,59%, trong đó khu vực thành thị là 3,70%; nông thôn 1,97%.

(54) Lao động có việc làm phi chính thức phi nông nghiệp bao gồm những người không làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản và thuộc một trong ba nhóm sau: (i) người làm công ăn lương thuộc khu vực chính thức không được ký hợp đồng lao động hoặc có hợp đồng có thời hạn nhưng không được cơ sở tuyển dụng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc; lao động gia đình tại cơ sở thuộc khu vực chính thức và thành viên hợp tác xã không có bảo hiểm xã hội bắt buộc; (ii) chủ cơ sở, lao động tự làm, lao động làm công ăn lương và lao động gia đình tại cơ sở thuộc khu vực phi chính thức; (iii) lao động tự làm phục vụ nhu cầu tự tiêu dùng của hộ gia đình và lao động làm thuê trong các hộ gia đình.

2. Đời sống dân cư và công tác an sinh xã hội

Trong 6 tháng đầu năm 2021, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, các địa phương vẫn tiếp tục phấn đấu thực hiện "mục tiêu kép" vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe người dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội như: Sản xuất nông nghiệp có nhiều khởi sắc, các doanh nghiệp có những biện pháp kịp thời vừa đảm bảo chống dịch vừa thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đồng thời các địa phương triển khai nhiều hình thức tạo việc làm, trợ cấp thất nghiệp cho người lao động, trợ cấp cho người dân trong vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ dịch bệnh. Vì vậy đời sống của nhân dân nhìn chung vẫn được giữ ổn định.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đến hết tháng 5/2021, cả nước có 5.282 xã và 191 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; có 335 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 32 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 12 tỉnh có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; 4 tỉnh (Nam Định, Đồng Nai, Hưng Yên, Hà Nam) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Công tác an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm, trong 6 tháng đầu năm 2021, tổng trị giá tiền và quà hỗ trợ cho các đối tượng là 6.906 tỷ đồng, trong đó, hỗ trợ cho các đối tượng người có công, thân nhân người có công là 2.540,9 tỷ đồng, hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo là 1.354,7 tỷ đồng; hỗ trợ cứu đói và các đối tượng bảo trợ xã hội là 1.958,4 tỷ đồng; hỗ trợ các đối tượng khác là 1.052 tỷ đồng. Có hơn 30 triệu thẻ bảo hiểm xã hội/sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí được phát, tặng cho các đối tượng thụ hưởng.

3. Giáo dục, đào tạo

Đợt dịch Covid-19 lần thứ tư bùng phát vào đúng thời điểm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đang chuẩn bị kết thúc năm học. Trước tình hình đó, các địa phương đã chủ động, kịp thời chỉ đạo điều chỉnh kế hoạch thời gian năm học để vừa bảo đảm phòng, chống dịch bệnh Covid-19 vừa hoàn thành năm học 2020-2021.

Năm học 2020-2021, cả nước có 15.547 trường mẫu giáo, tăng 506 trường so với năm học trước; 26.403 trường phổ thông, giảm 186 trường, bao gồm: 12.693 trường tiểu học, giảm 268 trường; 8.846 trường trung học cơ sở, giảm 201 trường; 2.373 trường trung học phổ thông, tăng 2 trường; 1.962 trường phổ thông cơ sở, tăng 239 trường và 529 trường trung học, tăng 42 trường. Số giáo viên mẫu giáo là 282 nghìn người, tăng 5,1% so với năm học trước; số giáo viên phổ thông trực tiếp giảng dạy là 818 nghìn người, tăng 1,7%, bao gồm: 385,4 nghìn giáo viên tiểu học, tăng 2%; 287,4 nghìn giáo viên trung học cơ sở, tăng 1,1% và 145,2 nghìn giáo viên trung học phổ thông, tăng 1,9%.

Cũng trong năm học này, cả nước có 4,3 triệu trẻ em đi học mẫu giáo, tăng 0,3% so với năm học trước; 17,5 triệu học sinh phổ thông, tăng 3,5%, bao gồm: 8,9 triệu học sinh tiểu học, tăng 2%; 5,9 triệu học sinh trung học cơ sở, tăng 5,8% và 2,7 triệu học sinh trung học phổ thông, tăng 3,8%.

Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2020-2021 có hơn 1 triệu thí sinh đăng ký dự thi, trong đó 3/4 thí sinh đăng ký xét tuyển đại học, cao đẳng. Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông sẽ tổ chức thành 2 đợt, đợt 1 vào 07-08/7/2021, đợt 2 cho các đối tượng thí sinh không thể tham dự kỳ thi đợt 1 do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Giáo dục nghề nghiệp năm 2020 có 3.005 cơ sở, giảm 0,6% so với năm 2019, trong đó có 1.345 cơ sở công lập, giảm 6,7%; 1.660 cơ sở ngoài công lập, tăng 4,9%. Trong 6 tháng đầu năm 2021, các cơ sở dạy nghề trên địa bàn cả nước đã tuyển sinh được 645 nghìn người, đạt 27,2% so với kế hoạch năm, trong đó các trường cao đẳng và trung cấp nghề tuyển sinh được 45 nghìn người, đạt 7,5%; sơ cấp nghề và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác tuyển sinh 600 nghìn người, đạt 34% kế hoạch năm.

4. Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Trong tháng (19/5 - 18/6/2021), cả nước có 5.926 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết; 3.793 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng (4 trường hợp tử vong); 53 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do vi rút (1 trường hợp tử vong) và 74 trường hợp sốt phát ban nghi sởi, trong đó có 12 trường hợp dương tính. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, cả nước có 29.746 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (5 trường hợp tử vong); 36.593 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng (11 trường hợp tử vong); 302 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do vi rút (5 trường hợp tử vong); 13 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do não mô cầu (2 trường hợp tử vong) và 309 trường hợp sốt phát ban nghi sởi, trong đó có 39 trường hợp dương tính.

Dịch Covid-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp[55]. Tại Việt Nam, dịch Covid-19 đang tiếp tục được kiểm soát nhưng cục bộ tại một số địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Bắc Giang, Bắc Ninh, Bình Dương đang diễn biến phức tạp, khó dự báo và một số tỉnh có nguy cơ cao có thể bùng phát trở lại. Tính đến trưa ngày 28/6/2021 Việt Nam có 15.643 trường hợp mắc, 6.319 trường hợp đã được chữa khỏi (76 trường hợp tử vong).

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến thời điểm 18/6/2021 là 212.422 người; số người đã chuyển sang giai đoạn AIDS là 90.160 người và số người tử vong do HIV/AIDS của cả nước tính đến thời

(55) Tính đến trưa ngày 28/6/2021, trên thế giới có 181.866 nghìn trường hợp mắc Covid-19 (3.938,9 nghìn trường hợp tử vong).

điểm trên là 104.016 người.

Về ngộ độc thực phẩm, trong tháng Sáu xảy ra 8 vụ với 100 người bị ngộ độc (1 trường hợp tử vong). Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, cả nước xảy ra 42 vụ với 902 người bị ngộ độc (5 người tử vong).

5. Hoạt động văn hóa, thể thao

Công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể luôn được các địa phương quan tâm, đầu tư, nhằm phát huy được giá trị di sản, tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được triển khai rộng khắp trên cả nước đã tạo dựng được môi trường văn hóa lành mạnh, giúp người dân có điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống.

Phong trào thể thao quần chúng tiếp tục được đẩy mạnh gắn với cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại"; góp phần nâng cao nhận thức của người dân về vị trí, vai trò, tác dụng của tập luyện thể dục thể thao trong việc nâng cao sức khỏe, thể lực, giáo dục đạo đức, ý chí, nhân cách cũng như đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về thể thao thành tích cao: Theo kế hoạch, SEA Games 31 sẽ tổ chức tại Việt Nam từ ngày 21/11/2021 đến ngày 02/12/2021. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên công tác chuẩn bị cho hoạt động này phải đối mặt với nhiều khó khăn. Dịch bệnh không chỉ diễn biến phức tạp ở Việt Nam mà còn nhiều nước trong khu vực nên việc đảm bảo an toàn cho các thành viên tham dự sẽ là thách thức lớn cho Ban Tổ chức, nhất là địa điểm cách ly, nơi luyện tập cho vận động viên. Với ưu tiên hàng đầu là đảm bảo an toàn sức khỏe tuyệt đối cho thành viên các đoàn tham dự, ngành Thể dục thể thao đang cân nhắc nhiều phương án để chọn phương án tối ưu.

Thể thao thành tích cao của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021 đạt được một số kết quả ấn tượng: Đội tuyển bóng đá nam Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu lịch sử là đạt vé vào vòng loại thứ 3 World Cup 2022; đội tuyển Taekwondo Việt Nam tham dự giải vô địch Taekwondo châu Á diễn ra từ 16-18/6/2021 tại Li-băng, xuất sắc giành 1 huy chương vàng và 1 huy chương bạc.

6. Tai nạn giao thông[56]

Trong tháng Sáu (từ 15/5 - 14/6/2021), trên địa bàn cả nước xảy ra 825 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 539 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 286 vụ va chạm giao thông, làm 436 người chết, 253 người bị thương và 275 người bị thương nhẹ. So với tháng trước, số vụ tai nạn giao thông giảm

(56) Theo báo cáo nhanh từ Văn phòng Bộ Công an và Cục Hàng hải (Bộ Giao thông vận tải).

14,2% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 13,9% và số vụ va chạm giao thông giảm 14,9%); số người chết giảm 11,2% và số người bị thương giảm 20,4% và số người bị thương nhẹ giảm 23%. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông tháng Sáu giảm 27,3% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 14,7% và số vụ va chạm giao thông giảm 43,1%); số người chết giảm 10,8%; số người bị thương giảm 26,5% và số người bị thương nhẹ giảm 47,8%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, trên địa bàn cả nước xảy ra 6.007 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 3.887 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 2.120 vụ va chạm giao thông, làm 3.092 người chết, 2.032 người bị thương và 2.284 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 6 tháng đầu năm nay giảm 11,5% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 0,6%; số vụ va chạm giao thông giảm 27,5%); số người chết giảm 4,6%; số người bị thương tăng 5,2% và số người bị thương nhẹ giảm 24,1%. Bình quân 1 ngày trong 6 tháng đầu năm 2021, trên địa bàn cả nước xảy ra 33 vụ tai nạn giao thông, gồm 21 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 12 vụ va chạm giao thông, làm 17 người chết, 11 người bị thương và 13 người bị thương nhẹ.

7. Thiệt hại do thiên tai

Thiên tai xảy ra trong tháng (từ ngày 19/5 - 18/6/2021) chủ yếu do ảnh hưởng của mưa lớn, bão, hạn hán làm 7 người chết; 13 người bị thương; 23,6 nghìn ha lúa và 5,3 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; 101 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và gần 2,7 nghìn ngôi nhà bị ngập hư hại, thiệt hại ước tính 112 tỷ đồng (trong đó thiệt hại do bão là gần 25 tỷ đồng, chiếm 22,3%), giảm 83,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm nay, thiên tai làm 34 người chết và mất tích, 51 người bị thương; 6,6 nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; 47,5 nghìn ha lúa và 12,4 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; 238 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 7,7 nghìn ngôi nhà bị ngập hư hại; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 508,7 tỷ đồng, giảm 89,3% so với cùng kỳ năm trước.

8. Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ

Trong tháng 6/2021, cơ quan chức năng đã phát hiện 1.467 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 1.350 vụ với tổng số tiền phạt 26,5 tỷ đồng. Tính chung 6 tháng đầu năm nay đã phát hiện 9.082 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 8.006 vụ với tổng số tiền phạt 120,3 tỷ đồng.

Trong tháng[57], cả nước xảy ra 191 vụ cháy, nổ, làm 8 người chết và 9 người bị thương, thiệt hại ước tính 20,2 tỷ đồng. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, trên địa bàn cả nước xảy ra 1.157 vụ cháy, nổ, làm 56 người chết và 84

(57) Theo báo cáo nhanh từ Bộ Công an ngày 23/6/2021.

người bị thương, thiệt hại ước tính 287 tỷ đồng.

Khái quát lại, trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, tuy nhiên bức tranh kinh tế - xã hội Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021 tiếp tục duy trì ổn định và đạt được những kết quả tích cực trên các lĩnh vực là do sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, quyết liệt và rất sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước. Các cơ quan, cả Trung ương và địa phương đã thực hiện tốt, có hiệu quả công tác phòng, chống dịch, thành lập Quỹ Vắc-xin phòng chống Covid-19 để tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn viện trợ, hỗ trợ mua và tự nghiên cứu, sản xuất vắc-xin, tiêm phòng miễn phí cho người dân nhằm quyết tâm đạt mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2021 cao nhất có thể. Nền kinh tế duy trì được mức tăng trưởng 5,64%, đây là mức tăng trưởng khá so với các nước trong khu vực và trên thế giới, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp. Cung cầu hàng hóa trong nước được bảo đảm, hoạt động mua sắm hàng hóa, tiêu dùng và xuất khẩu tăng cao. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có mức tăng trưởng khá cao khẳng định chuyển đổi cơ cấu ngành đã phát huy hiệu quả, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu. Công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm 2021. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công được cải thiện rõ rệt, tốc độ tăng vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt mức cao. Lao động việc làm trong 6 tháng đầu năm được duy trì so với cùng kỳ năm trước, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động và thu nhập bình quân của người làm công hưởng lương giữ được ổn định; an sinh xã hội được quan tâm thực hiện.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, bước sang quý III, kinh tế - xã hội nước ta còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn nên chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi tình hình kinh tế quốc tế ngày càng phức tạp, khó lường. Mặc dù tiêm chủng vắc-xin Covid-19 được nhiều nước trên thế giới triển khai mạnh mẽ nhưng sự khác biệt giữa tỷ lệ tiêm chủng của các quốc gia và khu vực dẫn đến nguy cơ phục hồi không đồng đều và mong manh của kinh tế thế giới, làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng tới các ngành thương mại, du lịch, vận tải, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm gia tăng sẽ ảnh hưởng đến an sinh xã hội. Do đó, kinh tế Việt Nam 6 tháng cuối năm 2021 tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, việc thực hiện hiệu quả "mục tiêu kép" là thách thức lớn, cần sự chung sức, đồng lòng của Chính phủ, doanh nghiệp và người dân. Trước mắt, cần thực hiện kiểm soát tốt dịch Covid-19, nhanh chóng triển khai tiêm vắc-xin phòng Covid-19, cùng với đó là nghiên cứu để chủ động được nguồn vắc-xin trong dài hạn, tiếp tục thực hiện các giải pháp doanh nghiệp có thể tiếp cận nhanh

chóng, hiệu quả các gói hỗ trợ, tăng tốc độ giải ngân vốn đầu tư công. Đồng thời, tập trung một số nội dung trọng tâm sau đây:

Một là, tiếp tục kiên định thực hiện hiệu quả "mục tiêu kép", vừa quyết liệt phòng chống Covid-19 hiệu quả, bảo vệ sức khỏe nhân dân, tháo gỡ khó khăn cho cộng đồng doanh nghiệp và người lao động, kết hợp với cải cách thể chế kinh tế. Triển khai mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả chiến lược vắc-xin; có cơ chế, chính sách để khuyến khích nghiên cứu, sản xuất vắc-xin; cơ chế đóng góp và sử dụng Quỹ vắc-xin bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, huy động mọi nguồn lực và đóng góp của toàn dân, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Phấn đấu tối đa tỷ lệ người dân Việt Nam được tiêm chủng đầy đủ vacxin; đặc biệt ưu tiên cho những đối tượng là lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, lao động tại các hệ thống bán lẻ của siêu thị/ hệ thống phân phối nhằm duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh và cung ứng hàng hóa thiết yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân.

Hai là, chủ động triển khai kịp thời các giải pháp hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, đặc biệt là người lao động bị mất việc làm tại các khu công nghiệp. Tiếp tục tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, phục hồi kinh tế, cải cách quy trình, thủ tục để doanh nghiệp tiếp cận các chính sách hỗ trợ đơn giản, thuận tiện, kịp thời. Hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp trong việc tìm thị trường nhập khẩu nguyên, nhiên, vật liệu, phụ tùng, linh kiện thay thế nhằm vượt qua khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Đồng thời, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp thành lập mới, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp mở rộng đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển.

Ba là, điều hành chính sách tiền tệ, lãi suất, tỷ giá linh hoạt, thận trọng, phù hợp với diễn biến thị trường trong nước và quốc tế, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, hỗ trợ sản xuất kinh doanh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Kiểm soát và có biện pháp kịp thời để đảm bảo nguồn cung và giá cả của nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất trong nước, đặc biệt là giá thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, thủy sản và thép xây dựng; không làm đình trệ và khó khăn cho các hoạt động đặc biệt là hoạt động xây dựng, thực hiện các Dự án đầu tư lớn, trọng điểm trong ngắn hạn. Có các chính sách phù hợp để giảm giá các loại vật liệu tăng giá thời gian vừa qua, đặc biệt là giá sắt, thép; sử dụng chính sách thuế phù hợp theo hướng có lợi cho nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu thành phẩm.

Bốn là, tăng cường đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; tháo gỡ những vướng mắc thể chế đầu tư công, xây dựng, bồi thường, giải phóng mặt bằng... Chủ động tiếp cận, tìm hiểu và hỗ trợ các đối tác, tập đoàn lớn tìm hiểu cơ hội

đầu tư ở Việt Nam, nhất là trong các lĩnh vực cần tập trung thu hút vốn đầu tư nước ngoài; nắm bắt tình hình điều chỉnh các giải pháp thu hút FDI phù hợp. Chú trọng đào tạo lao động có tay nghề cao, thuộc các lĩnh vực đang có xu hướng phát triển, đáp ứng yêu cầu hội nhập và thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Năm là, chủ động phối hợp, hỗ trợ và hướng dẫn các địa phương hoạt động quảng bá, kết nối tiêu thụ nông sản trên môi trường số (trong điều kiện giãn cách xã hội). Hỗ trợ và đôn đốc các Hiệp hội, ngành hàng, các doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, thực hiện hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, ngành hàng, tìm kiếm mở rộng thị trường trong nước, để nhanh chóng đẩy mạnh tiêu thụ các mặt hàng nông sản có sản lượng lớn đã vào vụ hoặc sắp thu hoạch ở các địa phương. Hướng dẫn các sàn giao dịch thương mại điện tử tạo điều kiện cho người bán, thương nhân kinh doanh nông sản tham gia sàn, đào tạo kỹ năng và vận hành hoạt động kinh doanh trực tuyến; hỗ trợ vận chuyển; thanh toán trực tuyến; hỗ trợ và ưu tiên các thương nhân kinh doanh nông sản tham gia các Chương trình ngày mua sắm trực tuyến; gian hàng trực tuyến quốc gia…; vận động người dân ưu tiên dùng hàng trong nước, ủng hộ doanh nghiệp sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Sáu là, theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, chủ động phương án phòng chống thiên tai, cảnh báo mưa lũ, sạt lở, tác động của hạn hán, xâm nhập mặn nhằm hạn chế tối đa thiệt hại tới sản xuất và cuộc sống của người dân. Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, lao động, việc làm. Thực hiện tốt công tác trợ giúp đột xuất, bảo đảm người dân khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời, khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống. Tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

Chuyên đề 3

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH, XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Sáu tháng đầu năm 2021, Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của Tỉnh uỷ về nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị năm 2021; phòng, chống dịch Covid-19; bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026,… đạt được kết quả tích cực, khá toàn diện trên các lĩnh vực; tốc độ tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm 2021 ước đạt 3,77% (6 tháng đầu năm 2020 đạt 0,5%). Tình hình và kết quả chủ yếu như sau:

I- NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về kinh tế

Ngay từ đầu năm, Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ, chính quyền triển khai các giải pháp phòng, chống khô hạn và xâm nhập mặn; chủ động tiến hành các giải pháp công trình, phi công trình ngăn mặn, trữ ngọt phục vụ sản xuất; thường xuyên kiểm tra, khảo sát, kịp thời duy tu, sửa chữa các công trình thuỷ lợi, nạo vét hệ thống kênh, mương; theo dõi kịp thời, thông tin, tuyên truyền tình hình xâm nhập mặn để người dân biết, chủ động nguồn nước sản xuất; vận động người dân xuống giống sớm, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi, tuân thủ lịch thời vụ. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo các cấp uỷ, chính quyền, ngành chức năng triển khai các biện pháp phòng, chống sạt lở bờ kênh, bờ sông, bờ biển trên địa bàn; tổ chức quan trắc, giám sát, nghiên cứu và cảnh báo các khu vực có nguy cơ sạt lở; xây dựng kế hoạch di dời các hộ dân, kết hợp với tái định cư, ổn định đời sống cho người dân sống trong khu vực sạt lở nguy hiểm, tránh thiệt hại về người và tài sản; qua đó, tình hình sản xuất nông nghiệp của tỉnh đạt kết quả tích cực.

Toàn tỉnh xuống giống 326.449 ha lúa, giảm 3% so cùng kỳ[(58)]; đã thu hoạch gần 57% diện tích xuống giống, sản lượng 1,24 triệu tấn, đạt 61% chỉ tiêu Nghị quyết; trong đó, lúa đặc sản chiếm tỷ lệ 62%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Tình hình tiêu thụ lúa khá thuận lợi[(59)], giá lúa tăng bình quân từ 500-

---

(58) Chủ yếu do tránh thiệt hại của khô hạn, xâm nhập mặn và khuyến cáo không xuống giống lúa vụ 3.

(59) Có 73 công ty, doanh nghiệp và thương lái tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm từ đầu vụ, với tổng diện tích bao tiêu 34.370 ha, tăng 47,8% so cùng kỳ, chiếm tỷ lệ 10,5% tổng diện tích sản xuất.

2.100 đồng/kg so cùng kỳ, hiện giá lúa thường dao động từ 6.000-6.800 đồng/kg, lúa thơm nhẹ từ 6.400-6.900 đồng/kg, lúa đặc sản từ 7.000-7.200 đồng/kg; thu nhập từ trồng lúa ổn định, bảo đảm lợi nhuận trên 30% so với chi phí sản xuất theo chỉ đạo của Chính phủ.

Gieo trồng được 35.993 ha hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày, đạt 62% kế hoạch, giảm 2,8% so cùng kỳ[(60)];giá bán mía tăng khoảng 100 đồng/kg so với năm trước, người trồng mía vẫn không có lãi. Giá hành tím giảm từ 22.000-24.000 đồng/kg so với vụ hành năm trước. Diện tích cây ăn trái toàn tỉnh là 27.783 ha, giảm 1,6% so với cùng kỳ; giá trái cây các loại giảm bình quân từ 2.000-11.500 đồng/kg.Tính đến nay, toàn tỉnh có 129 nhà lưới, nhà màng trồng rau với diện tích là 7,13 ha, tăng 14 nhà lưới so với cuối năm 2020; sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP trên rau 35 ha; có 16 vùng trồng cây ăn trái, như: vú sữa, xoài, nhãn, bưởi,... được cấp 47 mã code với diện tích trên 453 ha, tăng 2 vùng với 53 ha, 5 mã codeso với cuối năm 2020.

Tổng đàn gia súc khoảng 188.772 con tăng 9,8% so với cùng kỳ; trong đó, đàn heo 132.800 con, tăng 14,8% so cùng kỳ, đàn bò trên 53.350 con, giảm 0,5% so cùng kỳ; tổng đàn gia cầm giảm 19% so cùng kỳ; xảy ra 1 ổ dịch tả heo Châu Phi với tổng đàn 30 con ở xã Long Bình, thị xã Ngã Năm, ngành chức năng kịp thời xử lý, không để lây lan. Toàn tỉnh thả nuôi 35.028 ha thuỷ sản các loại, tăng 11% so cùng kỳ; trong đó, diện tích tôm nước lợ là 27.963 ha, tăng 10,8% so cùng kỳ; có 754 ha tôm bị thiệt hại, chiếm 3,2% diện tích thả nuôi. Tổng sản lượng thuỷ, hải sản là 106.225 tấn, đạt 33% chỉ tiêu Nghị quyết, tăng 7% so cùng kỳ; giá bán tôm kích cỡ lớn tăng so cùng kỳ từ 7.000 đồng-14.000 đồng/kg; riêng loại 100 con/kg thấp hơn 6.000 đồng/kg so với cùng kỳ.

Hưởng ứng phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm 30 năm ngày tái lập tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lãnh đạo Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo ngành, chức năng xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021; các cấp, các ngành đẩy mạnh phát động, thực hiện Phong trào thi đua "Sóc Trăng chung sức xây dựng nông thôn mới" năm 2021. Từ đầu năm đến nay, có 2 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nâng toàn tỉnh có 3 xã nông thôn mới nâng cao[(61)]; lũy kế đến nay, có 2/10 huyện, thị xã đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; 50/80 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 90,9% chỉ tiêu Nghị quyết. Sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ tiếp tục tăng trưởng khá trong bối cảnh dịch

(60) Trong đó, diện tích mía giảm 28% so với cùng kỳ do đã chuyển đổi 403 ha mía kém hiệu quả sang trồng lúa, rau màu, tràm; diện tích hành tím giảm 4%.

(61) Xã An Thạnh 1 huyện Cù Lao Dung, xã Ngọc Đông huyện Mỹ Xuyên và xã Tân Long thị xã Ngã Năm.

Covid-19; chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm tăng 13%, cao hơn mức tăng cùng kỳ (cùng kỳ tăng 8,9%); giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 12.716 tỷ đồng, tăng 10,7%[(62)]; giá trị xuất khẩu là 570 triệu USD, đạt 57% chỉ tiêu Nghị quyết, tăng 18,7% so cùng kỳ; trong đó, xuất khẩu thuỷ sản đạt 436 triệu USD, tăng 32,4%, xuất khẩu gạo 115 triệu USD, tăng 41,5% so cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội là 29.283 tỷ đồng, đạt 45,3% chỉ tiêu Nghị quyết, tăng 21,5% so với cùng kỳ. Tổng lượt khách tham quan du lịch đến tỉnh khoảng 719.000 lượt, tăng 38,3% so cùng kỳ. Doanh thu du lịch ước đạt 277,3 tỷ đồng, đạt 39,6% kế hoạch, tăng 105% so cùng kỳ.

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; khẩn trương, quyết liệt đôn đốc, hỗ trợ triển khai các dự án đã cấp chủ trương đầu tư, sớm đưa các dự án đi vào hoạt động. Thành lập Tổ công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; tổ chức họp mặt, đối thoại doanh nghiệp đầu năm 2021 nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư trong hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Từ đầu năm đến nay, lãnh đạo tỉnh và ngành chức năng đã tiếp và làm việc với 38 lượt nhà đầu tư đến tìm hiểu, đăng ký thực hiện các dự án đầu tư, tăng 13 lượt so với cùng kỳ; có 7 dự án được cấp đăng ký đầu tư, với tổng vốn đăng ký 16.145 tỷ đồng, tăng gấp 23 lần so cùng kỳ[(63)]. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tiếp tục phát triển; có 261 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với tổng vốn đăng ký là 1.879,6 tỷ đồng, tăng 54 doanh nghiệp, vốn đăng ký tăng 16,2% so với cùng kỳ; có 45 doanh nghiệp đăng ký giải thể, tăng 16 doanh nghiệp so cùng kỳ. Kinh tế hợp tác được quan tâm. Toàn tỉnh có 226 hợp tác xã, tăng 6 hợp tác xã so cuối năm 2020, với tổng số 35.444 thành viên, tổng vốn điều lệ 1.188,6 tỷ đồng; có 1.235 tổ hợp tác với 29.224 thành viên[(64)].

Ước thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm là 2.593 tỷ đồng, đạt 69,7% chỉ tiêu Nghị quyết, tăng 6,1% so cùng kỳ. Tổng vốn kế hoạch đầu tư công năm 2021 đã phân khai cho các đơn vị là 4.322 tỷ đồng, nguồn kế hoạch vốn năm 2020 kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2021 là 376 tỷ đồng. Giải ngân đầu tư công được 1.410 tỷ đồng, đạt 30% kế hoạch[(65)]; trong đó, ngân sách cấp

---

(62) Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,7%. Một số sản phẩm chủ yếu có sản lượng tăng mạnh so cùng kỳ như: bia tăng 30,8%, tôm đông lạnh tăng 13,3%; gạch các loại tăng 7,4%.

(63) Tăng chủ yếu do có 2 dự án điện gió với tổng vốn đăng ký 15.943,4 tỷ đồng.

(64) Trong đó, có 201 hợp tác xã nông nghiệp - thuỷ sản, chiếm 88,9% tổng số hợp tác xã toàn tỉnh; 1.215 tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp, chiếm 98% tổ hợp tác toàn tỉnh.

(65) Cùng kỳ năm 2020 giải ngân đạt 37% kế hoạch.

tỉnh quản lý đạt khoảng 22%, ngân sách cấp huyện quản lý đạt khoảng 60%.

Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên rà soát, cập nhật tình hình khó khăn của người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 để kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ. Lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai các gói tín dụng hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, như: thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ; miễn, giảm lãi vay và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khách hàng bị ảnh hưởng; đồng thời, cho vay mới theo quy định hiện hành để khách hàng ổn định và khôi phục sản xuất, kinh doanh sau khi bị ảnh hưởng của dịch Covid-19. Tính đến nay, có 3.336 khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, dư nợ là 811,3 tỷ đồng[(66)]; đã thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho 991 khách hàng, dư nợ được cơ cấu là 254,42 tỷ đồng, miễn giảm lãi vay cho 11 khách hàng với dư nợ là 140,5 tỷ đồng, số tiền được miễn giảm lãi là 375 triệu đồng.

2.Về văn hoá - xã hội

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao chào mừng các ngày lễ, Tết, kỷ niệm được tổ chức với hình thức phù hợp, cắt giảm quy mô, vừa đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống tinh thần của người dân, vừa bảo đảm an toàn, phù hợp với quy định phòng, chống dịch Covid-19. Các đoàn thi đấu thể thao của tỉnh đã tham dự 8 giải thể thao trong hệ thống thi đấu quốc gia, kết quả đạt được 44 huy chương các loại[(67)], đạt 100% kế hoạch và vượt chỉ tiêu 12 huy chương[(68)]. Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức Họp mặt kỷ niệm 96 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam và Tổng kết Đề án Giải Báo chí tỉnh giai đoạn 2016-2021 gắn với trao Giải Báo chí tỉnh Sóc Trăng năm 2020.

Công tác giáo dục và đào tạo được tiếp tục quan tâm thực hiện gắn với tăng cường công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong trường học; tổ chức thi học sinh giỏi quốc gia cấp THPT và học sinh giỏi tỉnh cấp THCS năm học 2020-2021 gắn với công tác phòng, chống dịch Covid-19; tổ chức thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông năm học 2021-2022 đối với 5 đơn vị trường[(69)] và thực hiện xét tuyển đối với các trường còn lại trên địa bàn tỉnh; các cơ sở giáo dục trên địa bàn tổng kết năm học 2020-2021 với hình thức phù hợp,

---

(66) Trong đó, có 92 doanh nghiệp bị ảnh hưởng với 486,4 tỷ đồng, 3.244 cá nhân và hộ gia đình với dư nợ là 324,8 tỷ đồng.

(67) Gồm 14 huy chương vàng, 16 huy chương bạc, 14 huy chương đồng.

(68) Gồm 4 huy chương vàng, 6 huy chương bạc, 2 huy chương đồng.

(69) Gồm: Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Thị Minh Khai, Trường Trung học phổ thông Hoàng Diệu, Trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú Huỳnh Cương, Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Dân tộc nội trú Vĩnh Châu, Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thạnh Phú.

tránh tập trung đông người. Tiến hành lựa chọn sách giáo khoa lớp 1, lớp 2 và lớp 6 thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông năm học 2021-2022. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp, đầu tư cơ sở vật chất gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Toàn tỉnh hiện có 348/470 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 74%, đạt 98,6% chỉ tiêu Nghị quyết, tăng 15 trường so với cuối năm 2020.

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành chủ động, quyết liệt, triển khai chặt chẽ, có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19. Công tác định hướng, thông tin tuyên truyền về diễn biến tình hình, các biện pháp phòng, chống dịch được chú trọng thực hiện. Tăng cường công tác quản lý thông tin trên báo chí, mạng xã hội, kịp thời xử lý các trường hợp đưa tin sai sự thật về tình hình, công tác phòng, chống dịch trên địa bàn; chỉ đạo xây dựng phương án bảo đảm các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19 phù hợp với tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị[(70)]; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện cấp cứu bảo đảm phục vụ cho việc truy vết, cách ly, xét nghiệm, điều trị; kích hoạt 2 đội truy vết tuyến tỉnh, các đội tuyến huyện và duy trì chế độ thường trực 24/24 giờ của các đội đáp ứng nhanh tuyến tỉnh, tuyến huyện; kiểm soát chặt chẽ người về từ những vùng có dịch, người nhập cảnh trái phép về lưu trú trên địa bàn; thực hiện nghiêm túc việc truy vết, cách ly, lấy mẫu xét nghiệm trên diện rộng đối với các trường hợp nghi ngờ, không để bỏ sót đối tượng; đồng thời, theo dõi y tế chặt chẽ những người trong khu cách ly, cách ly tại nhà, người hết thời gian cách ly tập trung. Kịp thời thực hiện việc tiêm vaccine cho các đối tượng theo đúng quy định.Tính đến ngày 23/6/2021, tỉnh đã cách ly 3.461 trường hợp tại cơ sở cách ly tập trung; 8.616 trường hợp cách ly tại nhà; ghi nhận 21 trường hợp dương tính với Covid-19 và đã có 21/21 trường hợp được chữa khỏi, trở về địa phương; chưa phát hiện trường hợp mắc Covid-19 trong cộng đồng.

Công tác giám sát và phòng, chống các loại dịch bệnh khác ở người được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện; sáu tháng đầu năm, có 120 ca mắc sốt xuất huyết, giảm 47 ca so cùng kỳ. Tuy nhiên, có 597 ca bệnh tay chân miệng, tăng 546 ca so cùng kỳ. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế là 91,99%, gần đạt chỉ tiêu Nghị quyết; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi là 14,3%, đạt 99% chỉ tiêu Nghị quyết.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, tư vấn việc làm cho 9.093 lượt người lao động; tổ chức 9 phiên giao dịch việc làm, có 67 đơn vị và 871 lao động tham gia; cấp mới 59 giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại các

(70) Chỉ đạo mỗi cơ quan, đơn vị của tỉnh thành lập 1 Tổ kiểm soát dịch bệnh Covid-19; thành lập các Tổ Covid cộng đồng tại các ấp, khóm, khu dân cư; xây dựng phương án phòng, chống dịch Covid-19 tại Khu công nghiệp An Nghiệp.

công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 14.383 lao động, giảm 15% so với cùng kỳ; trong đó, có 42 người đi lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài, giảm 16% so với cùng kỳ.

Triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo trên địa bàn được quan tâm. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã phát động Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2022, lập thành tích thiết thực chào mừng kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh (30/4/2022); đến nay, đã hỗ trợ xây dựng được 4.837 căn nhà, đạt tỷ lệ 47,5% so với số lượng nhà ở đã được phê duyệt tại Đề án số 05/ĐA-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh về hỗ trợ hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Về quốc phòng - an ninh

Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững, ổn định. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ, cơ quan chức năng mở đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự trong các dịp lễ, tết[(71)]; lực lượng vũ trang đã phối hợp xây dựng, triển khai các phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh; chuẩn bị cơ sở vật chất, lực lượng phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19. Thực hiện hoàn thành công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2021, kết quả đã giao 1.223 quân (Quốc phòng 1.002 công dân, Công an 221 công dân), đạt 100% chỉ tiêu; triển khai ý định diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện năm 2021. Sáu tháng đầu năm, toàn tỉnh đã xảy ra 192 vụ có dấu hiệu tội phạm về trật tự xã hội (tăng 17 vụ so cùng kỳ); trong đó, nhóm tội phạm xâm hại trẻ em và xâm phạm sở hữu tăng[(72)]; các cơ quan chức năng đã đấu tranh làm rõ 154 vụ, đạt 80,2%; xảy ra 2 vụ cháy (giảm 7 vụ so cùng kỳ), làm chết 1 người, thiệt hại tài sản ước tính 8 tỉ đồng.

Thực hiện Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, ngành chức năng tổ chức tuần tra, kiểm soát 7.187 cuộc,

---

(71) Dịp Tết Dương lịch; Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021; Lễ kỷ niệm 91 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2021); Lễ kỷ niệm 46 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2021); Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây của đồng bào dân tộc Khmer,...

(72) Hiếp dâm người dưới 16 tuổi tăng 2 vụ; giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi tăng 1 vụ; dâm ô người dưới 16 tuổi tăng 2 vụ; cướp giật tài sản tăng 9 vụ; trộm cắp tài sản tăng 8 vụ...

đã phát hiện và lập biên bản 13.184 trường hợp vi phạm, tạm giữ 5.384 phương tiện các loại; xử phạt 12.348 trường hợp, với số tiền trên 15,5 tỷ đồng. Sáu tháng đầu năm, toàn tỉnh xảy ra 87 vụ tai nạn giao thông, làm chết 63 người, bị thương 68 người (tăng 25 vụ, tăng 16 người chết, tăng 24 người bị thương).

Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra trên địa bàn tỉnh. Ngành Thanh tra thực hiện 295 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, với 958 đối tượng; kết quả đã phát hiện các tổ chức và cá nhân có vi phạm trên các lĩnh vực mua bán thuốc thú y không có chứa hoạt chất ghi trên nhãn, thuốc ngoài mức giới hạn cho phép so với hàm lượng ghi trên nhãn hàng hoá, kinh doanh hàng hoá không đạt chất lượng,...; đã ban hành 135 quyết định xử phạt với số tiền phạt trên 823 triệu đồng.

Công tác tiếp công dân và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo tiếp tục được quan tâm thực hiện. Toàn tỉnh tiếp 757 lượt công dân (có 644 vụ việc), giảm 442 lượt so với cùng kỳ; kết quả đã giải quyết 644/644 vụ việc thông qua giải thích, thuyết phục và hướng dẫn công dân gởi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định. Tiếp nhận 758 đơn[(73)]; đã giải quyết 311/325 đơn (75/80 đơn khiếu nại, 236/236 đơn kiến nghị, phản ánh và đang tiến hành xác minh 9 đơn tố cáo).

4. Về xây dựng hệ thống chính trị

Thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Kế hoạch số 08-KH/TU, ngày 23/01/2021 triển khai thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 20/6/2020 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; quyết định, chỉ đạo thành lập ban chỉ đạo bầu cử và uỷ ban bầu cử các cấp, phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh; lãnh đạo tăng cường công tác tuyên truyền về Cuộc bầu cử; chỉ đạo tổ chức tốt các Hội nghị hiệp thương giới thiệu những người ứng cử đại biểu Quốc hội khoá XV và ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, bảo đảm cơ cấu, thành phần, số lượng theo luật định; tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19. Kết quả, toàn tỉnh có 972.300 cử tri tham gia bỏ phiếu tại 1.260 khu vực bầu cử, đạt tỷ lệ 99,9%; đã bầu 7/7 đại biểu Quốc hội khoá XV[(74)]; 52/52 đại biểu

(73) Có 325 đơn thuộc thẩm quyền; trong đó, 80 đơn khiếu nại, 9 đơn tố cáo, 236 đơn kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền giải quyết.

(74) Trong đó, nữ 42,85%, dân tộc thiểu số 57,14%, trẻ tuổi 28,57%, ngoài Đảng 0%, tôn giáo 14,28% và tái cử 42,85%.

Hội đồng nhân dân tỉnh[75]; 346/347 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện[76]; 2.798/2.816 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã[77]. Nhìn chung, Cuộc bầu cử diễn ra thành công tốt đẹp trên tinh thần dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn và tiết kiệm.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng đẩy mạnh công tác tuyên truyền sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; về ý nghĩa các ngày lễ, kỷ niệm của đất nước, của tỉnh; tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 91 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân ổn định, phấn khởi về kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và trong những tháng đầu năm 2021. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tổ chức Hội nghị trực tuyến thông tin thời sự chuyên đề về tình hình thế giới và công tác đối ngoại của Đảng, Nhà nước; tổ chức Hội nghị trực tuyến (kết nối từ điểm cầu Hà Nội) nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đến 124 điểm cầu từ tỉnh đến cơ sở; lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tổ chức quán triệt Nghị quyết đến đảng viên. Tính đến ngày 20/5/2021, Đảng bộ tỉnh đã tổ chức quán triệt Nghị quyết cho 87,67% đảng viên của tỉnh.

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của Tỉnh uỷ; tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2021). Qua 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị, xuất hiện ngày càng nhiều gương tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị của tỉnh ngày càng trong sạch, vững mạnh, có 4.849 tập thể, cá nhân được biểu dương, khen thưởng; trong đó, có 37 tập thể, cá nhân được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tổ chức Hội nghị trực tuyến[78] sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khoá XII, triển khai Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XIII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Hội nghị nghiên

---

(75) Trong đó, nữ 25%, dân tộc thiểu số 28,85%, trẻ tuổi 9,62%, ngoài Đảng 3,85%, tôn giáo 3,85% và tái cử 44,23%.

(76) Trong đó, nữ 22,83%, dân tộc thiểu số 15%, trẻ tuổi 19,08%, ngoài Đảng 2,60%, tôn giáo 4,34% và tái cử 52,31%.

(77) Trong đó, nữ 25,16%, dân tộc thiểu số 19,19%, trẻ tuổi 43,64%, ngoài Đảng 2,5%, tôn giáo 3% và tái cử 57,9%.

(78) Kết nối từ điểm cầu Trung ương đến 127 điểm cầu từ tỉnh đến cơ sở.

cứu, học tập chuyên đề"Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc".

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ sơ kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Qua gần 5 năm triển khai thực hiện, các cấp uỷ, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu nắm vững những nội dung cơ bản của Nghị quyết, nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; cán bộ, đảng viên thường xuyên đối chiếu với 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", "tự soi", "tự sửa"; đổi mới phong cách, lề lối làm việc; thực hiện nghiêm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc, nổi cộm của địa phương, cơ quan, đơn vị, góp phần xây dựng tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Thực hiện Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW, ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, quyết định xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên năm 2020. Kết quả, có 3/15 đảng bộ cấp huyện (tương đương) và tập thể cấp uỷ cấp huyện (tương đương) trực thuộc Tỉnh uỷ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có 3/17 tập thể đảng đoàn, ban cán sự đảng, tập thể Ban Thường vụ Tỉnh đoàn và tập thể lãnh đạo các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Xem xét, quyết định xếp loại chất lượng đối với 345 đồng chí cán bộ lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý; trong đó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 69 đồng chí, tỷ lệ 20%; hoàn thành tốt nhiệm vụ là 276 đồng chí.

Thực hiện Quy định số 212-QĐ/TW, ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách của cơ quan Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện. Lãnh đạo, chỉ đạo sơ kết việc thực hiện Đề án số 08-ĐA/TU, ngày 24/8/2018 của Tỉnh uỷ về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tỉnh Sóc Trăng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII; triển khai thực hiện sắp xếp, kiện toàn các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP, ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định bổ sung cấp uỷ đối với 8 đồng chí (thực hiện chủ trương tăng thêm cấp uỷ viên là cán bộ đồn biên phòng tham gia cấp uỷ cấp huyện, cấp xã biên giới, hải đảo); quyết định chuẩn y Bí thư Huyện uỷ Kế Sách, Phó Bí thư Huyện uỷ Mỹ Tú và Uỷ viên Ban Thường vụ

Đảng uỷ Công an tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025; luân chuyển, chỉ định Phó Bí thư Huyện uỷ Trần Đề, Thị uỷ Vĩnh Châu; chỉ định tham gia Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh 1 đồng chí; bổ sung thành viên Ban cán sự đảng Toà án nhân dân tỉnh 1 đồng chí; điều động, bổ nhiệm 5 đồng chí; điều động, giới thiệu ứng cử 4 đồng chí; bổ nhiệm 9 đồng chí; bổ nhiệm lại 8 đồng chí; luân chuyển 3 đồng chí; phân công cán bộ 5 đồng chí; tiếp nhận, bổ nhiệm 1 đồng chí; cho thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng uỷ các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh 1 đồng chí. Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, lãnh đạo quản lý của các sở, ban, ngành, cấp huyện và tương đương nhiệm kỳ 2016-2021, nhiệm kỳ 2020-2025 (2021-2026) đối với 19 cơ quan, đơn vị; đăng ký 121 đồng chí tham gia đào tạo cao cấp lý luận chính trị (hệ tập trung 55 đồng chí, hệ không tập trung 66 đồng chí) và 37 đồng chí tham gia lớp hoàn chỉnh cao cấp lý luận chính trị; cử 4 đồng chí tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh (đối tượng 1). Xét, tặng Huy hiệu Đảng cho 337 đồng chí.

Thực hiện Kết luận số 18-KL/TW, ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư khoá X về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong tình hình mới, thời gian qua, việc tổ chức sinh hoạt chi bộ đã cơ bản đi vào nền nếp, nội dung sinh hoạt chi bộ từng bước được đổi mới, thực hiện đúng nguyên tắc về tổ chức và sinh hoạt đảng, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu trong sinh hoạt đảng. Các cấp uỷ chú trọng nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên; tính đến tháng 6/2021, các cấp uỷ trong tỉnh đã kết nạp 589 đảng viên, đạt 42,07% chỉ tiêu Nghị quyết; trong đó, đảng viên nữ 281 đồng chí, tỷ lệ 47,71%, đảng viên là người dân tộc 130 đồng chí, tỷ lệ 22,07%, nâng tổng số đảng viên toàn Đảng bộ lên 46.208 đồng chí. Ngoài ra, 6 tháng đầu năm, các cấp uỷ cũng đã xoá tên, cho ra khỏi Đảng 65 đảng viên do bỏ công tác, bỏ sinh hoạt chi bộ, giảm 10 đảng viên so với cùng kỳ.

Thực hiện Quy định số 126-QĐ/TW, ngày 28/02/2018 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo rà soát về tiêu chuẩn chính trị cán bộ phục vụ công tác nhân sự ứng cử đại biểu Quốc hội khoá XV đối với 13 trường hợp và nhân sự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đối với 100 trường hợp; phục vụ công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý đối với 183 trường hợp đang công tác tại sở, ban, ngành cấp tỉnh; uỷ viên ban thường vụ và các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp huyện đối với 27 đơn vị.

Các cấp uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy uỷ ban kiểm tra các cấp; rà soát, bổ sung quy hoạch uỷ ban kiểm tra các cấp nhiệm kỳ 2020-2025; chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát năm 2021 của ban thường vụ cấp uỷ. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lãnh

đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện 2/3 nội dung Chương trình kiểm tra, giám sát năm 2021. Từ đầu năm đến nay, các cấp uỷ đã kiểm tra 103 tổ chức, 198 đảng viên[(79)], giám sát chuyên đề 73 tổ chức, 44 đảng viên[(80)]; thi hành kỷ luật 46 đảng viên[(81)]; trong đó, có 11 cấp uỷ viên các cấp: huyện uỷ viên 1; đảng uỷ viên cơ sở 2, chi uỷ viên 8; vi phạm với các hình thức: khiển trách 34, cảnh cáo 9, cách chức 1, khai trừ 2. Nội dung vi phạm chủ yếu là việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, phẩm chất đạo đức, lối sống, đoàn kết nội bộ, những điều đảng viên không được làm, chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình,...

Thực hiện Kết luận số 10-KL/TW, ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng; cụ thể hoá các quy định của Trung ương về công tác phòng, chống tham nhũng để triển khai thực hiện trên địa bàn; tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng. Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; thực hiện nghiêm túc việc kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định. Kết quả thực hiện kê khai 6.009/6.009 người, đạt tỷ lệ 100%. Từ đầu năm đến nay, các cơ quan chức năng tiếp tục đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử 5 vụ tham nhũng, liên quan đến 11 bị can. Bí thư cấp uỷ các cấp chủ động sắp xếp lịch tiếp công dân định kỳ và đột xuất hằng tháng theo quy định. Từ đầu năm đến nay, bí thư cấp uỷ các cấp đã tiếp 149 lần với 81 lượt công dân theo Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị.

Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016-2021; tổ chức các kỳ họp và ban hành nhiều nghị quyết triển khai thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; nghị quyết về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025; xem xét, cho ý kiến đối với một số công trình, dự án quan trọng đang triển khai trên địa bàn tỉnh; tiến hành giám sát chuyên đề về công tác cải cách thủ tục hành chính ở Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc văn phòng Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân cấp huyện; quan tâm giải quyết và phối hợp với các cơ quan giải quyết các ý kiến, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo và

(79) Tăng 15 tổ chức, 161 đảng viên so với cùng kỳ.

(80) Tăng 51 tổ chức đảng, 36 đảng viên so với cùng kỳ.

(81) Tương đương so với cùng kỳ.

những vấn đề bức xúc, cử tri quan tâm. Triển khai Đề án thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ và phân công nhiệm vụ các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh và các chức danh lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành và triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Tỉnh uỷ và Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu điều hành kinh tế - xã hội năm 2021; chỉ đạo thực hiện quyết liệt mục tiêu kép, vừa phòng, chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội; triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; tập trung đơn giản hoá, cắt giảm thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng. Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của tỉnh tiếp tục được cải thiện, xếp hạng 19/63 tỉnh, thành phố trong cả nước (tương đương năm 2019) và xếp hạng 3/13 tỉnh, thành phố khu vực đồng bằng sông Cửu Long (năm 2019 xếp hạng 4/13 tỉnh, thành phố).

Các cấp uỷ kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hoá và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng về công tác dân vận, công tác dân tộc, tôn giáo; về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội; về việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; quan tâm giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Chính quyền các cấp quan tâm phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tăng cường thực hiện công tác dân vận của cơ quan nhà nước. Qua đó, đã nâng cao nhận thức của chính quyền các cấp, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về vai trò của công tác dân vận và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong thực thi nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hoạt động của hệ thống dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục có sự chuyển biến tích cực; chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các hoạt động vì xã hội, vì cộng đồng; quan tâm chăm lo cho gia đình chính sách, hộ nghèo, công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, đóng góp "Quỹ Vì người nghèo"; tăng cường ứng dụng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, phát triển kinh tế, góp phần giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống của đoàn viên, hội viên và nhân dân.

Phối hợp với khối lực lượng vũ trang triển khai thực hiện tốt chương trình phối hợp; đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, an toàn giao thông. Công tác hoà giải ở cơ sở đạt trên 80%, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương, đơn vị.

II- HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Tình hình xâm nhập mặn ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt của người dân; tiêu thụ một số mặt hàng nông sản, như: rau màu, hành tím còn gặp khó khăn, giá giảm so cùng kỳ; khôi phục sản xuất tại các hộ chăn nuôi còn gặp khó do giá con giống tăng cao, nguồn cung con giống chất lượng còn hạn chế; tổng đàn gia cầm giảm mạnh. Tình trạng sạt lở bờ sông, bờ kênh ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân.

2. Việc triển khai các khu, cụm công nghiệp còn chậm, gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công chậm so cùng kỳ. Một số công ty, doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc mua sắm máy móc, thiết bị, nhập khẩu nguyên liệu. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) giảm từ hạng 41 (năm 2019) xuống hạng 61 (năm 2020) và đứng thứ 13 trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) mặc dù tăng được 2 bậc, từ hạng 53 (năm 2019) lên hạng 51 (năm 2020), nhưng vẫn còn thấp và đứng thứ 11 trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

3. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao không được tổ chức hoặc phải giảm quy mô so với kế hoạch. Cơ sở vật chất một số nơi còn khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông mới; hầu hết các huyện, thị xã, thành phố chưa có trường tiểu học, trung học cơ sở có tổ chức bán trú cho học sinh; xã hội hoá giáo dục còn hạn chế. Tỷ lệ học sinh yếu, kém tuy có giảm nhưng còn ở mức cao. Công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 từng lúc, từng nơi còn hạn chế, chưa được quan tâm đúng mức, một số người dân chưa có ý thức cao. Dịch bệnh tay chân miệng tăng so cùng kỳ. Số lao động được giải quyết việc làm, lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài giảm so cùng kỳ; lực lượng lao động có tay nghề còn hạn chế.

4. Công tác nắm, dự báo tình hình đối với một số vụ việc phát sinh chưa kịp thời; số vụ việc có dấu hiệu tội phạm về trật tự, xã hội có chiều hướng gia tăng; tai nạn giao thông tăng trên cả 3 tiêu chí. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo từng lúc, từng nơi còn hạn chế. Tranh chấp đất đai, khiếu nại có liên quan đến tôn giáo ở một số nơi chưa được giải quyết dứt điểm; tình hình cháy, nổ vẫn còn xảy ra.

5. Việc học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tại một vài cơ quan, đơn vị còn chậm; tinh thần, thái độ học tập, quán triệt Nghị quyết

của một số đảng viên chưa thật sự nghiêm túc; một số nơi, tài liệu học tập còn chưa đảm bảo; chương trình hội nghị thiếu thống nhất. Một vài cấp uỷ chưa cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020-2025 thành chương trình, kế hoạch thực hiện; chưa xây dựng nghị quyết chuyên đề thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá của địa phương.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW, ngày 06/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương một số vấn đề về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ chưa được cấp uỷ quan tâm đúng mức; chất lượng sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề vẫn còn hạn chế. Công tác đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2020 còn chậm.

Công tác triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2021 còn chậm; một số chương trình bồi dưỡng còn tập trung nhiều phần lý thuyết, chưa chú trọng đúng mức đến kỹ năng xử lý tình huống, nhằm giúp học viên vận dụng kiến thức vào thực tiễn công tác. Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế về năng lực chuyên môn, chất lượng công tác tham mưu chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Việc tham mưu Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ triển khai thực hiện các Chương trình làm việc năm 2021 của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ còn chậm, chưa bảo đảm tiến độ, chất lượng còn hạn chế.

Công tác tham mưu cấp uỷ theo dõi, chỉ đạo triển khai, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác dân vận, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, công tác dân tộc, tôn giáo có nơi còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu; hiệu quả hoạt động công tác phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể trong công tác dân vận ở một số địa phương, cơ sở thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ.

Những hạn chế trên có nhiều nguyên nhân, bên cạnh nguyên nhân khách quan do ảnh hưởng của hạn, xâm nhập mặn, dịch bệnh Covid-19, nguyên nhân chủ quan là do một số cấp uỷ, chính quyền, ngành chức năng từng lúc thiếu chủ động, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, phối hợp thực hiện nhiệm vụ chính trị củađịa phương, cơ quan, đơn vị; năng lực, tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức còn hạn chế; chất lượng công tác nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với cấp uỷ, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ từng lúc chưa đáp ứng yêu cầu; một số công việc thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách thực hiện còn chậm. Trung ương chậm phân khai vốn một số chương trình, dự án; công tác giải phóng mặt bằng còn khó khăn; năng lực quản lý của một số chủ đầu tư từng lúc chưa đáp ứng yêu cầu.

III. Phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021

1. Về phát triển kinh tế

Thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai, sạt lở trong mùa mưa năm 2021. Tăng cường công tác dự báo, thông tin kịp thời trên báo, đài và các phương tiện thông tin đại chúng về tình hình thiên tai để người dân biết và chủ động ứng phó; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình, dự án thuỷ lợi phục vụ sản xuất, sinh hoạt của người dân; quan tâm định hướng người dân thực hiện chuyển đổi, cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu; khai thác, phát huy lợi thế của từng vùng sản xuất gắn với nhu cầu thị trường.

Tăng cường theo dõi tình hình và triển khai các biện pháp phòng, chống dịch hại trên cây trồng; duy trì và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, như VietGAP, theo hướng hữu cơ,... Tiếp tục hỗ trợ công tác tái đàn, hướng dẫn tổ chức sản xuất chăn nuôi an toàn sinh học; hướng dẫn người nuôi thực hiện các biện pháp phòng dịch, không để tái phát dịch tả heo Châu Phi. Chú trọng công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y nhằm ngăn chặn lây lan dịch bệnh. Khuyến khích nhân rộng các mô hình nuôi tôm theo quy chuẩn VietGAP, GlobalGAP, ASC,..; hướng dẫn kỹ thuật nuôi và phòng bệnh kịp thời để hỗ trợ nông dân chủ động trong nuôi trồng thủy sản.

Ban hành Nghị quyết của Tỉnh uỷ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch, lộ trình, phân công trách nhiệm cụ thể, huy động các nguồn lực, đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; phấn đấu đến cuối năm 2021, thị xã Vĩnh Châu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; có thêm 7 xã, nâng lũy kế đến cuối năm 2021 có 57 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 71,25%; có thêm 5 xã, nâng lũy kế đến cuối năm 2021 có 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, chiếm tỷ lệ 10%.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 02/NQ-CP, ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2021. Chuẩn bị tốt các thủ tục cần thiết để kêu gọi đầu tư các dự án quan trọng của tỉnh; tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi, thu hút đầu tư, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong các khâu giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để triển khai các dự án đầu tư, phát triển các khu, cụm công nghiệp và các dự án điện gió theo cam kết của chủ đầu tư.

Tổ chức tổng kết thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 20/01/2003 của Bộ Chính trị khoá IX về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế -

xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001-2010; Kết luận số 28-KL/TW, ngày 14/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2011-2020.

Tăng cường kích cầu tiêu dùng, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm phù hợp với tình hình phòng, chống dịch Covid-19. Nghiên cứu, tận dụng tốt các Hiệp định thương mại tự do[(82)] để thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của tỉnh, nhất là đối với các ngành hàng chủ lực. Quan tâm đúng mức công tác quản lý thị trường; triển khai các biện pháp nghiệp vụ tăng cường phòng chống gian lận thương mại; triển khai kế hoạch bình ổn thị trường các mặt hàng thiết yếu trên địa bàn tỉnh cuối năm 2021 và các hoạt động xúc tiến, kích cầu du lịch trên địa bàn. Làm tốt công tác chuẩn bị vận hành thử nghiệm Cổng thông tin du lịch thông minh và ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động.

Tiếp tục hỗ trợ thành lập mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã. Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục thực hiện mô hình "hoàn thiện và mở rộng sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn gắn với cơ giới hóa đồng bộ theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến xây dựng thương hiệu sản phẩm".

Thực hiện có hiệu quả các giải pháp điều hành ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh tăng thu, tiết kiệm chi, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế; đồng thời, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kiên quyết cắt giảm tối đa các khoản chi không cần thiết. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ thuế cho các đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo quy định. Triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, phấn đấu hoàn thành các công trình, dự án chào mừng kỷ niệm 30 năm Ngày tái lập tỉnh Sóc Trăng bảo đảm theo tiến độ.

2. Về văn hoá - xã hội

Thực hiện có hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, công tác phòng, chống dịch Covid-19; tăng cường công tác quản lý, thực hiện nếp sống văn minh trong hoạt động lễ hội, tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh gắn với bảo đảm các nguyên tắc, quy trình phòng, chống dịch Covid-19.

---

(82) Gồm: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực RCEP, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA),…

Chuẩn bị chu đáo, tổ chức an toàn, hiệu quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2021, chủ động phương án dự phòng trong tình huống dịch Covid-19 kéo dài. Tổng kết năm học 2020-2021 và triển khai nhiệm vụ năm học 2021-2022 với hình thức phù hợp. Thực hiện công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên các cấp học phù hợp tình hình diễn biến của dịch Covid-19, Chương trình sách giáo khoa mới; đẩy mạnh thực hiện việc rà soát, sắp xếp mạng lưới, trường lớp, đầu tư cơ sở vật chất gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương về phòng, chống dịch Covid-19. Tích cực vận động các tổ chức, người dân trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo hướng dẫn của ngành y tế, nhất là thực hiện thông điệp "5K"; thực hiện phương châm "4 tại chỗ", tuyệt đối không được chủ quan, lơ là trong công tác phòng, chống dịch; giám sát chặt chẽ diễn biến tình hình dịch bệnh trên địa bàn, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý triệt để các trường hợp nghi nhiễm bệnh; có phương án hạn chế thấp nhất nguy cơ lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung; chuẩn bị sẵn sàng kịch bản, phương án đáp ứng thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế và nhân lực để đối phó với tình huống dịch trong trường hợp cần thiết. Tổ chức tiêm vaccine phòng, chống Covid-19 theo kế hoạch đã đề ra. Theo dõi sát diễn biến, tổ chức thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống các dịch bệnh không lây nhiễm phát sinh đầu mùa mưa; duy trì và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, các chương trình y tế và bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã gắn với nông thôn mới. Quan tâm công tác đào tạo và phát triển nguồn cán bộ y tế trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, nhất là các chính sách đối với người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Ban hành, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh uỷ về Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo và An sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết của Tỉnh uỷ về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Tiếp tục vận động đóng góp và triển khai hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2022. Thực hiện tốt kế hoạch đào tạo nghề cho lao động và kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác giáo dục nghề nghiệp năm 2021. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới; đẩy mạnh tư vấn, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hợp đồng lao động tại các công ty, doanh nghiệp có sử dụng nhiều lao động. Chuẩn bị tốt các phương án để tổ chức an toàn Lễ Sene Đôl Ta của

đồng bào dân tộc Khmer và Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo Sóc Trăng lần thứ V, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long năm 2021, phù hợp với diễn biến dịch Covid-19.

Quan tâm đúng mức công tác bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản, lĩnh vực biển, biến đổi khí hậu và khí tượng thủy văn. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường; có biện pháp xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

3. Về quốc phòng - an ninh

Lực lượng Công an, Quân sự, Bộ đội Biên phòng đẩy mạnh công tác phối hợp thực hiện và sơ kết việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP, ngày 05/9/2019 của Chính phủ; tăng cường công tác quản lý địa bàn trên các lĩnh vực, nhất là công tác quản lý xuất nhập cảnh và người nước ngoài; chủ động nắm tình hình, xử lý tốt các tình huống về quốc phòng, an ninh, không để bị động, bất ngờ; củng cố, nâng cao chất lượng Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tham mưu tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện Kế Sách, huyện Trần Đề và thị xã Ngã Năm; tiếp tục triển khai xây dựng Căn cứ chiến đấu trong khu vực phòng thủ tỉnh; phối hợp thực hiện tốt công tác tiếp nhận và cách ly y tế đối với công dân trở về từ các quốc gia, vùng lãnh thổ có dịch Covid-19. Đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, nhằm kiềm chế và kéo giảm tai nạn giao thông; chủ động làm tốt công tác phòng cháy, chữa cháy tại các khu dân cư, các chợ,...

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 20/CT-TTg, ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp; chỉ đạo thực hiện các cuộc thanh tra bảo đảm đúng thời gian quy định, kết luận chính xác, khách quan. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo; tích cực giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác hoà giải ở cơ sở.

4. Về xây dựng hệ thống chính trị

Tăng cường vai trò lãnh đạo của các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trong việc theo dõi, chỉ đạo cấp uỷ địa phương; khẩn trương cụ thể hoá, triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận của Tỉnh uỷ, của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, tạo chuyển biến tích cực trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương; cụ thể hoá Nghị quyết

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh thành các nghị quyết chuyên đề để triển khai thực hiện. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và thông tin, tuyên truyền về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị năm 2021; tuyên truyền về kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; tổ chức Hội thảo "Nhà cách mạng Dương Kỳ Hiệp - Những đóng góp mang dấu ấn lịch sử"; lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao ý thức, trách nhiệm của đảng viên, công chức, viên chức trong khai thác, sử dụng Internet, mạng xã hội; chú trọng định hướng thông tin trên mạng, góp phần giữ vững ổn định tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về tăng cường, xây dựng, chỉnh đốn Đảng; triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và chuyên đề "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc".

Tổ chức sơ kết việc thực hiện Đề án số 08-ĐA/TU, ngày 24/8/2018 của Tỉnh uỷ về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tỉnh Sóc Trăng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề; chú trọng công tác phát triển đảng viên; rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng; kịp thời thẩm tra, xác minh, kết luận lịch sử chính trị và chính trị hiện nay, góp phần làm trong sạch nội bộ, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện.

Chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc Kết luận số 05-KL/TW, ngày 03/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị trong công tác phát hiện xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, cơ quan, địa phương, đơn vị trong công tác phát hiện, xử lý tham nhũng; tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tracác lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực; kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng; tích cực, chủ động nắm tình hình, tham mưu cấp uỷ gợi ý kiểm điểm và dự kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tăng cường công tác giám sát và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ

chức đảng cấp dưới, đảng viên; chú trọng kiểm tra, giám sát những lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm, nhất là công tác quản lý đất đai và đầu tư công. Xem xét, giải quyết kịp thời đơn, thư khiếu nại, tố cáo cán bộ, đảng viên.

Lãnh đạo củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Hội đồng nhân dân các cấp tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình giám sát năm 2021; tăng cường giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và kết quả thực hiện kiến nghị sau giám sát. Uỷ ban nhân dân các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả mục tiêu kép, vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khoẻ nhân dân, vừa thực hiện nhiệm vụ ổn định, phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; rà soát, tiếp tục đơn giản hoá thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho người dân; chú trọng số hoá, ứng dụng toàn diện công nghệ thông tin quản trị hành chính.

Các cấp uỷ tập trung chỉ đạo tổ chức thành công đại hội đại biểu phụ nữ các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 và đại hội hội chữ thập đỏ các cấp. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thường xuyên theo dõi, nắm tình hình trong nhân dân, dân tộc, tôn giáo; tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao hơn nữa công tác phối hợp đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm; tích cực tham gia công tác hoà giải ở cơ sở, giải quyết các vấn đề bức xúc, phát sinh trong nhân dân. Triển khai thực hiện tốt công tác giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.

2. Về chương trình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh: Chính quyền các đô thị cần quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh uỷ về xây dựng thành phố Sóc Trăng phát triển bền vững theo tiêu chí đô thị loại II, hướng đến đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025; Đề án hoàn chỉnh các tiêu chí đô thị loại III đối với khu vực các phường thuộc thị xã Vĩnh Châu và thị xã Ngã Năm; đẩy mạnh kêu gọi đầu tư cho các dự án phát triển đô thị; tập trung triển khai các dự án trọng điểm, dự án lớn cần ưu tiên đầu tư, các công trình hạ tầng thiết yếu nhằm tạo điểm nhấn, động lực phát triển bứt phá cho các đô thị.

3. Về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030: Các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tổ chức tuyên truyền quán triệt; xây dựng chương trình, kế hoạch, các đề án cũng như các chính sách hỗ trợ để cụ thể hoá, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh uỷ nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới; trong đó, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt.

4. Về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030: Các ngành, các cấp cụ thể hoá Nghị quyết của Tỉnh uỷ thành chương trình, kế hoạch, triển khai thực hiện; trong đó, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, lồng ghép các nguồn lực triển khai thực hiện có hiệu quả 10 dự án và các tiểu dự án thành phần theo Nghị quyết của Chính phủ, nhằm phát huy nội lực và tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số để vượt qua khó khăn, thách thức; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc, đóng góp chung cho sự phát triển của tỉnh.

5. Về Chương trình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: Các cấp uỷ, tổ chức đảng xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết một cách đồng bộ, hiệu quả; trong đó, chú trọng việc cụ thể hoá các nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá và các vấn đề mới, cốt lõi trong định hướng phát triển đất nước trong thời gian tới, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối và những chủ trương nêu trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

6. Các tờ trình của Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thống nhất các tờ trình của Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh về: Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Tuyến đường trục phát triển kinh tế Đông - Tây tỉnh Sóc Trăng; dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2021, tỉnh Sóc Trăng (đợt 3); bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2021 và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; về việc điều chỉnh tên dự án, diện tích quy hoạch, diện tích đất phải thu hồi và khái toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với Dự án "Tuyến nối đường Đặng Quang Minh đến Sông Hậu và tạo quỹ đất phát triển chỉnh trang đô thị".

Giao Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh thủ tục, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT NĂM 2021
6 tháng đầu năm 2021
(Kèm theo Báo cáo số82-BC/TU, ngày07/7/2021 của Tỉnh uỷ)

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 6 THÁNG 2020	THỰC HIỆN 6 THÁNG 2021	NGHỊ QUYẾT NĂM 2021	Tỷ lệ so sánh (%)		Ghi chú
						THỰC HIỆN 6 THÁNG 2021/ 6 THÁNG 2020	THỰC HIỆN 6 THÁNG2021 /NGHỊ QUYẾT NĂM 2021	
1	**Tốc độ tăng trưởng GRDP (theo giá so sánh 2010)**	**%**	**0,5**	**3,77**	**Từ 6,5 trở lên**	**-**	**-**	*Thống kê theo năm*
2	**GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)**	**Triệu đồng/ người**	**-**	**-**	**50,2**	**-**	**-**	*Thống kê theo năm*
3	**Cơ cấu GRDP**	**%**	**-**	**-**	**100,00**	**-**	**-**	*Thống kê theo năm*
	- Khu vực I	%	-	-	41,96	-	-	
	- Khu vực II	%	-	-	15,94	-	-	
	- Khu vực III	%	-	-	38,70	-	-	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	-	-	3,4	-	-	

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 6 THÁNG 2020	THỰC HIỆN 6 THÁNG 2021	NGHỊ QUYẾT NĂM 2021	Tỷ lệ so sánh (%)		Ghi chú
						THỰC HIỆN 6 THÁNG 2021/ 6 THÁNG 2020	THỰC HIỆN 6 THÁNG2021 /NGHỊ QUYẾT NĂM 2021	
4	**Tỷ lệ lúa đặc sản**	**%**	**58,16**	**61,96**	**53**	**106,53**	**116,9**	*Vượt kế hoạch*
5	**Tổng sản lượng thuỷ, hải sản**	**Tấn**	**99.310**	**106.225**	**323.000**	**106,96**	**32,89**	
6	**Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thuỷ sản**	**Triệu đồng**	**-**	**-**	**204**	**-**	**-**	*Thống kê theo năm*
7	**Lũy kế số xã được công nhận xã nông thôn mới đến cuối năm**	**Xã**	**42**	**50**	**55**	**119,05**	**90,91**	
8	**Chỉ số sản xuất công nghiệp**	**%**	**8,96**	**13**	**16**	**-**	**-**	
9	**Giá trị xuất khẩu hàng hóa**	**Triệu USD**	**480**	**570**	**1.000**	**118,75**	**57**	
10	**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội**	**Tỷ đồng**	**24.091**	**29.283**	**64.650**	**121,55**	**45,29**	
11	**Thu nội địa ngân sách Nhà nước**	**Tỷ đồng**	**2.443,2**	**2.522**	**3.716,8**	**103,22**	**67,86**	
12	**Tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh trong độ tuổi**							*Sẽ thống kê vào tháng 9/2021*

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 6 THÁNG 2020	THỰC HIỆN 6 THÁNG 2021	NGHỊ QUYẾT NĂM 2021	Tỷ lệ so sánh (%)		Ghi chú
						THỰC HIỆN 6 THÁNG 2021/ 6 THÁNG 2020	THỰC HIỆN 6 THÁNG2021 /NGHỊ QUYẾT NĂM 2021	
	- Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến nhà trẻ	%	-	-	14	-	-	
	- Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường mẫu giáo	%	-	-	91	-	-	
	Trong đó: trẻ em 5 tuổi	%	-	-	99	-	-	
	- Tỷ lệ huy động học sinh đi học trong độ tuổi cấp tiểu học	%	-	-	99,5	-	-	
	- Tỷ lệ huy động học sinh đi học trong độ tuổi cấp trung học cơ sở	%	-	-	97,7	-	-	
	- Tỷ lệ huy động học sinh đi học trong độ tuổi cấp trung học phổ thông và tương đương	%	-	-	68,00	-	-	
13	**Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia**	**%**	**62,81**	**74,04**	**75,00**	**117,87**	**98,72**	
14	**Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế**	**%**	**100,00**	**100,00**	**100,00**	**100,00**	**100,00**	
	- Số giường bệnh/10.000 dân	Giường	28,53	28,53	28,53	100,00	100,00	

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 6 THÁNG 2020	THỰC HIỆN 6 THÁNG 2021	NGHỊ QUYẾT NĂM 2021	Tỷ lệ so sánh (%)		Ghi chú
						THỰC HIỆN 6 THÁNG 2021/ 6 THÁNG 2020	THỰC HIỆN 6 THÁNG2021 /NGHỊ QUYẾT NĂM 2021	
	- Số bác sĩ/10.000 dân	Bác sĩ	7,52	7,52	7,52	100,00	100,00	
15	**Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế**	**%**	**94,65**	**91,99**	**92,88**	**97,18**	**99,04**	
	- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi	%	10,79	14,30	19,27	132,53	74,2	
16	**Tỷ lệ lao động qua đào tạo**	**%**	**-**	**-**	**61,00**	**-**	**-**	*Thống kê theo năm*
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	-	-	28,00	-	-	
	- Tỷ lệ lao động đang làm việc so với tổng số lao động trong độ tuổi	%	-	-	70,00	-	-	
17	**Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân**	**%**	**-**	**-**	**2-3**	**-**	**-**	*Thống kê theo năm*
	Trong đó: giảm tỷ lệ hộ nghèo Khmer	%	-	-	3-4	-	-	

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 6 THÁNG 2020	THỰC HIỆN 6 THÁNG 2021	NGHỊ QUYẾT NĂM 2021	Tỷ lệ so sánh (%)		Ghi chú
						THỰC HIỆN 6 THÁNG 2021/ 6 THÁNG 2020	THỰC HIỆN 6 THÁNG2021 /NGHỊ QUYẾT NĂM 2021	
18	**Tỷ lệ dân cư được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung**	**%**						*Thống kê theo năm*
	- Dân cư thành thị	%	-	-	89,00	-	-	
	- Dân cư nông thôn	%	-	-	99,00	-	-	
19	**Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường**	**%**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	*Thống kê theo năm*
	- Tại khu vực đô thị, công nghiệp, dịch vụ	%	-	-	91,00	-	-	
	- Tại khu dân cư nông thôn, làng nghề	%	-	-	61,82	-	-	
20	**Phát triển đảng viên mới**	**đảng viên**	366	589	**1.400**	160,9	42,07	
21	**Tổ chức cơ sở đảng được xếp loại hằng năm**							*Thống kê theo năm*
	- Hoàn thành tốt nhiệm vụ	%	-	-	Trên 80	-	-	
	- Không hoàn thành nhiệm vụ	%	-	-	Dưới 1,5	-	-	

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 6 THÁNG 2020	THỰC HIỆN 6 THÁNG 2021	NGHỊ QUYẾT NĂM 2021	Tỷ lệ so sánh (%)		Ghi chú
						THỰC HIỆN 6 THÁNG 2021/ 6 THÁNG 2020	THỰC HIỆN 6 THÁNG2021 /NGHỊ QUYẾT NĂM 2021	
22	**Tỷ lệ đảng viên được xếp loại**							*Thống kê theo năm*
	- Hoàn thành tốt nhiệm vụ	%	-	-	Trên 80	-	-	
	- Không hoàn thành nhiệm vụ	%	-	-	Dưới 1,5	-	-	
23	**Tỷ lệ các đoàn thể chính trị - xã hội đạt vững mạnh**	**%**	-	-	Trên 85	-	-	

Chuyên đề 4

CHUYÊN ĐỀ TOÀN KHÓA NĂM 2021 "HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG VÀ KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC"

Phần thứ nhất

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc

1. Sự hình thành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc

- Vấn đề độc lập cho dân tộc và khát vọng tự do cho nhân dân là xuất phát điểm, là nguồn gốc của tư tưởng Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, được nuôi dưỡng bởi những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, có sự tiếp thu các tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Sinh thời trong cảnh nước nhà bị nô dịch, lầm than, người thanh niên trẻ Nguyễn Tất Thành đã sớm thức tỉnh, đau đáu nỗi niềm cứu nước, cứu dân. Người chọn hướng đi sang các nước tư bản phương Tây tìm hiểu sự thật đằng sau khẩu hiệu "Tự do - Bình đẳng - Bác ái", xem người ta làm thế nào rồi trở về giúp đồng bào mình. Ngày 5/6/1911, tại bến cảng Nhà Rồng, Người bắt đầu chuyến hành trình trên con tàu Amiral Latouche Tresville, mang theo khát vọng cháy bỏng: "Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu". Điều này sớm đã thể hiện tư tưởng, ý chí tự lực, tự cường và một khát vọng lớn, mang tầm nhìn thời đại của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

- Sinh sống và làm việc tại nhiều nước tư bản phương Tây đã giúp Nguyễn Tất Thành nhận thức và vạch rõ bản chất của chủ nghĩa tư bản: Ở đâu đâu đế quốc tư bản thực dân cũng dã man, tàn bạo, cũng đầy rẫy những quan hệ phi nhân tính; ở đâu đâu những người lao động nghèo khổ, bần cùng cũng là bạn bè, anh em, đồng chí của nhau, họ phải được tập hợp lại, đứng lên đấu tranh giải phóng.

- Tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những

luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin. Luận cương của Lênin đã giúp Người giải đáp những vấn đề cơ bản về con đường giải phóng dân tộc mà Người tìm kiếm bấy lâu. Người khẳng định: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản". Tháng 12/1920, Người đã gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, đánh dấu sự chuyển biến mang tính bước ngoặt trong tư tưởng của Người từ chủ nghĩa yêu nước sang chủ nghĩa cộng sản.

- Sau khi xác định con đường cứu nước theo cách mạng vô sản, Người tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về trong nước. Người đã mang đến một luồng gió mới về đấu tranh cách mạng đối với nhân dân Việt Nam, nhân dân các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc, khơi dậy trong họ tinh thần đoàn kết đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, thổi bùng ngọn lửa đấu tranh theo khuynh hướng cách mạng vô sản ở nước ta trong những năm 30 của thế kỷ XX, đưa tới sự ra đời của chính đảng vô sản Việt Nam, mở ra thời đại rực rỡ của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, với những dấu ấn lịch sử và tầm vóc thời đại.

Ý chí tự lực, tự cường và khát vọng về quyền sống chân chính của dân tộc đã bồi đắp tư tưởng, sự nghiệp cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và lan tỏa trong mọi giai tầng xã hội Việt Nam. Nói cách khác, chính chủ nghĩa yêu nước, khát vọng giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước "đàng hoàng", "to đẹp" đã đưa Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, đặt nền móng cho sự phát triển tư tưởng mácxít ở Việt Nam, tạo ra những điều kiện căn bản, tiên quyết đưa đến những thành công của cách mạng nước nhà.

2. Những nội dung cơ bản của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường

2.1. Ý chí tự lực, tự cường là không phụ thuộc vào lực lượng bên ngoài, có quan điểm độc lập trong quan hệ quốc tế

- Hầu hết các đảng cộng sản ở Châu Âu đều có quan điểm rằng, cách mạng ở các thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng ở các nước tư bản (chính quốc), cách mạng ở các nước thuộc địa không thể thắng lợi khi cách mạng vô sản ở chính quốc chưa thắng lợi. Nguyễn Ái Quốc không tán thành quan điểm đó. Người cho rằng, với ý chí, khát vọng đấu tranh mãnh liệt, bất khuất vì độc lập, tự do, cách mạng ở các nước thuộc địa (trong đó có Việt Nam) hoàn toàn có thể chủ động giành thắng lợi, không phụ thuộc việc cách mạng ở chính quốc có thắng lợi hay không.

- Người cũng chỉ rõ mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng ở thuộc địa và cách mạng ở chính quốc. Người ví mối quan hệ đó như hai cánh của một

con chim. Trong tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp", vạch trần bản chất của chủ nghĩa tư bản thực dân giống con đỉa có hai vòi, một vòi bám vào giai cấp vô sản ở các nước tư bản, vòi kia hút máu các dân tộc thuộc địa, Người khẳng định muốn tiêu diệt nó, phải cắt cả hai cái vòi, muốn vậy phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc.

- Hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc luôn chú trọng đưa ra đề nghị Quốc tế Cộng sản đặt đúng vị trí, vai trò của cách mạng thuộc địa trong phong trào cách mạng vô sản thế giới, tích cực giúp đỡ cách mạng thuộc địa về lý luận và phương pháp đấu tranh, đào tạo cán bộ cho các dân tộc thuộc địa, cổ vũ và hướng dẫn phong trào cách mạng thuộc địa phát triển đúng hướng, có khả năng tự giải phóng mình.

- Thúc đẩy sự nghiệp cách mạng của dân tộc theo con đường chủ nghĩa Mác - Lênin, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nêu rõ quyết tâm, ý chí, phương pháp cách mạng, thể hiện sâu sắc quan điểm tự lực, tự cường trong đấu tranh cách mạng: "Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập".

2.2. Ý chí tự lực, tự cường là phải nhận thức rõ sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc với chủ nghĩa quốc tế trong sáng

- Ý chí tự lực, tự cường trong tư tưởng Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã giúp Người thấy rõ sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc chân chính, bao gồm chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, tạo nên sức mạnh to lớn của các dân tộc bị áp bức trên thế giới đứng lên chống đế quốc, thực dân. Từ thực tế xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Người viết: "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người "nhà quê" phản đối ngầm trước thuế tạp dịch và thuế muối... nó đã thúc giục thanh niên bãi khoá, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản, làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa".

- Theo Người, nhân tố mang tính quyết định của cách mạng giải phóng dân tộc chính là sức mạnh của toàn dân tộc. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927), Người viết: "chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh". Nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta", nhưng "phải củng cố tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân ta và nhân dân các nước bạn, nhân dân Pháp, nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới". Người nhấn mạnh vấn đề có tính nguyên tắc: "Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã".

- Ở một nước thuộc địa như Việt Nam, đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp trở thành vấn đề sống còn, ngọn cờ giải phóng dân tộc phải giương cao hơn hết thảy. Trong cuộc đấu tranh đó, chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc được coi là nền tảng căn bản, có thể huy động, tập hợp được hết thảy các giai tầng xã hội đoàn kết trên một mặt trận, đấu tranh giành độc lập dân tộc cũng như bảo vệ vững chắc nền độc lập đó. "Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, thanh niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp".

- Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11/1939), Đảng ta khẳng định chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, liên hiệp tất cả các dân tộc, giai cấp, đảng phái, giành độc lập dân tộc, xây dựng hình thức Nhà nước cộng hòa, dân chủ "Chính phủ chung cho tất cả các tầng lớp dân chúng". Nghị quyết Trung ương nêu rõ: "Công nông phải đưa cao cây cờ dân tộc lên, vì quyền lợi sinh tồn của dân tộc mà sẵn sàng bắt tay với tiểu tư sản và những tầng lớp tư sản bổn xứ, trung tiểu địa chủ".

- Ngay sau khi trở về nước, lãnh tụ Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị Trung ương 8 (1941). Ngoài những chủ trương lớn về giải phóng dân tộc, nhiệm vụ cách mạng chủ yếu, Hội nghị còn chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh, tập hợp đoàn kết rộng rãi toàn dân tộc với các tổ chức, đoàn thể cứu quốc, thống nhất ý chí, hành động trong toàn Đảng, toàn nhân dân đấu tranh giành độc lập dân tộc.

- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời là minh chứng sống động nhất về sức mạnh dân tộc, mà chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc, kết hợp chủ nghĩa quốc tế trong sáng là nhân tố quy tụ, thúc đẩy, hòa quyện, kết tinh mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài, sức mạnh của các tầng lớp, giai cấp trong xã hội Việt Nam, kiên cường đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh.

2.3. Ý chí tự lực, tự cường là sự chủ động, chuẩn bị mọi mặt các điều kiện của cách mạng

- Điều kiện trước hết là phải có một Đảng cách mệnh, "để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam".

- Mùa Xuân năm 1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Người

soạn thảo. Cương lĩnh ngắn gọn, rõ ràng và thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam, nhấn mạnh đấu tranh giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc thực dân và chế độ phong kiến đã suy tàn, thực hiện mục tiêu chiến lược: "Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập", "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Sự ra đời của Đảng đánh dấu bước ngoặt đặc biệt quan trọng trong tiến trình cách mạng dân tộc, trở thành nhân tố tiên quyết, quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, dẫn dắt, tập hợp và lãnh đạo nhân dân từng bước đấu tranh, chuẩn bị các điều kiện mọi mặt, đưa tới sự thành công của cách mạng.

- Sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, ngày 28/01/1941, lãnh tụ Hồ Chí Minh trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng. Tại Hội nghị Trung ương 8, Người cùng Trung ương Đảng quyết định những vấn đề lớn của cách mạng như hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, xử lý đúng đắn đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, quyết tâm giành cho được độc lập dân tộc.

- Người chỉ ra các nhiệm vụ quan trọng, cần kíp về việc chuẩn bị các điều kiện đảm bảo sự thắng lợi của cách mạng, như: xây dựng lực lượng cách mạng (bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang); căn cứ địa cách mạng; tập dượt cho quần chúng đấu tranh, xác định phương pháp đấu tranh khởi nghĩa từng phần đến Tổng khởi nghĩa giành chính quyền; chuẩn bị bộ máy tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ chín muồi và dự kiến các công việc sau khi giành được chính quyền.

- Nhờ có sự chủ động, chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, chỉ trong vòng 15 ngày, Cách mạng tháng Tám (1945) diễn ra mau lẹ, ít đổ máu, giành thắng lợi hoàn toàn trên cả nước, đập tan chế độ thực dân thống trị nước ta hơn 80 năm, lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại ngót nghìn năm, khai sinh nền dân chủ cộng hòa, mở ra một kỉ nguyên mới của dân tộc Việt Nam, kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, kỉ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi này thể hiện việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin ở một nước thuộc địa, khẳng định đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng, tinh thần, ý chí tự lực, tự cường của toàn dân tộc theo tư tưởng của Bác. Tư tưởng tự lực, tự cường, chủ động chuẩn bị chu đáo các điều kiện cách mạng tiếp tục được phát triển và khẳng định trong các giai đoạn cách mạng sau, đưa tới thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 - 1975), trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước (1975 - nay), đặc biệt trong 35 năm đổi mới (1986 - nay).

2.4. Ý chí tự lực, tự cường là đặc biệt chú trọng phát huy vai trò, sức mạnh của nhân dân

- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân nhưng không phải ở đâu và bất cứ lúc nào quần chúng nhân dân cũng làm được cách mạng. Muốn làm được cách mạng, quần chúng nhân dân phải được vận động, rèn luyện và tổ chức nhằm huy động, tập hợp, phát huy cao nhất vai trò, sức mạnh của mọi lực lượng quần chúng trên cùng một mặt trận, biến thành sức mạnh của quần chúng thành sức mạnh cách mạng.

- Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, "Nhân dân" là phạm trù cao quý nhất. Người nói: "Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân". Người khẳng định, dân khí mạnh thì binh lính nào, súng ống nào cũng không địch nổi. "Nếu lãnh đạo khéo thì việc gì khó khăn mấy và to lớn mấy, nhân dân cũng làm được".

- Trong giai đoạn vận động giải phóng dân tộc, lãnh tụ Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh phải động viên lực lượng của toàn dân, có dân là có tất cả. Khi thời cơ cách mạng chín muồi (8/1945), Người đã gửi Thư kêu gọi tổng khởi nghĩa trong cả nước. Người nêu rõ: "Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!". Sức mạnh toàn dân được huy động và hiện diện to lớn, tạo nên thành công vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám.

- Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954), trong hoàn cảnh thực dân Pháp rắp tâm xâm lược nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, thôi thúc nhân dân ta đứng lên đứng lên đấu tranh, quy tụ sức mạnh toàn dân trong thế trận chiến tranh nhân dân, chống thực dân Pháp nhằm giữ vững nền độc lập dân tộc: "Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước".

- Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), đương đầu với kẻ thù có sức mạnh số một thế giới về kinh tế và quân sự, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc. Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi".

- Vai trò và sức mạnh của nhân dân luôn được Đảng ta trân trọng, phát huy cao độ trong công cuộc trường kỳ kháng chiến, cũng như trong trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ đất nước kể từ khi hòa bình lập lại đến nay, tạo nên những thành tựu vô cùng quan trọng trên các phương diện đời sống xã hội, đem lại những giá trị kinh tế - xã hội, những thay đổi lớn lao về diện mạo đất nước trong tiến trình thực hiện mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh" như Bác Hồ hằng mong ước.

2.5. Ý chí tự lực, tự cường là quyết tâm bảo vệ và giữ vững nền độc lập dân tộc

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyết tâm bảo vệ và giữ vững độc lập dân tộc, "nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ", "không có gì quý hơn độc lập tự do", thể hiện rất rõ khi Tổ quốc bị lâm nguy, khi dân tộc phải đương đầu với những kẻ thù có sức mạnh kinh tế - quân sự vào hàng cường quốc thế giới, chống lại âm mưu áp đặt chế độ áp bức, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc thực dân.

- Ngay sau khi nền độc lập ra đời, đất nước ta đã phải chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến không thể tránh khỏi. Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" .

Nhờ phát huy chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc, quyết tâm vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chúng ta càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng, làm nên chiến thắng Điện Biên phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", chiến thắng của ý chí, khát vọng độc lập và khí phách Việt Nam.

- Lịch sử tiếp tục chứng kiến những thách thức cam go về ý chí và khát vọng độc lập dân tộc qua cuộc đối đầu lịch sử giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc Mỹ. Trước một cuộc chiến tranh khốc liệt, trường kỳ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu cao quyết tâm trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Người nói: "Phải giành thắng lợi quyết định trong một thời gian, ta không nói mấy năm, mấy tháng, mấy ngày, nhưng trong một thời gian càng ngắn càng tốt".

- Khích lệ, thôi thúc ý chí đấu tranh đến ngày đất nước toàn thắng, thống nhất trong mỗi người dân, Người chỉ rõ: "Nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc. Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi".

- Tin tưởng vào sự tất thắng của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống

Mỹ, cứu nước, trong bản Di chúc, Người khẳng định: "Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn".

- Chiến thắng lịch sử 30/4/1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước một lần nữa khẳng định ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm bảo vệ và giữ vững nền độc lập dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và dân tộc Việt Nam. Đồng thời, tiếp tục được Đảng ta phát huy trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sau giải phóng đến nay.

3. Những nội dung cơ bản trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc

3.1. Xây dựng, phát triển đất nước giàu mạnh, cường thịnh, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài

- Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, với cương vị là người đứng đầu Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn xây dựng đất nước giàu mạnh, mang lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Tư tưởng của Người đã được nhấn mạnh tại Đại hội II của Đảng (1951): Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, phú cường. Người nhiều lần nhắc nhở: "Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì".

- Trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ ngày 03/9/1945, Người đã nêu lên những nhiệm vụ cấp bách của chính quyền đó là diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Nói cách khác, tập trung giải quyết hai vấn đề trọng yếu: phục hồi và phát triển nội lực đất nước; đối ngoại linh hoạt tránh nguy cơ ngoại xâm, kéo dài thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến.

- Trong các nhiệm vụ và giải pháp cấp bách đó, Người đặc biệt chú trọng việc nâng cao dân trí, phục vụ công cuộc xây dựng, phát triển đất nước giàu mạnh. Trong thư gửi các học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập (05/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cổ vũ, khích lệ: "Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em".

- Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ, trước đây thực dân Pháp cai trị đã thực hiện chính sách ngu dân để dễ lừa dối, bóc lột dân ta, có tới 95% đồng bào ta không biết chữ. "Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này là nâng cao dân trí". Nạn thất học, kém hiểu biết là một cản trở lớn cho sự phát triển của đất nước và dân tộc. Người kêu gọi: "... Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc

xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ".

- Bên cạnh việc nâng cao dân trí, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ ra nhiệm vụ quan trọng trong kiến thiết đất nước là bồi dưỡng nhân tài: "Kiến thiết cần có nhân tài. Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển càng thêm nhiều".

- Xuyên suốt hai cuộc trường chinh kháng chiến chống lại các thế lực đế quốc thực dân Pháp và Mỹ, đường lối kiến thiết đất nước, từng bước hiện thực hóa khát vọng xây dựng và phát triển đất nước giàu mạnh, cường thịnh luôn được Đảng và Bác Hồ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một cách cụ thể, phù hợp, sáng tạo và quyết liệt.

- Trước lúc đi xa, trong Di chúc Người bày tỏ điều mong muốn cuối cùng, cũng là khát vọng tột bậc: "Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".

- Những tư tưởng, khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về một Việt Nam hùng cường tiếp tục được toàn Đảng, toàn dân tộc từng bước hiện thực hóa trong công cuộc xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, công cuộc đổi mới phát triển đất nước trong 35 năm qua và trong những chặng đường tiếp theo. Kết quả, thành tựu đem lại "rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật", như Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: "Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay".

3.2. Thực hiện khát vọng đất nước giàu mạnh, cường thịnh trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng chế độ mới, mưu cầu hạnh phúc, ấm no cho nhân dân

- Hồ Chí Minh ngay từ khi ra đi tìm đường cứu nước đã mang khát vọng lớn lao: Độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào. Người khẳng định: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành".

- Khi nước nhà độc lập, khát vọng ấm no, hạnh phúc của nhân dân trở thành động lực và mục tiêu hành động của toàn Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong tư tưởng của Người, hạnh phúc của người dân đơn giản là quyền sống, từ đó phát triển một dân tộc, một quốc gia hạnh phúc. Đó là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ, bình đẳng, không có chế độ người bóc lột người, "một xã hội hoàn toàn mới mẻ, đầy tính nhân văn, "đưa quần chúng đến một cuộc sống xứng đáng, vẻ vang và ngày càng phồn vinh, làm cho mọi

người lao động có một Tổ quốc tự do, hạnh phúc và hùng cường, hướng tới những chân trời tươi sáng".

- Trong quá trình xây dựng đất nước, Người rất coi trọng các chính sách kinh tế nhằm đạt tới sự ổn định và phát triển xã hội, đem lại hạnh phúc cho con người. Người khẳng định Đảng ta, Nhà nước ta từ nhân dân mà ra, vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ của nhân dân, không có lợi ích nào khác lợi ích của nhân dân.

- Cả cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh hiến dâng trọn vẹn cho cách mạng, "chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân". Trong Di chúc, Người dặn dò: Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần "tự lực cánh sinh". Mong muốn của Người là ai ai cũng được góp công sức vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc và được hưởng thành quả do cách mạng mang lại.

Ý chí, khát vọng độc lập của Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân, hùng cường cho dân tộc và tấm gương mẫu mực suốt đời phụng sự đất nước, phục vụ nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là động lực, tư tưởng soi đường cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, vì một Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

3.3. Xây dựng nền tảng kinh tế vững chắc, thực hiện một cách có kế hoạch với sự đồng lòng của Chính phủ và người dân

- Hiện thực khát vọng đất nước phồn vinh, hạnh phúc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là phải xây dựng chế độ chính trị dân chủ, tiến bộ, thật sự vì dân, xây dựng đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội văn minh, tiến bộ với những giá trị đạo đức tốt đẹp. Muốn vậy, phải xây dựng nền tảng kinh tế vững chắc, có kế hoạch thực hiện với sự đồng lòng của Chính phủ và người dân.

- Đất nước giành được độc lập, vấn đề kiến thiết, phát triển kinh tế - xã hội trở nên cấp thiết. Ngày 31/12/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 78 về việc thiết lập "Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến thiết" của Chính phủ. Phát biểu trong phiên họp đầu tiên của Ủy ban ngày 10/01/1946, Hồ Chí Minh mong muốn mọi người "đem tài năng tri thức lo bồi bổ về mặt kinh tế và xã hội", "Làm cho dân có ăn. Làm cho dân có mặc. Làm cho dân có chỗ ở. Làm cho dân có học hành".

- Trong thư gửi các giới công thương Việt Nam, Người viết: "Trong lúc các giới khác trong quốc dân ra sức hoạt động để giành lấy nền hoàn toàn độc lập của nước nhà, thì giới Công - Thương phải hoạt động để xây dựng một nền

kinh tế và tài chính vững vàng và thịnh vượng. Chính phủ nhân dân và tôi sẽ tận tâm giúp giới Công - Thương trong công cuộc kiến thiết này". Người nhấn mạnh, nền kinh tế quốc dân thịnh vượng nghĩa là các sự kinh doanh của các nhà công nghiệp, thương nghiệp thịnh vượng. Các nhà công nghiệp, thương nghiệp hãy cùng đem vốn vào làm những công cuộc ích quốc lợi dân.

- Trong lĩnh vực nông nghiệp, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Nước muốn giàu mạnh thì phải phát triển nông nghiệp", "Chúng ta phải quý mỗi tấc đất như một tấc vàng". Người khuyến khích: "Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy vào nông nghiệp một phần lớn. Nông dân ta giàu thì nước ta giàu. Nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh. Nông dân muốn giàu, nông nghiệp muốn thịnh, thì cần phải có hợp tác xã".

- Theo Người, "muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển công nghiệp nhưng đồng thời cũng phải phát triển nông nghiệp, vì hai ngành đó khăng khít với nhau... Nếu ngành công nghiệp phát triển mà ngành nông nghiệp không phát triển thì khập khễnh như người đi một chân". Xuất phát từ điều kiện nước ta, sản xuất nông nghiệp có một vị trí hết sức quan trọng, Người chủ trương phải cải tạo và phát triển nông nghiệp thì mới có cơ sở để phát triển các ngành kinh tế khác, để tạo điều kiện cho việc công nghiệp hóa nước nhà.

- "Nhân dân ta, đặc biệt là công nhân và nông dân ta, phải hăng hái thi đua yêu nước, thực hiện khẩu hiệu: làm nhiều, nhanh, tốt, rẻ". "Tự lực cánh sinh, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm". Có sự chung sức, đồng lòng của toàn Đảng, toàn xã hội, như vậy mới phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thúc đẩy sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày càng thắng lợi.

3.4. Phát huy tối đa nội lực dân tộc, tranh thủ ngoại lực, có chính sách mở cửa, thu hút đầu tư nước ngoài

- Vấn đề nội lực dân tộc là một điểm quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Với tinh thần "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta", ngay khi thời cơ đến, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, sức mạnh nội lực của hơn 20 triệu người dân Việt Nam đã được phát huy, làm nên thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng Tháng Tám, giành chính quyền về tay nhân dân.

- Sau ngày nền độc lập ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Tự lúc giành quyền độc lập đến nay, xứ Việt Nam ta vẫn hết sức cố gắng để một mặt yên nội trị, một mặt gây thực lực chống xâm lăng và tranh thủ ngoại giao được thắng lợi. Sức cố gắng ấy đã đem lại cho chúng ta những kết quả khả quan". Điều này đã nói lên tinh thần, quan điểm, đường lối của Đảng và Bác Hồ trong

xây dựng và bảo vệ đất nước là phát huy tối đa các nguồn lực bên trong, tranh thủ nguồn lực bên ngoài, có chính sách mở cửa, hỗ trợ phát triển nền kinh tế nhằm tạo nội lực dân tộc vững mạnh.

- Người tuyên bố: "Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực", "Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình".

- Quan điểm của Người trong việc mở cửa, hợp tác quốc tế không chỉ nhằm mục đích nhận được sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế, mà thông qua đó thu hút ngoại lực, thu hút đầu tư, tạo ra những điều kiện phát huy tiềm năng của đất nước, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân. Các nước bạn giúp ta cũng như thêm vốn cho ta, do vậy phải sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài. Ta phải khéo dùng cái vốn ấy để bồi bổ lực lượng, phát triển khả năng của ta, tức là có thêm điều kiện để tự lực cánh sinh.

- Ngay từ cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ vấn đề này trong đường lối kháng chiến, đường lối kiến thiết đất nước. Người chỉ rõ phải phát triển toàn diện kinh tế từ nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp tới phát triển dịch vụ, mở rộng giao lưu kinh tế với các nước, trước hết là các nước anh em, các nước xã hội chủ nghĩa. Suốt cuộc kháng chiến, mặc dù tình hình thế giới diễn biến phức tạp, song Người vẫn cố gắng mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước bạn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. "Cuộc kháng chiến lâu dài của chúng ta được thắng lợi là do nơi chúng ta động viên kinh tế được thành công, vì chúng ta có biết động viên kinh tế một cách khôn khéo, thực lực của chúng ta mới được đầy đủ và bền bỉ".

- Trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ, ý chí tự lực, tự cường được khơi dậy mạnh mẽ trong toàn Đảng và nhân dân hai miền Nam - Bắc nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ thống nhất đất nước, bảo toàn nền độc độc lập, đưa cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thời gian này, chúng ta tiếp tục nhận được rất nhiều sự ủng hộ, giúp đỡ từ các nước anh em và bè bạn quốc tế. Điều này một lần nữa khẳng định quan điểm, đường lối đúng đắn của Đảng và Bác về coi trọng nội lực, khéo léo tranh thủ, tận dụng ngoại lực, xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

3.5. Luôn xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của đất nước, vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn để đưa ra những quan điểm, chủ trương phù hợp; không giáo điều, máy móc trong học tập kinh nghiệm của nước khác

- Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra trên cơ sở nhận thức khoa học, đúng đắn lý luận chủ

nghĩa Mác - Lênin, phù hợp với thực tiễn đất nước. Từ thực tiễn, hoàn cảnh nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, lại trải qua chiến tranh, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, xây dựng chủ nghĩa xã hội "không thể làm mau được mà phải làm dần dần", "làm sao cho dân giàu nước mạnh".

- Độc lập, sáng tạo trong tư duy, quan điểm, chủ trương và hành động là phong cách nổi bật của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Theo Người, xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Việt Nam phải có cách làm, bước đi và biện pháp thích hợp. "Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác… ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội".

- Chúng ta phải học tập kinh nghiệm các nước anh em và áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo. Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta.

Những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh có giá trị chỉ đạo thực tiễn và nghiên cứu lý luận về sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước theo con đường của chủ nghĩa xã hội, trở thành cơ sở, nền tảng tư tưởng đặc biệt quan trọng để Đảng đổi mới tư duy lý luận, nắm bắt thực tiễn, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, hoạch định đường lối đổi mới tại Đại hội lần thứ VI của Đảng (12/1986) và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới trong các giai đoạn cách mạng để Việt Nam có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Phần thứ hai

Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong giai đoạn hiện nay

1. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc

- Từ thuở bình minh, sơ khai trong lịch sử dân tộc, các thế hệ ông cha ta sớm đã hình thành ý chí, khát vọng phát triển quốc gia, dân tộc. Trải qua quá

trình lịch sử, ý chí, khát vọng độc lập và hùng cường dân tộc đã được nuôi dưỡng, hun đúc trở thành giá trị truyền thống, lẽ sống và sức mạnh Việt Nam, là cơ sở để khơi dậy, phát huy, nhân lên sức mạnh tổng thể, sự nỗ lực của cả dân tộc trong tiến trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ thời các vua Hùng dựng nước, đến Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa "đền nợ nước, trả thù nhà", ước vọng của Triệu Thị Trinh "đánh đuổi quân Ngô giành lại giang sơn"... Hay qua lời tuyên ngôn "Nam quốc sơn hà" của Lý Thường Kiệt, "Hịch tướng sĩ" của Trần Hưng Đạo, "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi, những chiến thắng vang dội 20 vạn quân Thanh dưới thời đại Quang Trung...

- Kế thừa truyền thống lịch sử - văn hóa của dân tộc, tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc ở Hồ Chí Minh luôn bắt nguồn từ nhận thức đúng đắn về con người, hạnh phúc của người dân, của quốc gia dân tộc, ở Việt Nam nói riêng và trên toàn thế giới nói chung.

- Người quan niệm chủ nghĩa xã hội là chế độ tốt nhất mang lại hạnh phúc cho mọi người. Hạnh phúc ấy do chính con người tạo dựng với sự lãnh đạo, định hướng của đảng cộng sản, đảng cách mạng chân chính. Hạnh phúc ấy bắt đầu từ những mục tiêu căn bản nhất, mọi người đều thoát cảnh đói nghèo, được ăn, ở, học hành, có đời sống văn hóa vật chất, tinh thần tốt đẹp, lành mạnh. Từ hạnh phúc căn bản đó mà tạo ra từng gia đình hạnh phúc, nhân rộng thành cộng đồng hạnh phúc, đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng dân tộc đã đạt nhiều kỳ tích chói lọi, làm nên Cách mạng tháng Tám, khai sinh nền độc lập, mở ra thời đại mới, kỷ nguyên mới độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội, khẳng định sự lựa chọn con đường cách mạng của Đảng và dân tộc ta là đúng đắn, phù hợp quy luật khách quan, thực tiễn đất nước và xu hướng phát triển của thời đại.

- Hiện nay, công cuộc đổi mới đã và đang mang lại những thay đổi lớn lao, mà một trong những nguyên nhân căn bản là do chúng ta biết quy tụ, khơi dậy, phát huy ý chí tự cường và khát vọng phát triển của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, trở thành nguồn sức mạnh nội sinh to lớn, tiếp tục phục vụ đắc lực sự nghiệp cách mạng dân tộc trong giai đoạn mới.

- Bài học kinh nghiệm quý giá của công cuộc đổi mới chính là dựa vào sức dân, phát huy tinh thần và ý chí khát vọng của nhân dân trong xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường hòa bình. Thành tựu của công cuộc đổi mới trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội đã thể hiện rõ nét hiệu quả của việc phát huy ý chí, khát vọng phát triển đất nước của toàn nhân dân ta,

dân tộc ta.

Điều này đã được Đại hội XIII của Đảng khẳng định: "Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt cả về vật chất và tinh thần. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay".

- Có thể nói, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã và đang, tiếp tục là điểm tựa quan trọng để Đảng và Nhà nước ta hoạch định đường lối chiến lược phát triển đất nước trong bối cảnh quốc tế hiện nay, tiếp tục dẫn dắt dân tộc tiến bước trên con đường phát triển và tiến bộ xã hội.

2. Bối cảnh thời đại và yêu cầu đặt ra phải phát huy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển đất nước của toàn dân tộc

- Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ, tình hình thế giới "tiếp tục có nhiều thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường". Đáng chú ý là vấn đề toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng cũng đang bị đe dọa bởi sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, vấn đề cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại diễn ra gay gắt…

- Trong bối cảnh thế giới phát triển phụ thuộc lẫn nhau, lợi ích quốc gia, dân tộc là nhân tố quyết định để mỗi quốc gia dân tộc tham gia vào các mối quan hệ quốc tế, hội nhập quốc tế thành công. Ngoài tiềm lực kinh tế, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển của toàn dân tộc là chỗ dựa và điều kiện căn bản, cốt lõi để mở rộng quan hệ hợp tác, hội nhập quốc tế.

- Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn đang có tác động mạnh mẽ đến Việt Nam càng đòi hỏi Việt Nam phải luôn giữ vững độc lập, tự chủ, tự cường, khát vọng phát triển để bảo vệ vững chắc môi trường hòa bình, tận dụng cơ hội và hóa giải những thách thức đối với độc lập, hòa bình và phát triển của dân tộc.

- Thực tiễn 35 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng đã thể hiện một cách sinh động ý chí, khát vọng phát triển của dân tộc ta. Những thành tựu của công cuộc đổi mới là nền tảng quan trọng giúp chúng ta củng cố niềm tin, sự quyết tâm, nỗ lực, tiếp tục thúc đẩy con đường đi lên của dân tộc. Hơn lúc nào hết, cần phát huy mạnh mẽ chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, ý chí, khát vọng phát triển của toàn dân tộc làm động lực cho sự phát triển trong giai đoạn phát triển mới.

- Đại hội XIII của Đảng đã xác định các quan điểm chỉ đạo công cuộc đổi mới hiện nay, trong đó nhấn mạnh: Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát

triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hoá, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước.

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác xây dựng Đảng, khẳng định: "Kiên định và không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong từng giai đoạn. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên định đường lối đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". "Trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ".

- Văn kiện Đại hội cũng nhấn mạnh: Kiên quyết, kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về xây dựng Đảng gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, đồng bộ để ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Thực hiện nghiêm tự phê bình và phê bình từ Trung ương đến chi bộ; cấp uỷ cấp trên chủ động gợi ý kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân ở những nơi có vấn đề phức tạp, có biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; coi trọng kiểm tra việc khắc phục hạn chế, khuyết điểm.

- Trên tinh thần đó, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nâng cao tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường dân tộc, khát vọng cống hiến, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và người dân, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và nhiệm vụ cách mạng trong các giai đoạn lịch sử.

3. Một số giải pháp đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc

Để việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời gian tới đi vào chiều sâu, chất lượng, thiết thực, cần tập trung làm tốt ba nội dung: *Học tập, làm theo Bác và nêu gương của cán bộ, đảng viên.* Nghiên cứu, thực hiện hiệu quả các giải pháp sau:

(1) Cần nhận thức sâu sắc, thấm nhuần tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Coi đây là công việc thường xuyên, không thể thiếu đối với mỗi cán bộ, đảng viên.

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về nội dung, giá trị và ý nghĩa to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Học tập và làm theo Bác để Đảng ta và mỗi đảng viên xứng đáng với vai trò, sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam và sự tin cậy của nhân dân.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, vận dụng sáng tạo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, để tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người trở thành động lực, nguồn sức mạnh to lớn để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và mọi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

(2) Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đưa nội dung làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào chương trình, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết của đảng bộ cấp mình, gắn với nhiệm vụ chính trị

- Kết hợp chặt chẽ giữa học tập với làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của mỗi địa phương, đơn vị và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; giải quyết hiệu quả các khâu đột phá và các vấn đề trọng tâm, bức xúc trong thực tiễn.

- Thực hiện đồng bộ giữa "xây" và "chống"; "xây" là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài, "chống" là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách. "Xây" là tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước; động viên cán bộ, đảng viên, nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và nghị quyết đại hội đảng của các địa phương, cơ quan, đơn vị đã đề ra.

"Chống" là đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; phê phán, xử lý nghiêm những việc làm sai trái, thiếu trách nhiệm, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với tinh thần không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không ngừng nghỉ, không bị tác động bởi bất cứ tổ chức, cá nhân có hành vi không lành mạnh nào. Nâng cao tính cảnh tỉnh, răn đe đối với những tư tưởng, biểu hiện tiêu cực; khuyến khích, cổ vũ cán bộ, đảng viên suy nghĩ, hành động vì lợi ích chung, vì hạnh phúc của nhân dân, làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh.

(3) Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, lôi cuốn sự vào cuộc của toàn xã hội

- Đẩy mạnh tuyên truyền, gắn việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước của các cấp, các ngành, nhằm lan tỏa, khơi dậy tinh thần cống hiến, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Làm cho mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc và tự giác thực hiện bổn phận, trách nhiệm của bản thân, gắn bó chặt chẽ, liên hệ mật thiết với nhân dân, "trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân", thực hiện có hiệu quả phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng", làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội.

- Nghiên cứu tổ chức cuộc vận động "Toàn Đảng, toàn dân khơi dậy khát vọng phát triển đất nước", với quyết tâm "sánh vai với các cường quốc" như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Phát huy vai trò của báo chí và hệ thống thông tin đại chúng, đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong công tác tuyên truyền.

(4) Nêu cao trách nhiệm nêu gương trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường dân tộc, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh trong cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu

- Đề cao việc phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, trước hết là các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng theo phương châm cán bộ có chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, khẳng định vai trò lãnh đạo, tính tiên phong, gương mẫu "trên trước, dưới sau", "đảng viên đi trước, làng nước theo sau".

- Lãnh đạo chủ chốt các cấp phải thể hiện tư tưởng vững vàng, quan điểm đúng đắn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, hết lòng vì nước, vì dân; có phong cách lãnh đạo khoa học, dân chủ, sâu sát thực tiễn, thật sự là hạt nhân đoàn kết, quy tụ, tạo động lực và phát huy trí tuệ tập thể; luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, toàn diện, công tâm, công khai, minh bạch, chính xác, chống cục bộ địa phương, bè phái trong công tác cán bộ. Nghiêm túc tự phê bình và phê bình, thấy đúng phải cương quyết bảo vệ, thấy sai phải quyết liệt đấu tranh.

- Mỗi cán bộ, đảng viên cần phát huy vai trò nêu gương trong xây dựng ý chí, khát vọng phát triển của bản thân và của cơ quan, đơn vị. Không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng, tự giác nêu gương cần, kiệm, liêm, chính, lao động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách

nhiệm. Mỗi cán bộ, đảng viên tự nêu gương sáng, hàng triệu đảng viên là những tấm gương sáng, toàn Đảng ta sẽ thực sự trong sạch, vững mạnh, gắn bó máu thịt với nhân dân. Đây là điều kiện tiên quyết để khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong Đảng và xã hội.

(5) Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức cách mạng phù hợp với điều kiện mới, làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự giác tu dưỡng, rèn luyện. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấy rõ bổn phận và trách nhiệm của mình, nêu cao bản lĩnh chính trị, đấu tranh có hiệu quả với mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, bệnh quan liêu, cơ hội, cục bộ, bè phái, lợi ích nhóm, mất đoàn kết nội bộ, chống suy thoái về chính trị tư tưởng, nâng cao ý thức tu dưỡng, "nói đi đôi với làm", "rèn luyện suốt đời", thường xuyên "tự soi", "tự sửa".

(6) Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, theo hướng khoa học, sáng tạo, hiện đại và gắn lý luận với thực tiễn, phù hợp với từng đối tượng. Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, quản lý. Khuyến khích sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

(7) Nâng cao tính khoa học, tính chiến đấu trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị, chủ động thông tin kịp thời, chính xác, khách quan, đúng định hướng chính trị để phòng, chống "diễn biến hòa bình", loại thông tin xấu, độc trên internet, mạng xã hội, để cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng đắn, tích cực tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, làm cho tư tưởng tiến bộ thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, có tác dụng uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, bồi đắp thế giới quan, phương pháp luận và niềm tin khoa học trong mỗi cán bộ, đảng viên và người dân, củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.

(8) Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị 05 gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI, XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhằm cảnh tỉnh, cảnh báo, phát hiện từ sớm, kịp thời ngăn chặn vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm cho việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được thực hiện nghiêm túc, thực sự đi vào nền nếp, thực chất, hiệu quả.

- Phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và nhân dân đối với cán bộ, đảng viên trong thực hiện quy định nêu gương. Xử lý kiên quyết, nghiêm minh các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên vi phạm. Khen thưởng, biểu dương, động viên kịp thời những mô hình hay, các điển hình tiên tiến, tấm gương tiêu biểu.

KẾT LUẬN

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc là sự vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong công cuộc đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ sự nghiệp đổi mới đất nước, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Thực hiện tốt chuyên đề ***"Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc"*** là một giải pháp hữu hiệu, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ Đại hội XIII của Đảng đã đề ra. Đây là việc làm thiết thực để mỗi cán bộ, đảng viên phát huy cao độ ý thức, trách nhiệm, tinh thần cống hiến, lao động sáng tạo, phụng sự Tổ quốc, phụng sự dân tộc, phục vụ nhân dân, tiếp tục phát triển sự nghiệp cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại, xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc, làm tiền đề căn bản hướng đến năm 2045, khi nước ta kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ đạt mục tiêu "trở thành nước phát triển, thu nhập cao" như Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đề ra.

Chuyên đề 5

NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ TỪ THỰC TIỄN GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ BIÊN SOẠN MỚI THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 94-KL/TW, NGÀY 28/3/2014 CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

I. Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân

Vừa qua, Ban Bí thư đã nghe Ban Tuyên giáo Trung ương báo cáo về Đề án tiếp tục đổi mới giảng dạy, học tập các môn lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân (Tờ trình số 148-TTr/BTGTW, ngày 07-10-2013). Ban Bí thư đã cơ bản tán thành với nội dung Đề án, đồng thời nhấn mạnh, lưu ý một số vấn đề sau:

1. Tiếp tục đổi mới việc học tập (bao gồm cả nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, xây dựng đội ngũ giáo viên…) lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân có tầm quan trọng chiến lược, cần đặt trong tổng thể của việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân nhằm tạo bước tiến mới, có kết quả, chất lượng cao hơn, góp phần làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội; bảo đảm thế hệ trẻ Việt Nam luôn trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng và với chế độ ta.

Học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân là giáo dục những vấn đề cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng; sát với thực tiễn, không máy móc, giáo điều, khô cứng; gắn với chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Các vấn đề đến nay không còn phù hợp thì không đưa vào nội dung học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Phương pháp giảng dạy và học tập phải sinh động, mềm dẻo, có thực tiễn và phù hợp với từng cấp; tạo được sự hứng thú và có trách nhiệm cho người dạy và người học; người học thích đọc hơn, có trách nhiệm phải học; người dạy có hứng thú hơn, có trách nhiệm cao hơn.

3. Nội dung chương trình học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân phải tập trung xây dựng cho tốt, phù hợp cho từng đối tượng

học, từng cấp học, bậc học từ thấp đến cao (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, dạy nghề, trung học chuyên nghiệp; cao đẳng, đại học không chuyên về lý luận chính trị; đại học chuyên ngành lý luận chính trị…). Phân định rõ nội dung học tập lý luận chính trị ở từng cấp học, bậc học, tránh trùng lắp, học đi học lại nhiều lần ở nhiều cấp học (đại học, cao đẳng phải khác với trung học chuyên nghiệp, phổ thông; đại học chuyên ngành lý luận chính trị phải khác với đại học, cao đẳng không chuyên ngành…); đồng thời, bảo đảm tính liên thông.

Đối với học sinh phổ thông, dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cần chú ý học tập về đạo đức, giáo dục công dân, đạo đức nghề nghiệp; trong đó, chú trọng hình ảnh nhân sinh quan, thế giới quan theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đối với học sinh đại học, cao đẳng, phải xây dựng thành các bài giảng chung, tổng hợp về các vấn đề cơ bản nhất về chủ nghĩa Mác - Lênin, trọng tâm là về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, gắn với tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng hiện nay. Riêng học sinh đại học chuyên ngành lý luận chính trị, học viên trường chính trị, đoàn thể và lực lượng vũ trang cần học tập các môn lý luận chính trị sâu rộng, đầy đủ hơn, phù hợp với yêu cầu đào tạo.

4. Đổi mới mạnh mẽ việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên lý luận chính trị, bảo đảm sát hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân. Xây dựng cho được đội ngũ giáo viên lý luận chính trị tâm huyết, yêu nghề, tuyệt đối trung thành, có niềm tin, có kiến thức mới gắn với thực tiễn. Đây là nhân tố quyết định sự thành công của việc tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong nhà trường.

5. Tăng cường quản lý, chỉ đạo công tác học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân. Xác định rõ lý luận chính trị là môn chính bắt buộc, có thi cử, kiểm tra nghiêm túc, chặt chẽ. Sớm bố trí 1 đơn vị chuyên trách cấp vụ trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1 phòng chuyên trách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để giúp chỉ đạo và quản lý việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân; mỗi trường đại học, cao đẳng phải có một đơn vị chuyên trách quản lý việc học tập lý luận chính trị trong nhà trường.

6. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Chính phủ, Ban cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tổ chức Trung ương, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí minh… chỉ đạo rà soát, xây dựng hệ thống chương trình học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân; xác định rõ thời hạn cụ thể để hoàn thành xây dựng chương trình học tập lý luận chính trị cho từng cấp học, bậc học.

Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đôn đốc, hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Kết luận này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

II. Hướng dẫn Công tác nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị; thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và tăng cường tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng và lịch sử đảng bộ địa phương năm 2021

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn thực hiện công tác nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị; thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và tăng cường tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng và lịch sử đảng bộ địa phương năm 2021, như sau:

1. Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt sâu rộng, triển khai kịp thời các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, văn kiện đại hội đảng bộ các cấp ở địa phương; thông tin lý luận và thực tiễn mới

- Ban tuyên giáo các cấp chủ động tham mưu cho cấp ủy xây dựng đề án, kế hoạch tổ chức quán triệt, nghiên cứu, học tập và triển khai, tuyên truyền kịp thời, sâu rộng các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các nghị quyết Hội nghị Trung ương khóa XIII trong năm 2021 (*sẽ có hướng dẫn cụ thể*), văn kiện đại hội đảng bộ các cấp ở địa phương, cơ quan, đơn vị trong Đảng và nhân dân; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, triển khai và tuyên truyền các nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

- Ban tuyên giáo các cấp, trung tâm chính trị cấp huyện tham mưu cho cấp ủy tổ chức thông tin những vấn đề lý luận mới và thực tiễn đang đặt ra hiện nay với nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với điều kiện của địa phương, cơ quan, đơn vị. Chú trọng thông tin những thành tựu trong công tác lý luận qua 35 năm đổi mới; đánh giá 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991; những vấn đề thực tiễn đang đặt ra đối với địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Tăng cường thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

- Cấp ủy các cấp tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập và

làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Việc triển khai Chỉ thị 05-CT/TW gắn với các phong trào thi đua, hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, địa phương, ngành: Kỷ niệm 110 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (05/6/1911 - 05/6/2021); 80 năm Ngày Bác Hồ về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (28/01/1941 - 28/01/2021); Kỷ niệm 110 năm Ngày sinh Đại tướng Võ Nguyên Giáp (25/8/1911 - 25/8/1921); Kỷ niệm năm tròn ngày thành lập, ngày truyền thống của bộ, ngành, địa phương và kỷ niệm ngày sinh, ngày mất của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam, danh nhân văn hóa.

- Tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, phương hướng, giải pháp tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng (*sẽ có hướng dẫn riêng*).

- Trong các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp, chương trình, kiểm tra, giám sát hằng năm cần chú trọng đưa nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng đạo đức, văn hóa trong Đảng; chủ động tham mưu, đề xuất cho cấp ủy giải quyết, xử lý những vụ việc, vấn đề gây bức xúc, nổi cộm, thu hút sự quan tâm của dư luận xã hội, những nội dung đột phá cho toàn khóa và từng năm đối với địa phương, ban, ngành, cơ quan, đơn vị để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có kết quả cụ thể và giải quyết dứt điểm.

- Phát huy vai trò gương mẫu, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Xây dựng kế hoạch, đăng ký làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để chi bộ, các tổ chức chính trị - xã hội giám sát việc thực hiện và làm cơ sở để đánh giá kết quả công tác hằng năm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

- Tiếp tục rà soát các chuẩn mực đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp theo nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với từng ngành, lĩnh vực và phù hợp với các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, văn bản pháp quy của Nhà nước, quy định hiện hành của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Nghiên cứu, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nghiên cứu, học tập, làm theo những nội dung cơ bản của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh phù hợp với điều kiện của địa phương. Đa dạng các hình thức tổ chức tọa đàm, hội thảo; sinh hoạt chuyên đề; hội thi; triển lãm; sân khấu hóa; biên soạn tài liệu; phim ngắn... để tăng cường tuyên truyền, phổ biến tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong Đảng và trong nhân dân trên phương tiện thông tin đại chúng, Internet, mạng xã hội.

- Tiếp tục đổi mới và tăng cường tuyên truyền về những điển hình tiên tiến, mô hình hay, kinh nghiệm tốt, cách làm hiệu quả trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo cơ quan báo chí, đài phát thanh - truyền hình đẩy mạnh các chuyên trang, chuyên mục, tăng dung lượng, thời lượng đưa tin, phát sóng về gương người tốt, việc tốt, mô hình triển khai hiệu quả việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW. Đài Truyền hình Việt Nam và đài phát thanh - truyền hình các địa phương, ngành tiếp tục xây dựng các phóng sự, phim ngắn về các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, mạng xã hội.

- Ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tham mưu cho cấp ủy kiện toàn ban chỉ đạo, hội đồng xét chọn giải thưởng sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị văn hóa, đơn vị biểu diễn nghệ thuật chủ động, tích cực tuyên truyền, quảng bá tác phẩm, ấn phẩm về chủ đề học tập và làm theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhất là những tác phẩm, ấn phẩm có giá trị, tạo sức lan tỏa trong xã hội. Tăng cường cung cấp thông tin về điển hình, mô hình tiêu biểu; giao lưu, đi thực tế, tổ chức trại sáng tác, tạo điều kiện cho văn nghệ sỹ, nhà báo sáng tác, quảng bá. Tổ chức xét chọn, trao giải ở địa phương và gửi tham gia Giải thưởng của Trung ương giai đoạn 2020 - 2025.

- Lựa chọn, giới thiệu những điển hình tiêu biểu, mô hình hay, cách làm hiệu quả gửi tham gia Triển lãm "Những tấm gương bình dị mà cao quý" năm 2021.

3. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch

- Bám sát tinh thần Nghị quyết 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về *"công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030"*; Hướng dẫn số 02-HD/TW, ngày 08/02/2018 của Ban Bí thư về *"tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận";* trên cơ sở các văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và văn kiện của Đại hội đảng bộ cấp tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025, ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tham mưu cho cấp ủy xây dựng chương trình, kế hoạch tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận giai đoạn 2021-2025 phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và điều kiện của địa phương, ngành.

- Trong tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, đề nghị nâng cao hiệu

quả thực hiện Quy định số 285-QĐ/TW, ngày 25/4/2015 của Bộ Chính trị khóa XI về "*dân chủ trong nghiên cứu lý luận chính trị trong các cơ quan đảng, nhà nước*"; Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư khóa XII "*về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới*".

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII "*về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới".* Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo chính xác tình hình, xác định mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, khả thi để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đổi mới nội dung, thông tin, tuyên truyền, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới đất nước trong bối cảnh mới.

- Ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tăng cường chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan có liên quan có các hình thức chia sẻ, cung cấp thông tin, công bố những công trình tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, đặc biệt là những công trình nghiên cứu đưa ra các giải pháp cho các vấn đề mới, nóng gắn liền với quá trình đổi mới phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước và các địa phương, đơn vị; tăng cường gắn kết giữa nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn với các giải pháp triển khai trên thực tế.

4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị

4.1. Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở

- Ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tham mưu cho cấp ủy xây dựng đề án, kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị tại các trung tâm chính trị cấp huyện; đổi mới nội dung, hình thức giáo dục lý luận chính trị, nghiên cứu bổ sung các giải pháp mới, xây dựng các nội dung ngắn gọn, có hình thức truyền thông phong phú, hấp dẫn trên internet, mạng xã hội... ; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các trung tâm chính trị cấp huyện thực hiện tốt chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.

- Ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tăng cường chỉ đạo, phối hợp với sở giáo dục và đào tạo, đoàn thanh niên cấp tỉnh giáo dục chính trị cho đoàn viên, thanh niên và thế hệ trẻ; phát huy vai trò

của thế hệ trẻ trong nghiên cứu, đề xuất và tuyên truyền về giáo dục chính trị, phát động các phong trào học tập, chia sẻ các bài học về lý luận chính trị trên internet, mạng xã hội…

- Các trung tâm chính trị cấp huyện thực hiện nghiêm túc việc giảng dạy các chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương; chủ động bổ sung, cập nhật kiến thức theo quan điểm mới các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng; đồng thời gắn nội dung bài giảng với điều kiện thực tế ở cấp huyện, cấp xã, với nhiệm vụ tuyên truyền, dân vận ở cơ sở thiết thực, hiệu quả. Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở. Chú trọng tới những nội dung phù hợp tình hình mới và yêu cầu cụ thể của từng địa phương, vùng, miền; vừa bổ sung kiến thức, vừa giải đáp những vấn đề thực tiễn mới đặt ra; bổ sung yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong các bài giảng. Tùy vào điều kiện thực tế, linh hoạt vận dụng nhiều hình thức khác nhau phù hợp với từng đối tượng, vùng miền, như: tổ chức lớp học theo hình thức tập trung và không tập trung; mở lớp tại cơ sở (theo cụm xã, thị trấn, phường)...

- Ban Tuyên giáo Trung ương sẽ chủ trì tổ chức biên soạn lại chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị giảng dạy tại trung tâm chính trị cấp huyện theo tinh thần nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (chương trình sơ cấp lý luận chính trị - hành chính; chương trình lý luận chính trị dành cho học viên lớp đối tượng kết nạp Đảng; chương trình bồi dưỡng đảng viên mới). Trong khi chưa có tài liệu mới, đề nghị ban tuyên giáo cấp tỉnh, trung tâm chính trị cấp huyện thực hiện theo các hướng dẫn trước đây và chủ động bổ sung, cập nhật các quan điểm, nội dung mới của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào bài giảng. Khi có chương trình mới, Ban Tuyên giáo Trung ương sẽ có hướng dẫn cụ thể *(có phụ lục kèm theo)*.

4.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trung tâm chính trị cấp huyện

- Ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tăng cường phối hợp với các cơ quan liên quan, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy cho giảng viên của các trung tâm chính trị cấp huyện, với nhiều hình thức khác nhau: hội nghị, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm, hội thi hoặc tổ chức thao giảng giảng viên lý luận chính trị giỏi. Chú ý những nội dung cơ bản, mới được đề cập trong các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và của văn kiện đại hội đại biểu đảng bộ cấp tỉnh; về thành tựu của công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững

chủ quyền quốc gia. Các địa phương, cơ sở chủ động tổ chức hội thi hoặc thao giảng giảng viên lý luận chính trị giỏi. Cuối năm 2021, đầu năm 2022, Ban Tuyên giáo Trung ương dự kiến sẽ tổ chức Hội thi giảng viên lý luận chính trị giỏi cấp khu vực và toàn quốc (*sẽ có kế hoạch và hướng dẫn riêng*).

- Cấp ủy tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên trung tâm chính trị cấp huyện tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học, phục vụ công tác giảng dạy. Ưu tiên cho các giảng viên của trung tâm chính trị cấp huyện đăng ký đề tài, đề án nghiên cứu khoa học, hoặc công bố sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy lý luận chính trị; tham gia vào công tác sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án, nghị quyết và xây dựng các chương trình, đề án thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ cấp huyện các khóa...

4.3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về nội dung đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị

Ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục lý luận chính trị; định kỳ 03 tháng, 06 tháng tổng hợp kết quả kiểm tra, gửi báo cáo về Ban Tuyên giáo Trung ương. tập trung các nội dung sau:

- Đối với các trung tâm chính trị cấp huyện: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị; việc thực hiện nền nếp bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên; chất lượng giảng dạy các chương trình lý luận chính trị; phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; công tác quản lý học viên; công tác nghiên cứu khoa học.

- Đối với trường chính trị cấp tỉnh và hệ thống trường học trong hệ thống giáo dục quốc dân tại các địa phương trực thuộc Trung ương: Kiểm tra, giám sát về chính trị, tư tưởng trong giảng dạy lý luận chính trị, khoa học xã hội, nhất là kiểm tra việc tổ chức triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác giáo dục lý luận chính trị của Đảng, như: Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân; Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030; Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng; Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác -

Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới…

- Đối với hệ thống báo chí địa phương: Kiểm tra việc định hướng nội dung tuyên truyền về lý luận chính trị trên đài phát thanh - truyền hình, báo, tạp chí... Trọng tâm: kết quả và công tác triển khai thực hiện các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và kết quả và công tác triển khai thực hiện các văn kiện đại hội đảng bộ địa phương, cơ sở; tuyên truyền về những nội dung cơ bản, mới của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; mô hình mới, cách làm sáng tạo trong triển khai, học tập quán triệt thực hiện các chỉ thị, nghị quyết Trung ương, nghị quyết đại hội đảng bộ cấp tỉnh; phát hiện, biểu dương những cán bộ, đảng viên gương mẫu; đồng thời phản ánh kết quả và những cố gắng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của địa phương, đơn vị, nhất là việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, thu hút sự quan tâm của nhân dân, tạo không khí phấn khởi, thi đua chào mừng các ngày lễ lớn và sự kiện quan trọng của đất nước trong năm 2021.

4.4. Kiện toàn và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của phòng lý luận chính trị và lịch sử đảng, trung tâm chính trị cấp huyện

- Các địa phương cần tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của phòng lý luận chính trị và lịch sử đảng trong ban tuyên giáo cấp tỉnh theo Quy định số 04-QĐ/TW, ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc tỉnh ủy, thành ủy và các văn bản hiện hành.

- Ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai Kết luận số 66-KL/TW, ngày 08/11/2019 của Ban Bí thư khóa XII về tổng kết việc thực hiện Quy định số 185-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Quy định số 208-QĐ/TW, ngày 08/11/2019 của Ban Bí thư khóa XII về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm chính trị cấp huyện và các văn bản hướng dẫn của Trung ương về 02 văn bản này (*Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương sẽ ban hành hướng dẫn cụ thể*).

- Triển khai đề án xây dựng trung tâm chính trị cấp huyện đạt chuẩn theo tinh thần Kết luận số 66-KL/TW, ngày 08/11/2019 của Ban Bí thư khóa XII (*sẽ có hướng dẫn cụ thể*).

5. Công tác định hướng tư tưởng, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng

- Ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tiếp tục chỉ đạo và tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng trên

địa bàn, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ với phương pháp, cách thức đa dạng, phù hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới theo tinh thần Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng và Hướng dẫn số 102-HD/BTGTW, ngày 30/9/2019 của Ban Tuyên giáo Trung ương về triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng".

- Ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội nghiên cứu, xây dựng nội dung lịch sử đảng bộ địa phương, lồng ghép vào giảng dạy trong chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp.

- Ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương phối hợp với trường chính trị tỉnh, thành phố nghiên cứu, đưa nội dung lịch sử đảng bộ cấp tỉnh vào giảng dạy trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng của trường chính trị tỉnh, thành phố. Ban tuyên giáo cấp huyện phối hợp với trung tâm chính trị cấp huyện nghiên cứu đưa lịch sử đảng bộ cấp huyện vào giảng dạy trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hoặc xây dựng một chuyên đề riêng để giảng dạy.

6. Giao ban, tập huấn công tác lý luận chính trị

- Định kỳ hàng quý, ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tiến hành giao ban công tác lý luận chính trị. Nội dung và hình thức tổ chức giao ban phù hợp với đặc điểm từng địa phương, cơ sở; báo cáo kết quả về Ban Tuyên giáo Trung ương.

- Ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy chủ động tổ chức các lớp tập huấn về công tác lý luận chính trị cho giảng viên các trung tâm chính trị cấp huyện theo tài liệu mới ban hành.

Căn cứ vào Hướng dẫn này, ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện công tác nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị; thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và tăng cường tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng và lịch sử đảng bộ địa phương năm 2021.

Trong quá trình thực hiện, nếu vướng mắc, đề nghị các địa phương, đơn vị phản ánh về Ban Tuyên giáo Trung ương (qua Vụ Lý luận chính trị) để kịp thời điều chỉnh.

PHỤ LỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ NĂM 2021

1. Thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cơ bản

1.1. *Chương trình Sơ cấp lý luận chính trị,* thực hiện theo Hướng dẫn số 65-HD/BTGTW, ngày 11/12/2012 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện chương trình Sơ cấp lý luận chính trị. Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành. Hiện nay, Ban Tuyên giáo Trung ương đang tiến hành sửa chữa, bổ sung. Khi ban hành Ban sẽ có hướng dẫn cụ thể sau.

1.2. C*hương trình lý luận chính trị dành cho học viên lớp đối tượng kết nạp Đảng*, thực hiện theo Hướng dẫn số 10-HD/BTGTW, ngày 30/9/2016 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện chương trình học tập lý luận chính trị dành cho học viên lớp đối tượng kết nạp Đảng. Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành.

1.3. *Chương trình học tập lý luận chính trị dành cho đảng viên mới*, thực hiện theo Hướng dẫn số 11-HD/BTGTW ngày 30/9/2016 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện chương trình học tập lý luận chính trị dành cho đảng viên mới. Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành.

(*Theo Kế hoạch, trong năm 2021, Ban Tuyên giáo Trung ương sẽ tiến hành sửa chữa, bổ sung 03 chương trình trên. Khi ban hành chương trình mới, Ban Tuyên giáo Trung ương sẽ có hướng dẫn cụ thể sau*).

2. Thực hiện các chương trình bồi dưỡng chuyên đề

2.1. Chuyên đề *"Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam"*, thực hiện theo Hướng dẫn số 40-HD/BTGTW ngày 01/9/2017 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện chương trình bồi dưỡng chuyên đề *"Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam"* dành cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành.

2.2. Chuyên đề *"Giáo dục đạo đức cách mạng trong thời kỳ mới"*, thực hiện theo Hướng dẫn số 41-HD/BTGTW ngày 01/9/2017 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện chương trình bồi dưỡng chuyên đề *"Giáo dục đạo đức cách mạng trong thời kỳ mới"* dành cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành.

2.3. Chuyên đề *"Hội nhập quốc tế"*, thực hiện theo Hướng dẫn số 42-

HD/BTGTW ngày 01/9/2017 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện chương trình bồi dưỡng chuyên đề *"Hội nhập quốc tế"* dành cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành.

2.4. Chuyên đề *"Vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo",* thực hiện theo Hướng dẫn số 43-HD/BTGTW ngày 01/9/2017 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện chương trình bồi dưỡng chuyên đề *"Vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo"* dành cho cán bộ, đảng viên. Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành.

2.5. Chuyên đề *"Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc"*, thực hiện theo Hướng dẫn số 44-HD/BTGTW ngày 01/9/2017 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện chương trình bồi dưỡng chuyên đề *"Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc"* dành cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành.

2.6. Chuyên đề *"Tư tưởng Hồ Chí Minh"*, thực hiện theo Hướng dẫn số 45-HD/BTGTW ngày 01/9/2017 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện chương trình bồi dưỡng chuyên đề *"Tư tưởng Hồ Chí Minh"* dành cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành.

3. Thực hiện các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ

3.1. Chương trình *"Bồi dưỡng công tác đảng cho bí thư chi bộ và cấp uỷ viên cơ sở",* thực hiện theo Hướng dẫn số 12-HD/BTGTW, ngày 30/9/2016 về thực hiện chương trình *"Bồi dưỡng công tác đảng cho bí thư chi bộ và cấp uỷ viên cơ sở"*. Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành.

3.2. Chương trình *"Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy lý luận chính trị cho giảng viên Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện"*, thực hiện theo Hướng dẫn số 61-HD/BTGTW ngày 17/11/2008 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện chương trình "*Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy lý luận chính trị"* dành cho giảng viên giảng dạy các chương trình lý luận chính trị tại các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện. Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành.

3.3. Chương trình *"Bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên giáo lĩnh vực nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị"*, thực hiện theo Hướng dẫn số 58- HD/ BTGTW ngày 31/8/2012 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện chương trình*"Bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên giáo lĩnh vực nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị"*. Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành.

3.4. Chương trình *"Bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên truyền miệng"* thực hiện theo Hướng dẫn số 100-HD/BTGTW ngày 20/9/2019 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện chương trình*"Bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên truyền miệng"*. Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành.

3.5. Chương trình *"Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tuyên giáo cơ sở",* thực hiện theo Hướng dẫn số 101-HD/BTGTW ngày 20/9/2019 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện chương trình*"Bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên giáo cơ sở"*. Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành.

4. Thực hiện các chương trình lý luận chính trị và nghiệp vụ công tác đoàn thể

Thực hiện Chương trình *chuyên đề bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ dành cho cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở* theo Hướng dẫn số 69-HD/BTGTW ngày 09/10/2018 của Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn thực hiện chương trình chuyên đề bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ công tác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành.

5. Thực hiện chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên các cấp

Chương trình *"Bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở"* thực hiện theo Hướng dẫn số 103-HD/BTGTW ngày 30/9/2019 của Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn học tập tài liệu tham khảo bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở. Tài liệu do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành. Đồng thời, chủ động bổ sung những nội dung thiết thực, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đang đặt ra ở địa phương, cơ sở.

Chuyên đề 6
NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2021-2022 CỦA NGÀNH GIÁO DỤC TỈNH SÓC TRĂNG

I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục triển khai thực hiện các kế hoạch đã được Uỷ ban nhân dân (UBND) tỉnh phê duyệt như:

- Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 01/8/2018 của UBND tỉnh thực hiện xã hội hóa phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2018-2021, định hướng đến năm 2025; thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025.

- Kế hoạch số 494/KH-UBND ngày 27/02/2019 của UBND tỉnh sắp xếp mạng lưới trường lớp mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến năm học 2020-2021, định hướng đến năm 2030 gắn với xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia một cách hợp lý, hiệu quả. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục.

- Đồng thời tiếp tục tham mưu xây dựng Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2021-2025 và Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non, phổ thông gắn với xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025.

2. Phối hợp với các cấp chính quyền, đoàn thể huy động trẻ em và học sinh ra lớp, đặc biệt là giáo dục mầm non để đạt chỉ tiêu được giao, tiếp tục quan tâm đến công tác duy trì sĩ số ở cấp học phổ thông.

3. Tăng cường các giải pháp hữu hiệu để nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục ở các cấp, trong đó lưu ý:

a) Đối với giáo dục mầm non: Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục phù hợp với điều kiện của địa phương, khả năng của trẻ; hướng tới việc phát triển các phẩm chất, năng lực và liên thông với giáo dục tiểu học; quan tâm đối với các trường, nhóm, lớp ngoài công lập.

b) Đối với giáo dục phổ thông:

- Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 6.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng đơn vị.

- Tăng cường tổ chức dạy 2 buổi/ngày, tiếp tục phát triển loại hình trường bán trú ở những nơi có điều kiện, quan tâm đến việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là môn Ngoại ngữ, Tin học cấp tiểu học; quan tâm đầu tư bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi quốc gia. Khuyến khích triển khai cho học sinh lớp 1 và lớp 2 làm quen với chương trình tiếng Anh tự chọn ở nơi có đủ điều kiện.

- Tăng cường công tác quản lý giáo dục dân tộc; tập trung nâng cao chất lượng và rà soát thực trạng phát triển của hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Quản lý chặt chẽ về dạy thêm, học thêm đối với tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông không đúng quy định trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

4. Thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; nâng cao chất lượng tư vấn nghề, thực hiện kết hợp dạy văn hóa phổ thông với dạy nghề. Khuyến khích học sinh chuyển sang học trung cấp nghề hoặc học theo hệ giáo dục thường xuyên nếu chưa đủ điều kiện về học lực cũng như hoàn cảnh gia đình.

5. Quan tâm đến việc quản lý tốt cơ sở vật chất của nhà trường, khai thác hiệu quả trang thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học đã được đầu tư, tăng cường thực hành, thí nghiệm..., chú ý đến việc bảo quản nhà vệ sinh và công trình nước sạch trong các cơ sở giáo dục, tăng cường giáo dục vệ sinh môi trường, phòng chống rác thải nhựa.

6. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, chú trọng phát triển nguồn nhân lực, thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên đáp ứng nhu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trong đó chú trọng đến việc đào tạo đạt chuẩn và nâng chuẩn của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông theo lộ trình của Luật Giáo dục 2019. Thực hiện tinh giản biên chế đúng quy định. Tiếp tục tuyển dụng viên chức, nhân viên trong năm 2021 đối với những vị trí còn thiếu.

7. Quan tâm đến giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh, sinh viên theo Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ; tăng

cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quản lý, giáo dục học sinh; Chú trọng xây dựng môi trường giáo dục học đường lành mạnh, dân chủ, kỷ cương.

8. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục, chú trọng đến việc kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ trong trường học, công tác quản lý, công tác tài chính, thực hiện chương trình giáo dục,… Tập trung giải quyết dứt điểm các đơn thưa khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định.

9. Đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch Covid-19, đảm bảo an toàn thực phẩm, an ninh, an toàn trường học, bạo lực học đường, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, xâm hại trẻ em, phòng, chống đuối nước cho học sinh.

10. Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông về các hoạt động lớn của ngành và triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 6 để người dân hiểu, đồng thuận và chia sẻ với ngành.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐỐI VỚI TỪNG LĨNH VỰC

1. Giáo dục Mầm non

- Quy hoạch mạng lưới trường lớp và cơ sở vật chất:

+ Tiếp tục quy hoạch các điểm trường cho phù hợp, tạo điều kiện cho trẻ đi học gần nhà;

+ Xã phường có đông dân cư, trẻ em có thể phát triển thêm trường, hoặc nhóm lớp tư thục, đảm bảo 1 trường không vượt quá quy mô 20 nhóm lớp theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 (hiện tại còn nhiều trường trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu, huyện Mỹ Xuyên);

+ Cải tạo, nâng cấp các điểm trường đảm bảo cơ sở vật chất, vệ sinh, nước sạch, sân chơi, môi trường... đồng bộ hóa các điểm trường chuẩn quốc gia (không để trường chuẩn quốc gia có điểm lẻ không đạt về cơ sở vật chất).

- Huy động trẻ đến trường đảm bảo chỉ tiêu giao:

+ Nhà trẻ: 4.124 cháu

+ Mẫu giáo 47.231 cháu, trong đó Mẫu giáo 5 tuổi đạt 99% số trẻ.

- Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non (GDMN):

+ Giảm lớp ghép (từ 13% còn 7-9%); giảm lớp 1 buổi (năm qua 80 lớp còn 60 lớp) để thực hiện tốt kế hoạch trường chuẩn quốc gia và chương trình

GDMN mới được chỉnh sửa bổ sung; tiếp tục thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt và chuyên đề xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2 (2021-2025);

+ Tăng tỷ lệ trẻ ăn bán trú 10% (năm qua đạt 52%);

+ Giảm tỷ lệ béo phì xuống 1% và suy dinh dưỡng từ 0,5-1%;

+ 100% trẻ được tiêm chủng đầy đủ, được theo dõi sức khỏe, được khám chữa bệnh;

+ 100% được đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn thương tích; không bị xâm hại, bạo hành;

+ 100% trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc giáo dục trẻ;

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

+ Tiếp tục tuyển dụng giáo viên nhân viên những nơi còn thiếu (đặc biệt các trường công nhận chuẩn quốc gia); nâng định mức từ 1,7 lên 1,8 giáo viên/lớp (riêng mẫu giáo 5 tuổi đạt 1,9 giáo viên/lớp);

+ Tăng tỷ lệ giáo viên có trình độ từ cao đẳng sư phạm trở lên theo lộ trình đến 2025;

+ Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, nhân viên bằng nhiều hình thức.

- Xã hội hóa GDMN:

+ Tiếp tục phát triển loại hình ngoài công lập để đảm bảo 100% huyện đều có loại hình tư thục (còn huyện Thạnh Trị chưa có); hỗ trợ các khu công nghiệp – cụm công nghiệp có các nhóm lớp tư thục;

+ Tăng cường đóng góp của phụ huynh trong thực hiện bán trú, chất lượng bửa ăn tại trường, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đồ dùng, thiết bị học tập cho trẻ và bồi dưỡng năng khiếu cho trẻ;

+ Kết nối với tổ chức, cá nhân tăng nguồn lực trong hỗ trợ cho trẻ em nghèo, điểm trường còn khó khăn, các hội thi và phong trào GDMN.

- Phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi: 100% xã phường được công nhận (năm qua còn phường 8 TP Sóc Trăng); Có 95/118 trường đạt chuẩn quốc gia (đạt 80%), 100% trường tự đánh giá (kể cả ngoài công lập) và 70% trường được kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Giáo dục Tiểu học

- Tiếp tục triển khai Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban

hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lớp 1 và lớp 2, trước mắt tập trung 5 nội dung:

+ Phối hợp với các đơn vị cung ứng sách giáo khoa và các sản phẩm giáo dục lớp 1 và lớp 2 của Nhà Xuất bản giáo dục Việt Nam tại địa bàn tỉnh Sóc Trăng đảm bảo đủ số lượng, chất lượng, đúng tiến độ trước ngày 15/8/2021 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Phối hợp thực hiện mua sắm đấu thầu tập trung thiết bị đồ dùng dạy học lớp 2;

+ Thực hiện bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên theo đúng kế hoạch lộ trình, đặc biệt là giáo viên đang thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1 và lớp 2 năm học 2021-2022;

+ Kiểm tra, rà soát hiện trạng cơ sở vật chất, nhất là điều kiện phòng học đảm bảo 100% dạy học 2 buổi/ngày đối với lớp 1 và lớp 2 (từ 32-35 tiết/ tuần);

+ Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiểu học tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại công văn số 2345/BGDĐT -GDTH ngày 07/6/2021 trước ngày 31/8.

- Tuyển sinh đầu cấp (lớp 1) và huy động học sinh tiểu học chuẩn bị khai giảng năm học 2021-2022: Huy động 6 tuổi vào lớp 1: 100%; huy động tổng số học sinh tiểu học theo chỉ tiêu kế hoạch: 119.945 học sinh.

- Tiếp tục quy hoạch mạng lưới trường tiểu học đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương:

+ Phát triển loại hình trường bán trú tại một số trường tiểu học đủ điều kiện ở các khu vực phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã;

+ Tiếp tục thực hiện ghép các điểm trường có số học sinh ít, gần điểm trường chính hoặc các điểm trường lân cận, đảm bảo sĩ số/lớp theo quy định.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy; Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, Tin học ở cấp tiểu học: khuyến khích triển khai cho học sinh lớp 1 và lớp 2 làm quen với chương trình tiếng Anh tự chọn ở nơi có đủ điều kiện, học sinh có nhu cầu nhằm chuẩn bị các điều kiện và lộ trình thực hiện dạy học tiếng Anh bắt buộc từ lớp 3 năm học 2022-2023 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Đảm bảo tiến độ công nhận 08 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia theo đúng kế hoạch năm 2021: Tiểu học Ba Trinh 2 (huyện Kế Sách); Tiểu học B

Huỳnh Hữu Nghĩa, tiểu học Mỹ Phước A (huyện Mỹ Tú); Tiểu học Tân Hưng A (huyện Long Phú); Tiểu học Trung Bình A, tiểu học Liêu Tú A, Liêu Tú B (huyện Trần Đề); Tiểu học Vĩnh Tân 1 (thị xã Vĩnh Châu).

3. Giáo dục trung học

- Tăng cường phân cấp quản lý cho các phòng giáo dục và đào tạo, các trường trung học về thực hiện kế hoạch giáo dục; nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý đối với trường trung học; đề cao vai trò của các phòng giáo dục và đào tạo, các trường trung học trong việc thực hiện kỷ cương, nề nếp quản lý dạy học, kiểm tra, đánh giá; Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, bảo đảm an toàn trường học.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục, chú trọng phát triển nguồn nhân lực. Thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên thực hiện hiệu quả đổi mới dạy học theo định hướng năng lực học sinh, đồng thời chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Phối hợp với các đơn vị cung ứng sách giáo khoa lớp 6 đảm bảo đúng tiến độ trước ngày 15/8/2021 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Phối hợp thực hiện mua sắm đấu thầu tập trung thiết bị đồ dùng dạy học lớp 6.

- Chú trọng nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học, tạo ra những chuyển biến rõ nét về chất lượng giáo dục môn tiếng Anh. Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy tiếng Anh, tổ chức dạy học và kiểm tra tiếng Anh theo 4 kỹ năng phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục. Khai thác hiệu quả các thiết bị công nghệ, hỗ trợ tích cực cho các tiết dạy, sử dụng hiệu quả phần mềm soạn giảng được trang bị; phát động giáo viên tham gia xây dựng bài giảng e-learning và đóng góp vào kho bài giảng trực tuyến toàn ngành.

- Tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018, đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, huy động mọi nguồn lực, khơi dậy mọi tiềm năng để phát triển giáo dục và xây dựng xã hội học tập theo tinh thần Nghị quyết 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao.

- Đẩy mạnh công tác định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông theo tinh thần Chỉ thị 10; phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học tư vấn học sinh chọn lựa môn thi, ngành nghề phù hợp với năng lực và nhu cầu của xã hội.

- Tiếp tục tuyển dụng viên chức, nhân viên những vị trí còn thiếu đối với các đơn vị trực thuộc Sở.

4. Giáo dục dân tộc

- Tham mưu và triển khai kịp thời các chế độ chính sách trong giai đoạn mới theo đúng quy định.

- Tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo vùng dân tộc thiểu số, vùng nông thôn nhằm thu hẹp khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa nông thôn với thành thị; bảo đảm các điều kiện phát triển giáo dục dân tộc bền vững góp phần ổn định chính trị vùng dân tộc.

- Quan tâm đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng dạy và học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) trên địa bàn tỉnh, thực hiện nghiêm túc công tác tuyển sinh đúng đối tượng và chỉ tiêu giao, nâng cao tỷ lệ học sinh khá giỏi từ 75-80% ở các trường PTDTNT; thực hiện công tác thi tuyển sinh vào lớp 10 ở các trường là 100% thi tuyển; thực hiện công tác tuyển sinh lớp 6 lấy điểm từ cao đến đủ chỉ tiêu giao, không chia theo địa bàn tuyển sinh.

- Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho các trường PTDTNT hướng đến tất cả các trường đều đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục cải tạo, đầu tư mới cho trường THPT DTNT Huỳnh Cương, THCS&THPT DTNT Vĩnh Châu (điểm cũ và điểm mới); Nâng cấp, sửa chữa các trường THCS DTNT của huyện Kế Sách, Thạnh Trị, Mỹ Tú, Long Phú.

- Thực hiện tốt công tác dạy chữ dân tộc theo nghị định 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ tại các trường phổ thông có đông học sinh dân tộc thiểu số. Triển khai có hiệu quả chính sách đặc thù về hỗ trợ người dạy tiếng và chữ Khmer vào dịp hè; tiếng và chữ Hoa tại các trường ngoài hệ thống các trường công lập theo Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Giáo dục Thường xuyên

- Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng các kế hoạch:

+ Kế hoạch củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo

dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

+ Kế hoạch triển khai thực hiện Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh, theo chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030.

+ Kế hoạch hỗ trợ công tác XMC trên địa bàn tỉnh nhằm tiếp tục củng cố công tác xoá mù chữ đạt hiệu quả hơn;

- Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá xếp loại đơn vị học tập theo thông tư số 22/2020/TT-BGDĐT ngày 06/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại đơn vị học tập.

- Đẩy mạnh các hoạt động chuyên môn, tích cực đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thường xuyên. Đa dạng hoá nội dung, chương trình và hình thức học tập, làm tốt công tác huy động mọi nguồn lực trong xã hội hỗ trợ cho ngành học không chính quy nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của mọi từng lớp nhân dân.

- Phối hợp tốt với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và trường Cao đẳng Nghề nhằm tổ chức tốt việc dạy văn hóa kết hợp với dạy nghề cho học viên ở các trung tâm GDNN - GDTX trên địa bàn tỉnh.

Chuyên dề 7
XÂY DỰNG VĂN HÓA ỨNG XỬ TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP ĐẾN NĂM 2025 TỈNH SÓC TRĂNG

I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA VÀ YÊU CẦU XÂY DỰNG VĂN HÓA ỨNG XỬ TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP ĐẾN NĂM 2025 TỈNH SÓC TRĂNG

1. Mục đích, ý nghĩa

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025" (gọi tắt là Đề án).

- Tăng cường xây dựng văn hóa ứng xử trong các trường cao đẳng (CĐ), trường trng cấp (TC); nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp; góp phần xây dựng con người Việt Nam: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo, giỏi nghề.

2. Yêu cầu

- Bám sát nội dung của Đề án, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh để triển khai Đề án, đảm bảo thời gian theo kế hoạch triển khai thực hiện của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Xác định nhiệm vụ cụ thể gắn với trách nhiệm của cơ quan quản lý Nhà nước về giáo duc nghề nghiệp địa phương với các trường CĐ, trường TC; đảm bảo việc thực hiện nghiêm túc, chất lượng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị.

- Việc triển khai Đề án được tổ chức rộng khắp trong các trường CĐ, trường TC trên địa bàn tỉnh; đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí, hình thức và có tác động mạnh mẽ đến học sinh, sinh viên (HSSV) các trường CĐ, trường TC.

II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG VĂN HÓA ỨNG XỬ TRONG TRƯỜNG CĐ, TRƯỜNG TC ĐẾN NĂM 2025 TỈNH SÓC TRĂNG

- 100% cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, HSSV các các trường CĐ, trường TC được tuyên truyền, phổ biến, học tập các vấn đề liên quan đến văn hóa ứng xử, môi trường văn hóa trong gia đình, nhà trường và cộng đồng.

- Có ít nhất 95% cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên trong các trường CĐ, trường TC được bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng xử văn hóa và có năng lực tốt trong tổ chức giáo dục văn hóa ứng xử trong trường học.

- 100% trường CĐ, trường TC trên tỉnh đạt tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh, thân thiện, góp phần xây dựng môi trường văn hóa trong nhà trường.

III. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về xây dựng văn hóa ứng xử trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Biên soạn, in ấn, phát hành tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền về văn hóa ứng xử dành cho cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV các trường CĐ, trường TC.

b) Tổ chức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng:

- Xây dựng tuyến các bài viết, phóng sự tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử trong trường học; về mục đích ý nghĩa, biện pháp, trách nhiệm của nhà trường, gia đình người học đối với việc xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; về thái độ, hành vi, ngôn ngữ, chuẩn mực của người học, nhà giáo, cán bộ, nhân viên trong trường học trên các báo in, báo điện tử và truyền hình.

- Tổ chức các buổi giao lưu, tọa đàm về chủ đề văn hóa ứng xử trong các trường CĐ, trường TC trên các báo điện tử, truyền hình.

c) Tổ chức truyền thông trên mạng xã hội:

- Xây dựng và phát hành các video clip và infographic, app,... theo các chuyên đề truyền thông về văn hóa ứng xử trên mạng xã hội.

- Tổ chức cuộc thi tìm hiểu văn hóa ứng xử trong các trường CĐ, trường TC trên mạng xã hội.

d) Tổ chức các phong trào thi đua; tuyên dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể xuất sắc; tuyên truyền các mô hình văn hóa ứng xử cho nhà giáo, cán bộ quản lý và HSSV trong các trường CĐ, trường TC.

e) Tổ chức cuộc thi, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn về ứng xử văn hóa trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho nhà giáo, người học tham gia.

2. Xây dựng và thực hiện Bộ quy tắc ứng xử trong trường học theo khung quy định chung đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Trên cơ sở Bộ quy tắc ứng xử trong trường học của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các trường CĐ, trường TC xây dựng, thực hiện Bộ quy tắc ứng xử với sự tham gia và cam kết của các bên liên quan (cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, HSSV, cha, mẹ HSSV).

- Người đứng đầu nhà trường có trách nhiệm quán triệt đến toàn thể cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và HSSV biết và thực hiện Bộ quy tắc ứng xử.

- Bộ quy tắc ứng xử phải được niêm yết tại các bảng tin, bảng thông báo, website và những nơi cần thiết khác của nhà trường.

- Phát huy tính gương mẫu của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và trách nhiệm của người đứng đầu trường CĐ, trường TC trong xây dựng văn hóa ứng xử; chú trọng xây dựng nhân cách người thầy. Đẩy mạnh giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phong cách cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, HSSV; tạo nền tảng về nhận thức và hành động để xây dựng môi trường văn hóa và ứng xử văn hóa trong trường CĐ, trường TC.

3. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục văn hóa ứng xử trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Đổi mới về nội dung giáo dục văn hóa ứng xử

- Bổ sung nội dung giáo dục văn hóa ứng xử vào các hoạt động giáo dục, thực hành, thực tập, tình nguyện vì cộng đồng; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do nhà trường, các đoàn thể, địa phương tổ chức.

- Nâng cao năng lực ứng xử văn hóa; giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, lối sống văn hóa, nhân ái, bao dung, nghĩa tình, trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, cộng đồng xã hội và đất nước; đặc biệt là sự tự trọng bản thân và trách nhiệm đúng mực, nhân ái với người khác của học sinh, sinh viên thông qua việc tự học, tự rèn luyện các kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết phù hợp với cấp học, lứa tuổi, trình độ đào tạo trong các chương trình, hoạt động giáo dục nghề nghiệp, vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

b) Đổi mới phương pháp, hình thức trong giáo dục văn hóa ứng xử

- Đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, sinh viên, đặc biệt coi trọng phương pháp trải nghiệm, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, ứng xử văn hóa của HSSV; giáo dục kiến thức pháp luật; thực hiện hiệu quả công tác tư vấn tâm lý HSSV.

- Đa dạng hóa hình thức giáo dục văn hóa ứng xử thông qua các hoạt động tập thể, các câu lạc bộ, cuộc thi, diễn đàn, tọa đàm, đối thoại.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục góp phần trong công tác thi đua xây dựng trường CĐ, trường TC văn hóa, văn hóa ứng xử, thực hiện nếp sống văn minh, lịch sự trong cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV thiết thực, thường xuyên, hiệu quả trong mỗi năm học.

- Khuyến khích trường CĐ, trường TC phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo trong học tập, rèn luyện và tham gia giám sát các hoạt động nhà trường, việc thực hiện văn hóa ứng xử và dân chủ trong trường CĐ, trường TC; ngăn chặn các hành vi vi phạm quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học.

4. Nâng cao năng lực ứng xử văn hóa và năng lực giáo dục văn hóa ứng xử

a) Xây dựng tài liệu bồi dưỡng, tập huấn về năng lực ứng xử văn hóa cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, đội ngũ cán bộ công tác HSSV, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập.

b) Tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực giáo dục văn hóa ứng xử cho HSSV đối với đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên trong trường CĐ, trường TC.

5. Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong xây dựng văn hóa ứng xử

a) Tổ chức gặp gỡ, trao đổi, phối hợp với gia đình HSSV để tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên đề văn hóa ứng xử trong trường CĐ, trường TC, thông tin để phối hợp, xử lý trong quá trình giáo dục, đào tạo.

b) Chủ động đề xuất, phối hợp với các đơn vị, tổ chức trên địa bàn để tuyên truyền, xây dựng môi trường văn hóa, phối hợp tổ chức giáo dục văn hóa ứng xử cho trường CĐ, trường TC trong và ngoài nhà trường; biểu dương kịp thời cá nhân, tập thể có thành tích; nhân rộng điển hình nói lời hay, cử chỉ đẹp.

c) Xây dựng và phát huy hiệu quả trang thông tin điện tử của nhà trường, các hình thức phản ánh, trao đổi, thu thập, xử lý thông tin từ người học, cán bộ, nhà giáo, nhân viên nhà trường, gia đình trường CĐ, trường TC, các cá nhân có liên quan khác về văn hóa ứng xử trong trường học và trên môi trường mạng; góp phần thực hiện dân chủ trong điều kiện hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thiết lập cơ chế tiếp nhận thông tin, xử lý kịp thời, đạt hiệu quả giáo dục đối với các hành vi bạo lực học đường, vi phạm quy tắc ứng xử cần xử lý.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Kế hoạch triển khai các nội dung trong Đề án.

2. Xây dựng và thực hiện Bộ quy tắc ứng xử trên cơ sở khung quy định chung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phù hợp với điều kiện và đặc trưng vùng miền của mỗi nhà trường.

3. Định kỳ hàng năm báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục giáo dục nghề nghiệp.

MỘT SỐ NỘI DUNG GỢI Ý VIẾT BÀI THU HOẠCH

---

1. Yêu cầu:

Mỗi cán bộ, giảng viên, giáo viên tham dự lớp học tập bồi dưỡng chính trị hè đều phải viết bài thu hoạch. Bài thu hoạch phải thể hiện tính nghiêm túc, trách nhiệm, gắn với chức trách, nhiệm vụ của bản thân. Do đó, trong thời gian tham gia học tập cần tập trung nắm vững, hiểu rõ những vấn đề cơ bản Báo cáo viên đã trình bày kết hợp với tự nghiên cứu tài liệu.

2. Nội dung gợi ý: Bài thu hoạch cần tập trung vào một số nội dung sau:

2.1. Nhận thức của cá nhân về các nhiệm vụ, giải pháp trong việc thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Kết luận của Ban Bí thư và các chuyên đề được nêu trong tài liệu bồi dưỡng chính trị hè năm 2021.

2.2. Từ những nội dung được học tập, nghiên cứu, học viên chọn một chủ đề liên hệ với thực tiễn của ngành, đơn vị và cá nhân để viết bài thu hoạch.

2.3. Đề xuất, kiến nghị những giải pháp có hiệu quả để tổ chức thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Kết luận của Ban Bí thư trong thời gian tới ở ngành, đơn vị và chức trách cụ thể của cá nhân.

Lưu ý:

Bài thu hoạch không được sao chép, viết qua loa, chung chung, hình thức. Đề nghị các học viên tham gia học tập trong đợt bồi dưỡng chính trị hè 2021 hoàn thành bài thu hoạch cá nhân sau 7 ngày tham gia học tập và nộp bài thu hoạch theo đơn vị công tác. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm xem xét, đánh giá chất lượng bài thu hoạch và tổng hợp báo cáo theo quy định của Ban Tổ chức lớp học./.